

INDO-CHINOIS
31

院 書 通 普 南 越

BIBLIOTHÈQUE ANNAMITE DE VULGARISATION

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o 298

f306

MỘT CÁCH ĐỂ CỦA CHO CON



D. Q. H.

SOẠN

(TOUS DROITS RÉSERVÉS)

GIÁ : 0\$45



80 Indochine

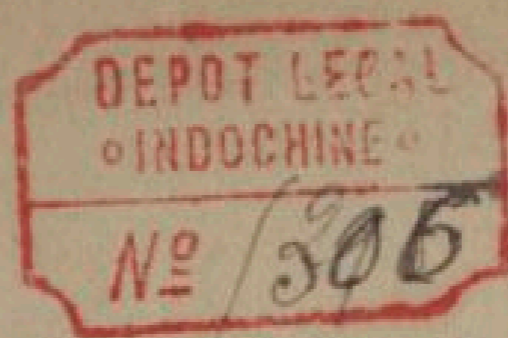
HỘI HỌC-GIỚI BẢO-TRỢ TỈNH NAM-ĐÌNH XUẤT BẢN

31

(C.)

Nom d'auteur J. G. H.

Titre de l'ouvrage Môt cach de² cùe cho con.
(Un moyen de laisser les biens aux enfans)

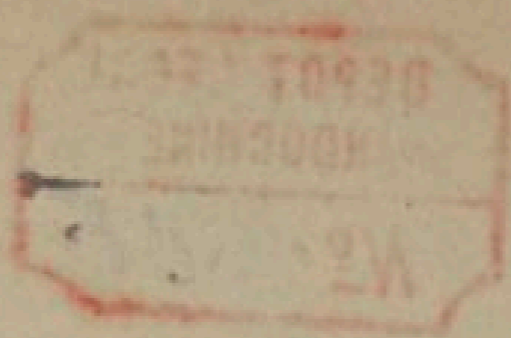


MỘT CÁCH ĐẸ CỦA CHO CON

Muốn cho con cái sau có quyền cao chức trọng, nhà ngói cây mít, ao cả ruộng liền là lẽ thường tình của mọi người. Vì lòng ước ao ấy mà lắm người chặt bóp từng đồng, dè sẻn từng li, ăn nhịn để dành, mong gây dựng cho con cái mai sau. Tuy phải khó nhọc, hoặc dầm nắng dãi mưa, hoặc chân bùn tay lấm, hoặc chèo non vượt biển, mà miễn kiếm được dư dật ít nhiều dành dịn nay tí mai tí, lâu dần thành tiền đồng để lại cho con làm vốn liếng là cũng không há răng hở môi phàn nàn chi cả. Có khi thương con quá, đến nỗi không nỡ chái ý, muốn sao cho vậy, không dám bắt học bành, sợ con phải nhọc mà thường nghĩ thầm rằng : ngày nay là buổi kim tiền thiết huyết, nay ta dành dịn có tiền thì nhờ oai đồng bạc dẫu đổi trắng thay đen còn được, huống chung là lo danh phận cho con, tưởng dễ như dờ bàn tay có khó gì. Vả chẳng đến khi con ta khôn khôn lên, sẵn đã có vốn liếng nó làm ruộng đi buôn, làm gì chả đủ được sung-xương, tội gì bắt nó vùi đầu vào quyền sách xuất ngày cho mệt thân nó. Mà lại lắm người văn hay chữ tốt nhưng vẫn cũng sắc như vờ, sơ như rộng thì tội gì ta bắt con ta mõi óc nhọc sắc làm chi.

Ôi ! Thương con đến thế thật không thương phải đường ! Cái lý tưởng để của chìm của nổi cho con còn hơn là cho con ăn học thật là sai lầm lắm lắm. Ta đã thấy bao nhiêu nhà trọc-phú chỉ lắm của nhiều tiền mà óc rộng tếch ngu si đại dột, trông vào chữ như xem vào tường, hay phải lừa đảo, người bảo phải chả theo, chỉ nghe kẻ nói dối, nên chẳng bao lâu phải mình trần chôn-chã, chơ thân cụ còn hai bàn tay trắng. Đến bấy giờ tiền hết gạo không lấy gì làm cách sinh nhai, tất phải xoay ra cách lường thầy phản bạn, dối-da gian-tham, nhân cách con người sao cho giữ được, còn nói chi đến sự chia bùi sẻ ngọt, báo đáp sinh thành.

Nước đã đến chân, nhảy sao cho kịp, vì cha mẹ lo không phải đường, tình chẳng ra lối mà đi đại họa cho con.



Trông người phải ngắm đến ta, ta há chẳng nên lợi dụng cái nhàm của người mà định liệu cách đề của cho con ta sau này thế nào cho phải đường ư. Ta nên nhận biết rằng, thế-kỷ ngày nay là thế-kỷ lý luật, khôn được đại thua, hờ hênh thiệt của, vô ý mất tiền, vì lắm kẻ hiểm thâm vô lại, dùng thiên phương bách kế, phép qui chước ma đề bóc tước anh khờ, anh dốt, chẳng thương chi người đại, không sót gì kẻ ngu. Ngày xưa người dốt nát dần dần nhưng chịu cầm cùi chũi đục làm ăn thì còn giữ được của, nhưng ngày nay người dốt nát, kẻ ngu si khó giữ được của mà ăn; cho nên ta phải lo trước nghĩ sau thế nào cho con ta sau này có thể cạnh tranh với người đời quý quyết.

Đi qua rừng rậm lắm loài ác thú, tất phải có khi giới mấy bảo toàn được tính mệnh; ở đời quý quyết, tất phải khôn giỏi mới có thể bảo hiểm được thân mình.

Đành rằng cái khôn giỏi là những khí giới mạnh để hộ vệ cho người, nhưng tìm đâu thấy, lấy đâu được? Xin đáp rằng: sự khôn giỏi hay ẩn núp trong những quyển sách tốt. Thực vậy, những sách tốt là những tiếng của bạn hiền khuyên nhủ êm dềm ta làm những điều hay, dạy dỗ ta ngọt ngào những nhẽ phải, miễn là ta biết kiên tâm bền chí mà họp tập vui lòng mà tuân theo là được. Thừa xưa ông Drouot nhà nghèo cảnh khổ, chỉ nhờ có học mà nên khanh tướng, vẻ vang mày mặt rõ ràng mẹ cha; bà Mạnh-mẫu, mẹ góa con côi, chỉ biết chăm cho con học hành mà được hiển vinh sung sướng, tiếng thơm để lại nghìn thu. Muốn nghìn người khác nhờ có học mà được vinh thân phì gia kể sao cho hết. Thế mới biết cô-nhân nói: «Đề nghìn vàng cho con không bằng dạy con một quyển sách», thật là có lý lắm. Vậy bất cứ ta muốn sau này cho con làm nghề gì, trước hết ta nên cho học đến nơi đến chốn đã, mà nếu có thể cho học được thì những cách lối tắt đường ngang mong cho chóng được cái danh giá hảo huyền, ta chớ nên dùng đến, vì nghề nào cũng vậy, làm ruộng, đi buôn, làm thợ, nếu có học rộng biết nhiều tất có cơ mở

mang to tát được. Xem như những nhà nông công thương các nước văn-minh lập nên nghiệp nhơn có danh tiếng lừng lẫy hoàn cầu, hầu hết là những tay cự phách trong làng nho xuất thân ra đường thực-nghiệp, chứ những người vô học thức đương sao nổi những việc nhơn được. Nói tóm lại là hễ cho con học được đến nơi đến chốn, tức là đề cho con cái của rất chắc chắn vậy.

D. Q. H.

GƯƠNG-PHONG-TỤC

Thiên-hạ mỗi nước có một phong-tục, mà trong nước cũng mỗi nơi có mỗi phong-tục. Những nhời ca-rao này tức là cái tinh thần hồn phách của thói tục trong nước hiện ra. Hễ thói tục hay thời có câu ca-rao hay, thói tục dở thì có câu ca-rao dở. Điều hơn nhẽ thiệt, kẻ đại người khôn, không sự gì là không đủ. Cũng là một cái gương cho người trong nước ta soi chung. Không cứ nhơn nhờ giai gái, ai cũng nên đem cái gương này mà soi vào mình, điều hay thì nghĩ xem mình có được như thế không, điều dở thì xét xem mình có phải như thế không. Hay khen hèn chê, nào ai có báng miệng thiên-hạ. Tốt phở xấu dấy, chữa dề mà che mắt thế-gian. Nhời ông bà cổ sơ nói, chẳng điều bỏ đi; thực là một sự khuyên răn rứt thiết cho người ta, không phải là đề nhêu ngao cho đỡ buồn mà thôi.

Xưa kia ta chỉ học sách quốc-phong nước Tàu, thì chưa ai chép đến sách này. Từ khi có lối học mới thì ta mới biết cái thói tục của mình là sự cần hơn. Nên cũng đã một vài người có chí, chép nhặt lấy mấy nhời qua ở các miền quê, mà ghi làm quốc-phong của nước mình.

Những sách ấy chép có ba lối : một là chép theo lối quốc-phong nước Tàu mà chia ra từng phủ từng huyện ; hai là theo lời ca mà chia loài mục, như là mục cây cỏ, mục núi sông ; ba là dịch nghĩa nhời ca làm câu thơ chữ

nho, mỗi câu bốn năm chữ, như lối thơ quốc-phong nước Tàu. Mỗi sách mỗi lối cũng là có một ý kiến cả.

Đến như sách này, là góp nhặt mọi nhời ca mà suy xét tình ý, xem câu nào ý gì sẽ lựa theo mà chia mục, cả thấy mười mục là ba mươi tám tiết, trước hết lấy sự luân-lý làm đầu, rồi đến các bực người, các dạng nói, nhân tình thế sự, khí đất tiết giờ, gần từ trong nhà, xa đến ngoài nước, loài nào mục ấy, làm cho người xem mở sách thấy nghĩa ngay, còn những nhời chưa rõ là tình ý gì, mà nhời nhẽ hay, thì cũng chép phụ xuống cuối sách, gọi là ghi nhớ lấy nhời cồ tích mà thôi.

Sách này là biên chép, không phải là đặt ra, nói hay nói dở là tự nhời người xưa, mà biết dở biết hay, thì ở lòng người xem sách, duy những nhời chưa bàn, là người chép sách có phụ thêm ý mình, làm cho rõ nghĩa, song cũng phần nhiều là dẫn nhời phương-ngôn tục-ngữ là điển-tích cho rõ, là nói có sách mách có chứng, không dám tự ý riêng mà nói phải lấy một mình.

Song nhời ca-rao trong một nước có nhẽ còn nhiều, sách này tuy rằng góp nhặt đã kỹ, nhưng mà tai mắt một người đã lấy đâu làm đủ được, vả lại các bài ấy phần nhiều là sao ở miệng người, không phải là có bản sẵn, nên dầu so xét cũng chưa chắc đã khỏi sự sai nhảm, nếu sau này các ông biết rộng, có ý giúp vào, góp gió làm bão, như gấm thêm hoa, cho cái gương soi chung trong nước một ngày một tỏ, mà tai mắt chúng ta càng trông xa nghe rộng mãi ra, ấy là phần trông mong về những người thông thái,

ĐOÀN-DUY-BÌNH

Nòi giống họ hàng

Máu gà lại tầm xương gà, máu người đem tấp xương ta thế nào.

*
*

Người ta hơn các giống vật được cái luân thường. Nếu biết qui loài giữ giống. Máu chảy đến đâu, ruồi bâu đến đấy, nghĩa là cùng huyết mạch thì biết thương nhau. Máu người không tầm được xương ta, nên máu mủ nhà ta, ta phải qui. Đây tiết đầu bài thứ nhất. Đem nhời này xương lên trước, cho tỏ sự nói giống là gốc cương thường.

Trứng rồng lại nở ra rồng, liu-diu lại nở ra dòng liu-diu.

*
*

Người ta nói : con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh. Xem ra người hay kẻ giở cũng ở nòi giống nhiều. Đây hai chương trên là nói con nhà dòng dõi hay nối nghiệp nhà. Mà chương dưới là nói : nòi nào lại ra giống ấy.

Con vua thì lại làm vua, con nhà thầy chùa lại nhật lá đa.

Con quan thì lại làm quan, con nhà kẻ khó đốt than tối ngày.

*
*

Làm quan có mả, kẻ cả có dòng. Lối thường xưa nay vẫn thế, nhưng mà có chí làm nên quan, có gan làm nên giàu. Giời không đóng cửa ai. Nhẽ nào con nhà nghèo hèn cứ phải nhật lá đốt than mới được.

Có cha có mẹ thì hơn, không cha không mẹ như đờn không giây.

*
*

Con có cha như nhà có nóc, dù khôn dù dại. Lúc ấp vú mẹ thế nào chẳng hơn. Xem chương này thì người ta lúc có cha có mẹ nên liệu mà ăn ở.

*Xin người hiếu-tử gắng khuya,
Kịp thời nuôi nấng cho tuyền đạo con.*

* *

Trẻ cây cha, già cây con, người ta ai cũng phải thế.
Đạo làm con nên nhớ ơn cha mẹ nuôi mình thừa nhờ, mà
báo dưỡng lại lúc cha mẹ già.

*Công cha bằng núi Thái-son,
Công mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

* *

Cha mẹ không kể công mấy con, như mà làm con thì
nên biết công cha mẹ. Phạm người ta ăn ở, có gốc thì có
ngọn.

Đừng như truyện mẹ nuôi con bằng giới bằng bễ, con
nuôi mẹ con kể từng ngày.

*Gió đưa cây của lý hương, xa cha xa mẹ thất
thường bữa ăn. Sầu riêng bữa chả muốn ăn, đã
mang lấy bát lại rần xuống mâm.*

* *

Lòng thương người ta, trông xuống thì nhiều, trông lên
thì ít, nên phần nhớ cha mẹ, không bằng phần nhớ vợ
con. Chương này xa cha mẹ mà nhớ đến quên ăn. Thực
là người con có hiếu, những tình cảnh ấy một là con giai
đi xa vắng, hai là con gái mới đi làm dâu.

*Con mẹ có thương mẹ dâu, để cho chàng rể nàng
dâu thương cùng.*

* *

Dâu hiền nên gái, rể hiền nên giai, thế-gian cũng thường
có ; nhưng mà con rể ra còn chưa thiết thì trách dâu trách
rể sao được. Khác gì truyện anh em khinh trước làng
nước khinh sau.

*Sống thì con chẳng cho ăn, chết thì sôi thịt làm
văn tế ruồi.*

Thói đời lạ nhỉ, sống chẳng cho ăn, chết làm văn tế, sống mặc áo rách chết chôn áo lành, coi như là trọng cái linh-hồn, mà khinh cái xác thịt. Song xét không phải thế, chỉ là giả nợ miệng, cùng là che mắt đời. Chớ không vì gì người chết, nếu có lòng hiếu kính với cha mẹ, thì đem đồ ăn thức mặc mà phụng dưỡng ngay lúc sống có hơn không.

*Bốn con ngồi bốn chân giường, mẹ ơi mẹ hỏi
mẹ thương con nào. Mẹ thương con bé mẹ thay,
thương thì thương vậy chẳng tầy trưởng-nam.*

Xem như chương này bát máu sẽ làm năm làm bảy, con nào là cha mẹ chẳng thương, như mà các con ở với cha mẹ thế nào, hay là lại như câu : cha chung không ai khóc.

*Đôi lòng ăn khế ăn sung, trông thấy mẹ chồng
mà nuốt chẳng trôi.*

Khế thì chua, sung thì chát, đời người đến sự chua chát thì không còn há gì ; thế mà trông thấy mẹ chồng lại nuốt chẳng trôi, thì tình cảnh càng cay đắng lắm. Chương này có ý oán ức. Không phải như câu : rau muống tháng chín nạng dầu nhịn cho mẹ chồng ăn.

*Thật thà cũng thề lái trâu, yêu nhau cũng thề
nạng dầu mẹ chồng.*

Thế-gian con gái nhà này, con dâu nhà khác. Ai cũng có làm nạng dầu, rồi mới lên mẹ chồng. Thế thiên hạ cũng lắm người chường ác. Lúc làm dâu thì coi mẹ chồng là lòng con lợn. Lúc làm mẹ chồng thì đem nạng dầu làm bồ chịu chửi. Làm cho người con giai thương vợ thì ra điều

bất hiếu. Chiều mẹ thì mang tiếng bạc tình. Có phải tan cửa nát nhà chỉ vì đàn bà mà ra không.

Xét ra chỉ vì đàn bà ta ít phần học thức. Phần nhiều là lấy thói cay nghiệt mà dô dọt cho nhau. Bởi vậy nên đũa nhau lấy thói ấy mà làm lợi quyền của đàn bà, mà không ai chịu đổi bỏ.

Thôi như mà con gái là con người ta, con dâu mới thật mẹ cha mua về. Ngánh mặt di con dại, ngánh mặt lại con khôn. Không nên bắt chước câu : mất tiền mua mắm thì đem cho thủng.

Còn như phận làm dâu, thì thế nào cũng là dâu con nhà người. Mẹ chồng dữ thì mẹ chồng chết. Nàng dâu có nết thì nàng dâu chừa. Con người ta ở hiền thì gặp lành. Bắc cầu mà noi không bắc cầu mà lợi.

Chồng rự thì lo, mẹ chồng mà rự mỗ bò ăn khao.

..

Khôn chẳng qua nhẽ, khỏe chẳng qua nhờ. Bực này hẳn vững mình biết đường ăn ở. Không phải là tai quái mà bỏ hồ mẹ chồng.

Cô kia đội áo đi đâu, tôi là phận gái làm dâu mới về. Mẹ chồng ác nghiệt đã ghê, tôi ở chẳng được, tôi về nhà tôi.

..

Mẹ chồng ác nghiệt đến nỗi nàng dâu phải đội áo ra về, thì cũng sắc tay lắm nhĩ. Như mà chị này cũng vụng, sao không trông người ta mỗ bò ăn khao.

Mấy đời bánh đúc có xương. Máy đời rì ghê có yêu con chồng.

Mấy đời sấm trước có mưa. Máy đời rì ghê có ỉa con chồng

Người ta thường nói máu chảy đến đâu, ruồi bâu đến đấy. Cái ấy là nhẽ tự nhiên. Song ở đời phần nhiều là vì luân-thường mà nên lòng yêu mến. Tức như, bè bạn có phải là máu mủ gì đâu, sao cũng có lắm kẻ thân thiết như ruột thịt. Mẹ gà con vịt, tuy không phải khúc ruột rật ra nhưng mà cha sinh chẳng bằng mẹ dưỡng. Mượn máu còn hơn cháu chồng. Rì ghẻ cứ giữ đạo mẹ mà trông xuống con chồng, thì con chồng cũng phải giữ phận con mà ở lại. Có nhân thì nhân mọc. Chớ nên đem lòng ghẻ lạnh, mà thêm điều dòng họ thớ kia.

Tuy rằng thế : bánh đúc không xương, cửa miệng vẫn quen trách rì ghẻ. Song phận làm con sầy mẹ bú rì, cũng phải ở cho người ta thương, thì người ta mới thương được. Chớ có nại cái câu : vợ cái con cột mà muốn ngang thì ngang, muốn ngược thì ngược. Rồi lại trách mẹ ghẻ chẳng dễ chẳng thương.

CÁI HẠI NUÔNG CON

Cha mẹ sinh ra con nuôi nấng chịu hao tổn bao nhiêu công của, vậy ai là người chẳng có lòng thương yêu con cái. Mà thương con, yêu con là cái thường tình của cha mẹ xưa nay vậy.

Nhưng mình đã thương yêu con cái, ắt là mình chỉ tâm tâm niệm niệm mong cho con mình chóng nên người, có thể thì mình mới được vui lòng hả dạ. Nhưng ta đã thương yêu con ta thì ta phải liệu cách mà dạy bảo rèn đúc, chớ yêu quá hóa nuông, thành thử mong cho con khá lại hóa hại con !

Ô hay ! Yêu con sao ai lại dám bảo là hại con ? Chắc hẳn độc-giả đã vội ngạc-nhiên mà chất-vấn một câu như

thế hẳn ? Thưa rằng : mình yêu con mình thì mình phải để tâm mà chăm chút cho con, tìm thầy tìm bạn cho con học, liệu tư-cách của con mà bồi bổ trông nom, chớ để nay rông mai dài, muốn sao được vậy, rồi thành thử cái dở cái hư mà mình không ngờ nó theo đến lúc nào không biết.

Ôi ! Ký-giả đây đã từng được mục kích bao nhiêu các cậu thiếu-niên nhà cửa cũng phong phú, song chỉ hiềm cha mẹ quá nuông con, hóa cho nên cơ đồ hỏng cả, sự học hành của các cậu lỗ bét, dở dang dang dở, cái cảnh tượng ấy khiến người có tâm cùng thế-đạo đều phải ngậm ngùi mà than thở.

Lại biết bao kẻ vì cha mẹ xưa nay quá chiều hóa ra du thủ du thực, muốn chơi bời ngang dọc thế nào là cứ tùy ý sở thích, rồi du-côn dở, lấu cá dở, đạo-đức dở, văn-nhân dở !!! Ôi ! Càng nghĩ càng khiếp, càng viết càng ghê, ghê vì một nỗi cái ngộ-điềm trong gia-đình mà những bậc làm cha mẹ không để tâm săn sóc cho con, mà lại quá dưong quá nuông con để hóa ra giết con trong những cơ cực ấy. Mà nào con mình hư, có riêng hại một mình nó, một mình mình mà thôi đâu, lại hại lây cho cả quốc-gia nữa vậy. Vì đứa bé kia gia nó sớm được cái giáo-dục hoàn toàn trong gia-đình, ắt nó sẽ là người đủ tư cách ở ngoài xã-hội, rồi nó làm công nọ việc kia, một mai giúp được việc cho nhà cho nước Thế mà mình nuông con, thành thử để con hư, vậy chẳng phải mình làm hại lây đến cả xã-hội là gì ?

Vậy dám nhắn nhủ các bậc làm cha làm mẹ đã sinh ra con là phải liệu cách chăm nom, chớ nên nuông con quá, rồi mai sau nó không đủ tư-cách làm người thì mình không khỏi dắc-tội với quốc-dân vậy.

ĐỒNG-GIANG MINH-CHÂU
NGUYỄN-VĂN-DU.

TRÍ KHÔN LOÀI VẬT

Nhiều loài vật giúp đỡ ta công, này việc khác hoặc để thêm phần lợi ích, hoặc để bớt sự sợ lo cho ta. Lại có nhiều con ăn ở tử tế nhân nghĩa, khôn ngoan mưu trí lạ thường, tưởng nhiều người vô tri thức, vô phẩm hạnh khó sánh bằng được. Mấy bài dịch sau đây đủ chứng minh điều ấy.

Q. S. *trích dịch.*

A) Chó nhà hàng trong trại lính.

-- « Cậu bé Frizel kia ơi, con chó này là của cậu đấy à ? Một ông lính già hỏi tôi thế.

-- Thừa ông Schmitt con chó ấy là của người nhà hàng ở trong trại đem đến cho chúng tôi chữa, vì nó đã bị thương. »

— À ! phải rồi, hẳn là con chó lính, nó tất biết tập. »

Con Scipio ghéch mõm lên giới nhìn chúng tôi và ông Schmitt bỏ điếu thuốc ra rồi nói :

— « Con chó này ở trong trại, nó giống hệt con chó Michel mà chúng tôi mua ở Silésie là nơi tôi đi tòng chinh trước. »

Nói đoạn ông giơ cái điếu lên mà bỏ rằng :

-- « Bồng súng lên ! »

Bỗng nhiên con Scipio đứng dậy hai chân trước bồng thẳng xuống thẳng lên như một người lính thật, thấy vậy tôi lấy làm lạ vô kể.

Ông Schmitt nói nói cười cười : « Hà ! Hà ! Hà ! Tôi đã biết mà ! . . . Nghe đến câu tiến lên phải cẩn thận nhé ! » Vừa dặn xong, mồm đánh trống, chân đi sau con chó, ông hô lên :

— « Tiến lên ! Phầm . . . phầm . . . phầm . . . rầm phầm phầm. Ấc đê . . . Ấc đê ! »

Con Scipio đi dẫn giới lạ thường, tai bỏ đủ xuống vai, đuôi vảnh đứng lên giới.

Ông Schmitt lại hô : « Đứng lại » thế là con Scipio khoan bước. Thật lạ lùng thay, lòng tôi lấy làm cảm động lắm.

— « Đứng yên, được nghỉ ! » Nghe thấy ông linh già ấy hô thế là con Scipio bỏ bốn chân xuống.

Ông Schmitt nhìn con chó chăm chăm tưởng như ông nhắc lại cho nó nhớ lúc khi xưa ông còn đang ở trong trại ngũ.

Nghỉ một lát rồi, ông lại nói : « Phải chính thực là con chó linh rồi vậy, thử xem nó có biết việc nước là gì không, vì nhiều con chó chẳng biết việc nước là chi chi cả... »

Vừa buông lời, ông vớ lấy cái gậy dựng ở sau cửa, cầm ngang ra rồi hô lên : « Nghe thấy tiếng hiệu lệnh phải cho cần thận nhé ! ».

Con Scipio đã chực sẵn đề thi hành mệnh lệnh.

— « Nhảy chào mừng nước Dân-chủ ta nào ! » Ông linh già hô lên thế. Con Scipio nhảy qua cái gậy nhẹn như con hươu vậy.

— « Nhảy lên chào mừng quan tướng Hoche ! » Con Scipio nhảy tót ngay qua.

— « Nhảy chào mừng vua Đức nào ! »

Nghe đến tiếng hò này con Scipio cứ diềm nhiên ngồi, ra bộ nhất định không tuân lệnh. Ông Schmitt tòm tòm cười thầm, mắt lim dim nói rằng : « Phải nó biết việc nước đó... lè! hè! hè! Nó không muốn nhảy chào mừng vua Đức, thực quả là con chó linh đấy. »

Sau hết ông Schmitt dơ tay ra vuốt ve đầu con Scipio thì nó xem ra khoái trí lắm.

Trích dịch sách của M^e THÉRÈSE.

B) Chim gáy.

Trước cửa sổ nhà tôi có nhiều cây cối : những cây đa mọc um tùm tươi tốt, cao ngất giời xanh. Ngồi trong bàn giấỵ, không phải đi khỏi một bước cũng nhìn thấy hai con chim gáy làm tổ ở đũa một cái cây, hai bên cành vào cái trà trạnh. Tôi thấy cái tổ ấy xây dựng lên dần dần thành như một cái nhà ở, thực chưa từng thấy cái gì bổ ích và thú vui hơn nữa.

Đôi chim này quả đáng làm mẫu mực cho vợ chồng người đời được. Con sống đi kiếm những đồ vật liệu làm tổ. Những vật liệu này toàn là những cành cây khô, nhưng nó không hề gặp sao lấy vậy, không có thể, nó kén chọn từng chiếc. Nó không có lấy những cành mà đã giời xuống đất cát bùn bần thiu. Đó là những vật ế tạp không đáng dùng để làm tổ cho con ở. Nó lấy tận trên cây, dùng mỏ bẻ từng cành rất cẩn thận rồi đem về cho vợ. Chính con mái làm tổ. Nó làm vào chỗ rất vững bền cẩn thận, không sợ mưa gió phũ phàng làm lay chuyển đi được.

Con cái đẻ được hai trứng trắng phau phau như ngà vậy. Suốt mười lăm hôm trường con mẹ không hề giời ấp trứng một giây phút nào. Con sống bay ngược bay xuôi kiếm mồi cho ăn, có khi nó đưa về mấy hạt thóc gạo, vài cái búp non, chẳng khác gì những chim câu nuôi ở tỉnh ta đi kiếm hạt rơi hột rụng ở trong nhà.

Có điều rất lạ là những con chim này ăn uống đúng giờ tựa như có đồng hồ vậy. Ăn một ngày hai bữa, buổi sáng vào khoảng tám chín giờ ăn lót dạ tí tí, buổi chiều vào khoảng ba bốn giờ thì ăn bữa chính.... Nay đến ngày trứng nở, vỏ nứt ra, hai con thui thúi nở sinh đẹp đẽ chưa biết gì cả, còn yếu đuối lắm.

Con mẹ lúc này lại càng ra tâm săn sóc không dám dờn tổ, sợ con phải rét, vì hơi rét là chết liền. Lấy hơi mình ấp ủ cho con im lặng như tờ. Con sống coi giữ săn sóc cùng đôi lúc nâng lên đặt xuống nữa. Nó đậu gần ngay ở cành

bên cạnh mà thủng thoảng nghe thấy tiếng cu cu dên dỉ. Dễ thường đó là tiếng hát nó du con chằng.

Độ mấy hôm chim con kêu lép nhép, mở mở to, cánh đập đập để tập bay bổng sau này. Dần dần khỏe lên bay được, tự kiếm ăn lấy bay đi không về tổ nữa.

Trích dịch sách của FÉLIX DUQUESNEL.

C) Bu-du

Trong những rừng rộng mênh mông ở nhiều xứ nóng có lắm hâu ở. Có giống to bé khác nhau, nhưng nếu chịu nhận kỹ càng cũng thú lắm. Ở lưng chừng giới trên những cành cây nó không lo sự tử, chẳng sợ hổ báo.

Nó chỉ sợ rắn bò vào lúc đang ngủ sửa thịt thôi.

Những hâu ăn quả và rễ cây, nếu không có thì phải ăn sâu bọ vậy. Nó ăn tham lắm, ăn những cây có nước ngọt và những con nào ở gần bờ bề thì ăn cua, ăn sò. Nhân sò có vỏ hộ vệ che chở, nếu muốn ăn, nó phải đợi khi nào há miệng một tí, nó cầm que nhỏ ngang lấy rồi ăn thích lắm.

Nhiều con làm ở trên cây những nhà lều toàn bằng cành và lá lấy mây buộc chắc vào cành. Mái nhà hơi chênh chênh, làm khéo lắm đến nỗi có người hành khách nói rằng phải nhầm là nhà của những người đi săn làm ở. Tổ làm cao để khỏi sợ các ác-thú, thấy cứ hai cái làm gần nhau. Xa xa cũng có tổ ở lỏi ra một nơi, đó là tổ con hâu già cứ trông lông lốm đốm bạc và mồm rụng hết răng thì đủ biết.

Những hâu đi ở trong rừng cứ theo cành cây, con này đi trước con kia, không phải bước chân xuống đất. Nhưng đôi khi có sông lạch chẹn ngang đường, cả đàn không đi được. Vả những hâu không biết bơi thì làm như thế nào? Người ta kể chuyện chúng bắc cầu như thế này :

Một con bám chặt vào cây to bên bờ này, con thứ hai ôm lấy con đầu rồi nắm lấy con thứ ba, con thứ ba nắm

lấy con thứ tư cứ thế mãi thành ra cái giáy súc sịch dài đến sáu bảy con đeo lưng lẳng trên dòng nước chảy xanh veo.

Con làm cái vòng sau cùng bắt đầu đánh đũa trên không, dần dần mạnh lên cho mãi đến khi bám đến cành cây bên bờ kia mới nghe. Thế là trên giòng sông chảy thành có cầu cả đàn đi vậy. Con đầu làm cái cầu treo ấy bỏ cành ra và cả cầu bám vào con làm vòng sau cùng lắc lư bên bờ sông nọ.

Đó là câu chuyện lạ lùng mà một người hành khách đi qua rừng Nam-Mỹ đã thuật lại.

D) **Sư tử của tên Androclès**

Khi ở La-Mã (Rome) ai có tội phải bỏ vào cho thú dữ ăn thịt thì là một ngày hội to vậy. Đàn ông, đàn bà phải tội cho báo cạp hay sư tử ăn thì phải bỏ vào giữa một cái rạp cirque rộng mông mênh. Nhiều người có đạo, phải tội cho thú dữ ăn vì không muốn bỏ đạo.

Hôm kia có yết-thị một tên bán mình làm tội tử gọi là Androclès phải bỏ vào cho một con đại mãnh-sư Phi-châu ăn thịt. Cho nên dân thành La-Mã nô nức đi xem ngồi chật cả ghế rạp cirque. Nhưng mà con mãnh-sư ấy đâu thấy tội-nhân bỏ vào mà cũng không sầm phạm đến. Nó khoan bước dưng chân rồi lại gần dần dần nhìn kỹ tên Androclès tựa như quen biết tên đó đã lâu. Sau rồi lại gần tận nơi liếm chân và cạp sát hẳn vào người bán mình làm tội tử ấy mặt xanh chàm đỏ, thân nhường rã run.

Lâu hồi tỉnh lại, tên Androclès mới dám nhìn con sư tử và khi đã vững dạ rồi, liền thò tay ra vuốt ve lông mao nó. Trông thấy thế, ai ai cũng lấy làm lạ đều vỗ tay ngợi khen. Vua cho vời tên Androclès lại để tra hỏi cho biết mọi lẽ thì hẳn tâu rằng :

— « Muốn tâu Thánh-thượng, khi xưa con bán mình làm tôi tớ bên Phi-châu. Chủ con tàn nhẫn con tệ lắm, đến nỗi con phải liều vượt qua xa-mạc mà tâu thoát. Giờ nắng như nung như nấu, con đi lâu lắm mới gặp một cái bóng hang mát. Con vào đó trú ngụ được một lúc thì thấy một con sư tử về lê diết đến sau con, chân máu me đầm đìa, miệng kêu gầm thét gớm ghê ra chiều đau đớn. Ban đầu con tưởng con không còn chi là đời nữa. Nhưng khi trông thấy ần núp ở trong hang nó lại gần ra bộ hiền lành rồi dơ chân hình như kêu van con cứu giúp. Con rút cái gai to cắm sâu vào móng nó và khi nó đỡ đau, liền nằm diu diu ngủ tựa vào tay con.

Chúng con ăn ở với nhau ba năm trường trong ấy. Kiếm được mỗi đêm về cho con ăn, nó rất tử tế và hẳn hơi mấy con lắm. Nhưng ăn ở hẻo lánh như vậy, con lấy làm buồn bực lắm, nên bỏ hang ra về. Linh nhà vua nhận diện được, dẫn cho chủ con đưa về La-Mã làm tội bỏ vào cho thú dữ ăn thịt. May sao lại gặp được con sư tử này là bạn cố chỉ thừa trước nó không quên con..... »

Mọi người đồng thanh xin xá tội cho Androclès. Vua thấy vậy đoái thương tha cho tội-nhân và cho cả con sư tử. Thường thường thấy đi qua các phố La-Mã dắt con sư-tử thì mọi người đều nói nhao nhao lên rằng : « *Kia người kia chữa khỏi sư-tử, nợ sư-tử này nuôi người cứu giúp.* »

Trích dịch sách của CARRÉ

E) Chuyện ba con mèo

Ông tôi có ba con mèo, ba con mèo ấy ông tôi yêu vô cùng kè. Chiều chiều ông tôi về, cả ba con đi thẳng hàng một ra tận đầu phố đón : đuôi ve vẩy, miệng ngao ngao, nhất là khi được vuốt ve lại càng tỏ lòng mừng rỡ hơn nữa.

Xong rồi lại cứ hàng một quay đầu về đi trước ông tôi cho mãi đến tận nhà. Những con tinh quái này biết rằng cả nhà đợi ông tôi về rồi mới ăn.

Nhưng có một năm kia, lúc đầu mùa đông ông tôi phải mệt. Thầy thuốc bảo phải nằm trong phòng đóng cửa lại, không ai được ra vào để ông tôi tĩnh dưỡng, nên ba con mèo ấy không được gặp. Không biết ông tôi đi đâu vắng nhà, chiều chiều theo như giờ trước cứ đi đón tận đầu phố, đợi một lúc lâu không thấy chủ rồi phải về, ra bộ buồn rầu, đuôi không ve vẩy như trước, nên bà con hàng xóm ai biết cũng lấy làm lạ lùng mà phải ngợi khen.

Một hôm kia có một ông lão ăn mày già đi ra tỉnh. Ông này cũng gần bằng tuổi và giống mặt ông tôi ; tay cầm gậy, râu bạc phơ, áo cũ kỹ nhưng sạch sẽ. Nhân ông lão này đi qua đó đúng giờ ông tôi thường về nên những con mèo trông thấy mấy nhăm. Thong dong hàng một, đuôi ve vẩy mừng rỡ đến đón ông lão ăn mày chạy đi chạy lại cọ vào chân và ông này vừa giơ tay vuốt ve vào lưng vừa lầm bầm nói rằng :

— « Chà ! Chà ! Mèo nhà ai quý báu thế này. »

Ba con mèo sung sướng lạ thường quay đầu giở về đi trước. Ông lão lấy làm lạ lắm liền đi theo sau đến tận cửa. Dĩ nhiên lúc ấy nhà đang ngồi ăn uống. Chúng tôi liền mời ông lão ngồi vào cái ghế ông tôi thường ngồi cho ăn uống tử tế để thỏa lòng lũ mèo kia.

Trông thấy vậy, ông lão vừa ăn vừa nói :

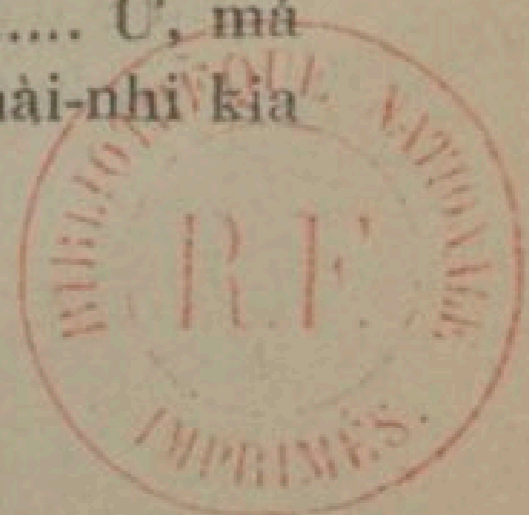
— « Quý hóa thay cái tấm lòng người tỉnh này cho mèo đi gọi những kẻ bần nhân cho ăn uống. »

Trích dịch sách của PAUL-ARÈNE

CẢNH HUỐNG CON NGƯỜI TA Ở ĐỜI.

Cõi đời là sông sâu, là bể thẳm, người ta sinh ra ở đời tức là dẫn mình vào nơi khổ vậy.

Thật thế, từ vua quan cho chí dân gia, ai mới lọt lòng mẹ ra là đã chào đời bằng mấy tiếng khóc oe oe..... Ừ, mà ngẫm cho kỹ nếu đời lại là nơi vui thú thì cận hài-nhi kia



sao không cười mà lại khóc? Suy thế thì ta đủ rõ, còn chi mà ta phải lý luận cho văn-tự thêm dài dòng. Quả có thể, nói quyết rằng ai đã phải đầy đọa vào cõi trần-gian tức là phải ghé vai mà gánh lấy các điều phiền nhiễu ở đời vậy!

Nhưng chẳng có lẽ ở đời chỉ những thảm cùng sầu, những phiền cùng muộn thì con người ở đời sống làm sao được. Thừa rằng người ta ở đời cũng có khi vui, khi sướng, nhưng các điều vui ấy mà đem cân đọ với những điều phiền thì ít khi thắng được. Vả lại con người ở đời thọ lắm chỉ được đôi lần 50 tuổi là cùng, rồi hết cái cái quãng thì giờ 100 năm ấy, ai ai cũng đều về một lối cả. Mà đã không ai thoát ly ra được ngoài cái vòng « Giác ngộ thiên thu » thì còn lấy chi làm lạc-thú? Cho nên các cụ đời xưa ví cuộc đời như một giấc mộng cũng không hẳn là sai. Nay thử xem người ta ở đời cầm cùi cùi lo lắng làm ăn cho nên công nợ nghiệp kia, rút cục rồi cũng đến chết. Vậy dám hỏi cái chết là cái chi chi và nó có cái mãnh-lực gì mà làm cho trăm nghìn người đều phải vì nó mà âu-sầu thê thảm? Ai đã là người mà tai nghe cái chết, mắt trông cái chết cũng đều giọt lệ nhũ sa, mặt mày ủ dũ. Ghê thay mà lại ngán thay!

Như trên kia đã nói, cái chết có việc gì mà ghê mà ngán, cái chết tức là đem thân lên nơi Cực-lạc thanh-thời mãi mãi vô cùng tận ngày xuân, rồi tỉnh thoảng lại quay cổ đoái nhìn bọn người trong trần-thế, nào khóc, nào cười, nào than, nào thở thì bụng bảo dạ rằng: « Ta đây đã ra thoát khỏi cái bể trầm luân thì mình ta bây giờ thực là thanh-thảnh, hạnh-phúc biết bao! » Câu nghĩ ấy thực không sai chút nào cả.

Chinh bỉ-nhân đây từng đã bao phen gặp phải những cảnh khóc khóc cười cười, lo lo nghĩ nghĩ, mừng mừng tủi tủi, giận giận hờn hờn, nghĩ dà quá ngán, trong bụng thực đã đứng đưng. lắm lúc chỉ muốn chán đời vì lấy con mắt bạch-nhôn mà ngắm trò đời thì không khác chi những

tấn tuồng trên sân khấu. Này người vai nịnh, này người vai trung, này người tử tế, này kẻ bất lương, diễn tả ra phân minh hết lớp nọ đến lớp kia, rút cục cũng đều là hư vô cả, nghĩ có buồn không ??? Chỉ những lâm le muốn vạch lối lên trời mà chắt vắn một vài câu cho ra ngành ra ngọn.

Nhưng dương khi nghĩ thế thì trong bụng lại sực nhớ ra rằng, trời sinh ra ta ở cõi đời cốt là bắt ta phải ghé vai mà gánh lấy một cái công việc ở trong cái vũ-trụ rộng rãi mông mênh này.

Vậy thì sâu mà chi, thăm nữa mà chi, hơi dàu mà rước giận mua phiền cho thêm nhọc lòng mệt trí, ta cứ vui làm việc mà tô điểm cho giang-san ta, để một ngày như hoa như gấm, cho dưới trần ai ai cũng rõ mặt biết tên ta, cho danh tiếng của ta lưu truyền trong sử sách. Có thế thì ta mới hả dạ, mới đáng mặt trượng-phu và mới khỏi phụ lòng trời đã sinh ra ta vậy.

Còn sống với chết, thì ta đã cần nói làm chi, hãy biết cái quãng thì giờ 100 năm trời dành phần cho ta hưởng này thì ta cứ việc nhờ đó mà mở mang sự-nghiệp của ta làm sao cho một ngày một tấn-tới, ngõ hầu cho nhà ta nước ta có thể cạnh tranh cùng với các nước văn-minh trên thế-giới.

Tới lúc đó, thân ta tuy còn ở nơi trần thế nhưng ta có khác gì trên cõi đời không ?

Vậy bỉ-nhân dám khuyên toàn thể quốc dân ta ai ai cũng nên đem hết hùng-tâm nhuệ-khí của mình ra mà làm hết chức vụ mình cho châu-đảo, trước là ích cho thân mình, sau là ích chung cho cả nước, còn sự sống chết nó huyền-bi lắm, ta không có thể bàn tới được, chỉ có việc vui tâm mà vê tròn quả phúc của mình vì có chân-tu thì tức có thiện-quả, nào có lo gì ?

Đồng bào ai hỡi ! nên cố gắng lắm thay !

ĐỒNG-GIANG MINH CHÂU
NGUYỄN-VĂN-DU

HAI BÊN Ý HỢP TÂM ĐẦU

(Bút sắt và bút lông nói chuyện)

Cậu bút lông xưa nay vẫn có danh tiếng thanh trang lừng lẫy trong cõi Á-Đông. Nhà thi-lễ những ai vẫn có lòng kính trọng và yêu mến cậu. Đến nay gặp buổi Á Âu giao thiệp, người đời ít chuộng.

Cậu ngồi tự nghĩ mà nói rằng: « Khi sao phong gấm rủ là, giờ sao tan tác như hoa giữa đường. » Cậu đang ngồi nắn nỉ cái thân phận, phàn nàn không gặp buổi, bỗng đâu thấy một cậu hình dung tao nhã, áo quần bảnh bao coi ra dáng một người thanh sĩ, cậu bút lông chào mà hỏi rằng: « Tôi coi cậu cũng dáng một người văn-ửng, 文 甕 cậu ở đâu ta ? »

Cậu bút sắt giả nhời rằng: « Tôi là một người bác-học ở bên Âu-châu nghe thấy nước Việt-Nam là một nước sùng văn, tôi sang chơi cốt để kết bạn cùng cậu. Giờ nay xui khiến, anh em ta lại gặp nhau đây còn gì quý hóa cho bằng.

Cậu bút lông nghe nói có lòng mừng rỡ, thật là bốn bề một nhà, kẻ Tần người Việt nay đã hợp duyên, hai cậu cùng nhau ý hợp tâm đầu, mua vui lại chuốc chén quỳnh giao hoan.

— Thưa cậu ! Tôi ở cõi Đông-Á đã có phần lâu năm, tưởng văn-chương trong vũ-trụ chả ai bằng tôi, danh giá cũng chả ai hơn tôi nữa, mà cái ơn huệ tôi đảm thắm tự cổ giở lại chắc là nghìn muôn năm sau tôi giữ được phần quý mến và vinh hiển, lại may đâu gặp cậu sang chơi miền Âu-lạc, công dặt bọn con tiên cháu rồng, tôi cũng lấy làm mừng riêng cho dân nước lắm ; tưởng là tôi với cậu, cậu với tôi, không ngờ đâu nhứt tình thế thái, người đời tham thanh chuộng lạ ra lòng có mới mà nói cũ ngay, nên cái danh giá của tôi ngày một kém đi, thấy khi thầy khi tớ xem thường xem khinh.

— Không phải thế cậu ạ ! Tôi xem sách nho thấy có câu :

tri kỷ giả hi 知己者希, cậu phải biết thế mới được. Không phải vì tôi sang đây mà làm mất cái giá-trị của cậu đâu, cậu phải biết như cậu trước cũng đem cái văn-minh của nước Tàu mà khai hóa cho con nhà Việt-Nam, tôi bây giờ cũng đem cái văn-minh của châu Âu mà thay đổi cái tình tình cho dân Bách-Việt, là chủ ý ta chỉ muốn đem một tấm văn-minh Âu và một tấm văn-minh Tàu dùm lại mà khai hóa cho dân Bách-Việt ngày được rộng thêm đường giáo-dục, tri-dục và đức-dục, tiến hóa lên một bậc văn-minh lừng lẫy trong cõi Á-đông này thì còn gì qui hóa hơn nữa. Bởi vì người đời không nghĩ một cách xâu xa, tặc lòng vơ vẩn, cho cậu là một người quen thuộc văn-chương cũ càng, nên ra giáng gàn chùa gọi bụt đó mà. Thấy tôi là người lạ lũng, văn-chương mới mẻ, vả chăng tôi cũng có ít tài riêng khéo lạ, nên ai nấy say mê mùi đó mà chuộng tôi, yêu tôi và qui trọng tôi vô chừng; như buổi đời biết nghĩ ra một cách bảo toàn lưỡng đắc 保全兩得 thời san cái lòng qui mến tôi mà thay sang cái lòng khinh dể cậu, qui tôi hai phần ba, qui cậu ba phần năm thì chả mấy chốc nhà Việt-Nam thông thống bước lên bậc đại văn-minh đại phú cường ư.

— Ô! May sao may khéo là may, nếu không gặp cậu đàm luận mấy câu thì lòng tôi vẫn cảm cánh về sự đó.

— Thôi cậu ạ! Đừng phàn nàn chi mà mệt trí mà làm trò cười cho thiên-hạ, nay hai ta gặp nhau đây, xin kết bạn tình nghĩa ami, sau này tôi cũng muốn cùng cậu đi sang chơi miền khác để truyền dạy văn-chương của mới cho họ thì chắc cái danh giá của đôi ta sẽ được như cái danh giá của tôi bây giờ.

— Cám ơn cậu! Được như lời cậu nói chẳng là hoa tàn rồi lại thêm tươi, giăng tàn lại tỏ hơn mười rằm xưa, thì anh em ta chả vẻ vang lắm ru.

Hai cậu đương truyện vui trong cuộc, nói rồi lại nói, nhời chưa hết nhời, trông ra ác đã ngậm gương non đoài, vọi vàng kẻ về thư-viện người rời phòng văn. Ôi thôi!

Tình dài ngày ngắn, cuộc truyện tan hồi, thêm hoa khách
đã dở hài, gia chủ tôi xin tặng mấy chữ để làm ghi:

Bằng đắc tây nam, nhất kiến diệc như nhân khả đi,

朋得西南一見亦如人可異

Văn hàm tân cựu, lưỡng quan bất hạ thế đồng tôn.

文含新舊兩觀不下世同尊

THAM THÌ THÂM, CỒ-NHÂN DẠY THỀ

(Hai con chim gáy nói chuyện)

Chim gáy trong lồng hỏi chim gáy ở ngoài rằng : « Anh ở ngoài tìm kiếm có được đủ ăn không ? » — Chim gáy ở ngoài nói rằng : « Tôi tìm kiếm cái sâu cái bọ túc dụng hằng ngày cũng chẳng được đủ như anh ở trong ấy, nhưng mỗi năm một mùa vừng hai mùa lúa thì tôi cũng thỏa thuê được cách phong lưu lắm lắm.

Chim gáy trong lồng nói rằng : « Anh ở ngoài vẫn đủ cách phong lưu, nhưng khi mưa gió có nhiều sự vất vả đến mình; tôi ở trong này ăn cũng chẳng phải lo, uống cũng chẳng phải lo, chỉ ngày gáy hót dăm ba lèo, rồi nhảy nhót chơi bời, thong dong rìa cánh, rìa lông, vui quanh ngày tháng, thì anh vào trong này ở với tôi, ta kết bạn anh em cùng nhau họa tiếng gáy hót, tôi lèo ba, anh lèo tư thì người chủ nghe tiếng ta họa gáy chẳng có đem lòng tốt mà coi ta, kính trọng ta ru!

Chim gáy ngoài nói : « Dẫn rằng vào ở với anh thì được ấm no mà ở lồng son, chơi công sứ, nhưng phải ra luồn vào cúi mà miếng ăn miếng uống là phải lụy đến người chủ, dẫn rằng lòng muốn bay cao bước bằng cũng chẳng có thể nào được, như tôi ở ngoài này muốn ăn thì ăn, muốn chơi thì chơi, lúc sang miền này, lúc sang miền khác, khi thì xuống đất, khi thì lên cây, mặc sức bay nhảy, chẳng ai cấm được cái quyền của tôi, ngăn được cái quyền của tôi, tha hồ là tôi thành thoi. »

Chim gáy trong lồng nói : « Dẫu rằng anh ở ngoài có quyền tự do như thế, nhưng khi người ta bày ra trò rò lưới, nhớ ra anh mắc vào cuộc ấy thì nữa làm sao ? Tôi ngày xưa cũng mắc vào cuộc ấy nên phải thế này. »

Chim gáy ở ngoài nói : « Ôi ! Anh không nhớ câu « Thương cung chi điều, kiến khúc mộc nhi cao phi. » Tôi thấy anh ở trong lồng mà lòng tôi cũng lấy làm nghĩ ngợi lắm thay, nên tôi cũng phải tỉnh cái thân tôi thì bấy giờ tôi đỡ phải cây cong cành mềm tôi cũng dứt mình, thì có nhẽ tôi không mắc được cuộc ấy anh ạ.

« Nhưng tôi chỉ sợ cho anh rằng : tuổi ngày một già, tiếng ngày một xấu, gáy hót lui kém dần đi thì người chủ gáy nên lòng sợ chán, quá giận sinh cần ; thẳng khi rở ra trò thớt miếng giao phay, thì khi bấy giờ anh làm sao cho đặng ? Ôi anh ôi ! Anh với tôi cũng loài giống lông vể tiếng hay mà anh phải người ta nhốt lỏng trong lồng thì tôi cũng lấy làm phiền lòng lắm, nhưng thôi anh biết phận anh chớ đừng rủ tôi vào chi nữa, để thêm bận bịu nhau ra. Tôi ở ngoài này bay liệng so sánh với anh em, nhờ lộc gời đất cũng đủ phong lưu, chả có tham bùi chả gấp chi mà phải bận thân anh ạ ! Tôi phải nhớ câu « Nhân tham tài nhi tử, điều tham thực nhi vong » thì anh đành phận anh, còn tôi mặc ý tôi, chứ anh đừng có ngóng nay gù mai gật tôi nữa, « gù cú cu !.. gù cú cu !.. » thôi thôi yên ở trong lồng, đừng nay đưa mai đón cho phiền lòng nhau.

THIÊN-ĐÌNH
NGUYỄN-XUÂN-ỨC

MỘT BUỔI ĐI CHƠI TỐI HÔM TẾT TRUNG-THU

(2 octobre 1925)

Lúc đó vào khoảng độ bảy giờ, cơm nước vừa xong, đương ngồi nghĩ quần ngất quanh, chợt có hai ông

bạn đồng sự đến chơi. — Hôm nay tết Trung-thu, lại là ngày nghỉ, thế mà bác chẳng đi chơi, lại còn ngồi làm gì đấy? -- Nhưng biết đi chơi đâu bây giờ. -- Ta đi xem các phố xưa nay vẫn có tiếng là đông, là vui: phố Khách, phố hàng Giấy, phố Vải-màn, xem thiên-hạ họ thưởng nguyệt ra sao.

Bèn cùng 2 ông bạn giắt tay nhau đi, vừa ra khỏi cửa, quang cảnh cũng đã có khác nhiều. Bóng giăng rằm, ánh đèn điện, tiếng chũng chọe, tiếng thanh-la, còi ô-tô, chuông xe-đạp, bấy nhiêu thứ góp lại, thật cũng có vẻ sầm uất lạ thường, nhưng cũng hơi lóa mắt, đình tai, nhức óc một chút. Giữa đường, người kéo đi, lũ năm lũ bảy, đông quá là đông: mười chị nhà quê, dăm anh thuyền thợ, ba bốn tiểu thư vôi, một vài công tử bột, liệng đi, liệng lại biết mấy mươi vòng, không biết dơ đời, không biết ngược mắt

Đi suốt phố nọ sang phố kia, loanh quanh hết cả bấy nhiêu phố mà nào có thấy chi lạ đâu, hết mặt người lại hơi người, cùng xe ngựa kêu gọi ếp tránh ngồn-ngang, còn cỗ bàn thời lưa thưa quá, không thấy bày la liệt như mấy năm về trước nữa. Qua mấy nhà hàng bánh, hầy còn thấy bán, nào các đĩa hoa quả tinh vi, nào long, ly, quy, phượng, thoảng nghe thấy cô nọ kháo với cô kia: «Tết năm nay suông lắm, em còn ế đến hơn vạn con thú ấy. . . chứ hàng chị có chạy không . . . hay thôi phải rồi, mình hầy còn hủ lậu quá, mình không biết cải lương đấy mà...»

Đạo khắp lượt rồi, chẳng có gì thú, bèn cùng chia tay nhau, mỗi người về một ngã. Lững thững một mình vừa đi vừa nghĩ: «Tết Trung-thu! Tết Trung-Thu! . . . Nếu Tết Trung-thu chỉ là mía, bưởi, hồng, bánh khảo, bánh dẻo, bánh nướng, các đồ chơi bằng giấy bằng sắt tây, các đĩa hoa quả, các con giống nặn bằng bột, ruộm các mùi, với người lại đi xem người, hay đội lốt sư-tử mà múa may quay cuồng, trong các phố suốt mấy giờ đồng hồ, chẳng thô bỉ lắm ru, can chi còn phải có cái tết này làm gì? Đành

rằng người ta phải làm lụng nhiều mà nghỉ ngơi ít, nên đặt ra tết nọ tết kia để giải chí, nhưng không có tết nào tao-nhã hơn ư ?

Nghĩ đến đó, chợt đi đến nhà ông bạn chuyên nghề vẽ, thấy đương ngồi ăn. Ấu ta cũng thử vào xem có cỡ bàn gì không. Chẳng có gì cả, đương ngồi ăn cơm với bát canh rau cải luộc, thấy mình vào bèn chào và nói luôn : « Bác đến chơi, lỗi cơm bác, mãi vẽ bức tranh kia, nên mới ăn tối thế này đây. » Đó là bức tranh đêm thu bờ sông Nam-định, trông cũng có vẻ tự-nhiên lắm. Ông ta mặt mày hơn hở tươi cười, mắt vừa nhìn vào tranh, mồm vừa ăn vừa nói : « Đây, cỡ tôi chỉ có thế thôi. Người ta ăn tết bằng bánh, chứ tôi chỉ ăn tết bằng tranh của tôi thôi. . . . Cái chỗ bóng mây, cái ánh giăng dưới nước, mới thần tình làm sao chứ. »

Tôi thấy ông ấy vừa ngắm, vừa khen, nhìn không chán mắt, tôi cũng ngần người ra, ông ấy tưởng tôi cũng biểu đồng tình thế, bèn bảo tôi rằng : « Bác cũng phải chịu bức tranh này là đẹp chứ ! Nếu có người biết thưởng giám chắc là bán được tiền lắm đấy nhỉ ?

-- Phải giá đem bán cũng được bằng tiền bữa tiệc của bác hôm nay. . Ông ta bèn lờm tôi, cho tôi là người chưa hiểu được cái đẹp ấy, và cuốn ngay bức tranh lại không nói gì nữa. . . . Tôi hiểu ý ngay, bèn từ giã ông mà đi chơi.

Đi xem tết Trung-thu, kể cũng đã ngót hai tiếng đồng hồ rồi, đã ngấy mùi trung-thu, xit nữa chết ngạt về trung-thu, bèn định đi xuống bến tàu để hô hấp lấy ít không khí trong sạch rồi về nhà nghỉ. Tình cờ đi đến phố Cửa-trường, có bà lão hỏi ngay mình : « Chứ thầy không đi xem tết trung-thu ư ? Tôi thấy họ kéo nhau đi xem đông lắm. » Bèn trông ra là bà lão độ bốn mươi tuổi, vẫn bán miến cho mình, dương quạt cho thằng bé lên bốn tuổi dương chơi cái đèn sếp và dương cắn cái bánh dẻo. Tôi bèn hỏi : -- Đứa bé này con cái ai thế ?

-- Khốn nạn, nó cha không có, mẹ nó trước cũng ở gần đây bán cháo, lần hồi mẹ con nuôi nhau, nhưng vừa rồi phải bệnh thương-hàn rồi mất. Họ hàng thân thích, chẳng có một ai, tôi thấy bé dại mà đã mồ côi, nên đem về nuôi nó đây. Ngày đây cái bánh nữa, để dành nhé . . . Thêm nó, tết Trung-thu này, tôi cũng tốn mất mấy hào, và có nó tết này tôi thấy nó nô đùa vui cười, tôi cũng được hởi dạ lắm.

Nghe đến đó, trong lòng cảm kích quá, không thể nói gì được nữa, bèn từ giã bà lão hàng miễn đi ra bờ sông để hóng ít gió mát. Ra đến nơi, trên giăng, dưới nước, thoang thoảng gió qua, trong mình đã khoan khoái dễ chịu, bèn nghĩ lại cuộc đi xem tết Trung-thu vừa rồi : có cái vui thô鄙, có cái vui tao nhã, có cái vui cao thượng vậy. Biết thưởng cái vui cao thượng, cứ gì ở nơi hàn to cô nhớn, mà chính lại ở nơi nhà gianh vách nát ; cho hay đồng bạc trắng dễ đen lòng người mà cái bụng từ bi bác ái thường lại hay sản xuất ở nơi nghèo khó cũng nên... Thôi đêm đã khuya người đã mệt, ta đi về nghỉ, mai còn công việc của ta.

Đạt-Đức

NGHĨ TIỀN HẬU TÚNG DU TÂY HỒ CỔ KIM KÝ SỰ PHÚ

(Độc cảnh tự vận)

Rộng thay Tây-hồ giới bày thẳng cảnh, vui thay Tây-hồ biết bao linh-tịch, bãi phượng ẩn bên thành rồng dóngạnh; trước miếu Cổ-Lê, bên đền Quan Thánh ; nước như gương trong thật là trong, hồ như bể sạch thay thực sạch. Tự đời cổ lấy làm thiên hiểm, diện tiền kia mở đại thành đô, khen ai nay khéo họa địa đồ, nào hậu ý thêm từng thành quách. Trên hồ trước tàu rồng tàu phượng, trái mấy triều vua chúa vết còn kia; quanh hồ nay tàu điện tàu bin, người vạn-quốc chơi bởi vui đủ cách. Tưởng xưa tự thừa thiên khai, tự khi địa tịch, trước chửa thiên đô, sau rồi

đỉnh đỉnh, hậu quỷ núi Nùng, tiền quan huyện Vĩnh, long sa tự Hùng-Lĩnh kéo về, hồ thủy cũng Hạc-Trì giáng mạch, so năm hồ bằng độ bàn tay, độ bảy mẫu chỉ bằng gang nách, gọi Dâm-dâm tự thừa Cao-Biên, gọi Đoái-hồ là sau Trịnh tỉnh. Bầy thú vui thú nhất Đông-đô, kể sự lợi tiếng năm Đại-tĩnh, bát ngát nhĩ ba nghìn vuông mẫu, đường thành thành trên gọi Thiên-niên, loanh quanh bao mười mấy thôn phường, lối than than dưới liền Trúc-Bạch, bên tả xuôi sông gọi Nhi-hà, bên hữu ngược nước tên Tô-lich. Khi sớm dậy vừng đông mới mọc, mây đày hồ chim liệng loanh quanh; lúc chiều hôm gương nguyệt vừa treo, sao mặt nước cá ăn tí tách. Canh khuya nọ tinh vân vắng vặc phân minh như bức long-đồ; lúc chiều hôm sóng gợn làn làn, ngang dọc rõ như văn quy-hoạch. Hỡi trong địa diện, đất ở đâu Dục-phượng tên ao, rõ mặt thiên nhan giới để đó Thăng-Long giá kinh. Kia Lý diếu-dài, nọ Lê cố-trạch, gò đồng gần xa, lâu đài liền cách. Cát mặt lên Tam-Đảo đứng bên; ngưỡng đầu tượng Ba-Vi ngồi cạnh. Kia thượng cổ tòa long chính ngự, chầm hương chấn Bắc hấy còn thơm; tự trung gian xe ngựa đứt cương, loan giá Tây-luông còn dấu bánh; ngó xem giống long-tu nhà Lý, phi Tần sáu bộ khúc rồng quanh; lá quý như tàn cái nhà Lê, văn võ hai hàng giăng nhận cánh, hoa san sát như hàng cơ hàng đội, ba nghìn hồng phấn lúc ra quân; hương xanh dì ngọn thấp ngọn cao, mười vạn tinh-kỳ khi giáp đánh. Kia dân đó là đèn xuân tế, nào voi đi đàn áp linh tiền hó; những xã kia là chỗ thu từ, đầu ngựa via tiền phong quân thét tránh. Hỡi rồng đá nghìn năm châu đó, nước sô kim cò mấy hồi chuông; hỡi nghe đồng vạn đại cười ai, sóng lộn phể hưng bao độ khánh. Rồng chẳng rõ, hồ tinh mấy cuộc, lung tung Lê Trịnh cốc cùng boong; nghe rằng hay nước những triều nào, lũng củng Lý Trần tiu với cảnh. Sự có rõ chỉ ông đào rắn, người to đen đen giống đồng đen; sự có tường họa chú cưỡi heo, da mát lạnh lạnh như thạch lãnh. Thế thì các anh không biết: giới mở nước Annam, đất khai

tổ tích. Nguyên hồ này gởi cho ông Rồng bà Tiên, để lưu truyền cho con thần, cháu thánh. Đức Hùng-Bàng là con giai nhơn vẫn thả cá thờ; chú Bàn-Cổ là khách bạn buôn, thường sang tắm cạnh. Đến Thiên-hoàng làm vua nước Bắc, so Động-Đình rằng kém cạnh vui; đức Long-quân là chúa nhất nước Nam, gọi Lãng-Bạc những từ khi ý mệnh. Sau Kinh-Dương Nghiêu sai đô-hộ, toan đem về đất Bắc để bày chơi; biết Lạc-Hồng gởi mở để vương bài chi hộ cho vua ta ngự hạnh. Tự Hùng-Đức được rửa bạch hạc, nghe thân gia đi lại với Đường Nghiêu; đến Hùng-Trang được ngựa tử dài, tìm con gái bỏ đi vào Hương-Tịch. Thương quấy đục sai thần ba tuổi ngựa sắt đem rồng lửa đuổi Vũ Đinh; Tùy lại tranh sai thánh lên năm voi đá róng ngũ lôi trừ Bắc-dịch. Góc Lạng Bắc sinh giai tám thước, mắt bốn người vào phá Tần cung; góc Nam-kỳ sinh gái trượng dư, vú ba thước giữ toà Nam-Lĩnh. Góc Đông đó ai giống muôn cọc, sua quạ Ngô sô bề y ô; góc Nam kia ai đánh trận nghìn voi, đuổi chuột dúi chúi hang rúch rich. Triệu hồ tướng đã toan cướp lấy, thấy long mâu mà phải kinh hồn; Trần hùng binh sau lại lấy về, thấy quy lô tự nhiên thất phách. Quân Minh trước cò sang đở khé, giờ chơi ra sông Nhị hải còn son; quân Nguyên xưa áo cũng xanh lè, nay chảy xuống Hoàn-Guom còn lấp lánh. Tinh từ thừa vua Kinh, vua Cao, vua Mã góc hồ phơi muôn cốt còn vẫn chưa khô; lại cộng xem chúa Trung, chúa Nguyễn, chúa Trần nước hồ xuống sáu đầu còn chậi nich. Biết mấy độ ngựa hồ quấy đục, hồ vẫn trong xanh; tự khi cầm hồ tướng đến nay, hồ khôn di dịch. Đến vua Nguyễn khi ra mở nước, kính hồ này bụng nghĩ quân thân; bởi vua Lê chinh thống họ Hồng dựng hồ ấy để làm gương cho tử tinh. Hồ từ đấy giao cho cai trị, hồ đầy sen nhưng cứ để lưu không; chia phận hồ cho các xã dân, ăn lợi cá phải cung theo thuế chinh. Dân dưới hồ trên, dân bên hồ cạnh. Khi xuân nhật các dân mở hội, vang mặt hồ chuông chống linh đình; tiết thu nguyên các xã kỳ thần, bóng lợi nước cò tàn nhấp

nhánh. Dân hát đại trà, dân ca đại khánh; góc nọ leo giây, góc kia bắt trạch. Bài mặt nước, tổ tôm năm điểm, lệnh đồ hồi ù nẩy chi chi; cờ mặt hồ nam nữ đôi bên, cười lệnh võ pháo ran tanh tách. Nào những kẻ văn-nhân tài-tử, đường cầu duyên vui quá hội Hồng-chu; nào những người bạch phát, hoàng đầu, đi cầu phúc dòng hơn chùa Để-Thích. Há có phải như chùa Non-Nước, một thiệp với chàng; há có như ở bến Hàng-Châu, chỉ ông với khách. Nọ kém Tầm-Dương, thua chi Xích-Bích; kẻ thích gỏi lư, người ưa chả ngạnh, rủ thi-khách chèo thuyền vọng nguyệt, sai tùy-nhi chờ tải giảng về, đem ca-nhi bôi chải thưởng hoa, chuyen thị nữ đợi xem hoa tách. Giảng chênh chếch đầu non vừa nhỏ, ngân nước vàng gieo; gió hiu hiu mặt nước như tờ, bóng mây hương ánh. Vang mặt hồ giọng thồ giọng kim; lũng đáy nước tiếng bào tiếng cách. Thuyền thi phú bơi trên sao nữ, điểm tiếng chầu rõ lọt xuyên tâm; giọng thồng ngâm nghe suốt cung giảng, đồ sênh phách gần theo đại-thạch. Chống thì thùng vừa cửa Nhật-Tân; đàn linh binh đã bên làng Chéché. Bể tay lái quay về chốn Bắc, trông xương hoa như vẻ Cô-Tô; thẳng cánh buồm lại tới đền Tây, nom khói kéo như trời thành Sich. Suốt đáy nước giảng trong như vát, hỏi cô Hằng đêm ý bảo sao; ngát mặt hồ gió quạt như đàn, hẹn gì Thiếu đêm rằm cho chính. Sáo phú thi chữa hết ca trù, đã cốc tách đàn sang quỳnh tịch; nào huỳnh hãm mấy câu thừa trước, nghiêng chén vàng cho ngã thầy Tô, say vui nhớ buổi hôm nay, đồ chuông bạch rõ say cụ Trích. Gối ai dúc mềm mềm cứng cứng, dựa cánh dựa tay; thuyền lò so lập giập lênh dênh, câu say câu tỉnh. Hỏi thăm nghìn trước, chơi như ta hay chơi chẳng như ta; nhậu nhủ nghìn sau, vui độc thích hay vui đồng ý thích. Răng lắm kẻ hồ sơn chân thú, thường đem đàn gửi tri đình non cao; lại lắm người hồ thủy giả du, mượn câu tuyết giả say tình nước Bích. Nhưng những khách thần tiên thừa trước, cảnh hồ sơn thơ hải lưu đề; dạy cho người hồ hải đời sau, tình nhạo thủy bút nên lưu tịch. Bây giờ đã hồ sang trống một

bóng thỏ tà tà; nghe chuyền lao canh đã sang ba cánh gà phanh phách. Chuyền cho thủy-thủ soay buồm chèo qua lối Yên-hoa, mà bảo ngư-ông thả neo nọc ngủ thuyền Yên-Tĩnh. Đã vắng vắng tiếng chuông Trấn-võ, sui lòng người soay gỏi động lương tâm; nghe xa xa tiếng mõ Nghi-Tâm, khiến bụng khách trong thuyền thâm tự cảnh. Cất mặt lên song bắc chưa hồng; ngảnh đầu lại phương đông đã bạch. Nào thu xếp túi đàn dịp phách, đem ca-nhi về hã dĩu phố Đồng-Xuân; sai anh em dọn lái dọn thuyền, chủ thuyền chủ lại về chờ giai-cảnh.

Ở hồ này thực lắm sự kỳ, nhưng cũng nhờ một vài sự tích. Hồi ngày trước rừng lim ở đó, vì làm sao mà hóa nước mông mênh, mà khi xưa hang đá như kia, vì làm sao cho nên chằm mịch? Rừng lim ấy vị ông Khổng-Lộ, nuôi trâu vàng đào phá hóa mông mênh, hang đá kia tại đức Huyền-Thiên, phá hang cáo cho nên chằm mịch. Truông gọi trâu quăng đầu sông lại, mãi bây giờ hải bóng củ long; gươm chém yêu vẫn chấn hồ kia, kia đức thánh trống trên qui-tích. Tả hồ đó nhà thờ nam nữ đêm đêm tắt lửa vẫn cầu kinh; hữu hồ kia chùa bụt vãi sư tối tối thấp đèn kể hạnh. Cũng cũng rõ chùa Hoa tiếng mõ, mõ di-đà nay hóa mõ di-men; thỉnh thỉnh chợ Bưởi tiếng chày, chày đã gió nay ra chày đã sách. Hồ-khẩu đó miếu bà Trưng chúa, sóng thần trước miếu hã dĩu thiêng liêng; Xuân-Tảo kia đèn đức Thiên-vương gió chận bên đèn còn hiển hách. Tức cho kẻ làm chùa Nhất-trụ, sợ đức-vương mà chận giữa long thân; giận cho người khéo đắp đường ngăn kinh thánh trạng, dè ngang phượng cảnh. Gia nhà nước dút đi cột ấy thời đông kinh chẳng kém Bắc-kinh; như bây giờ mới phá La-Thành mà Hanoi đã gần như Gia-Định. Vậy cho nên: hồ lại ngày vui, hồ thêm ngày thịnh, bên nọ nhà quan, bên kia trại lính, ngọn cờ bay phấp phới rõ tam tài, tiếng trống rầy thỉnh thỉnh vang tứ chính, tòa kinh-thiên vẫn trước hồ kia, tòa Bảo-hộ mới bên sau chạnh. Khen cho kẻ lập tràng Quốc-học, mở phượng kia bút trạng nước ta; khen thay người

khéo đóng đồn tiền, đầu hồ đó chấn bên tạc cảnh. Khi tám
điểm nghe kèn tàu bác, cá kền cá ngạc ngậm hơi tăm ;
khuya hai giờ nghe trống đồn tây, trộm cá trộm tôm dâu
trốn sạch. Chỗ hát thanh bình, nơi ca an tĩnh. Ngày chủ-
nhật qua xem Bách-thứ, đường ngựa xe thom nực nước
hoa tây, tiệc xuân nguyên vào thưởng bách hoa, người khăn
áo ngát hơn hương sa phách ; sớm thứ bảy ô tô mấy cặp,
lai sừ đầm chữ ngũ bắt chân, trưa thứ năm xe ngựa mười
đôi, beng mè tit ngồi đôi dựa cánh. Cũng có ả muốn thiên
nhiên đường rộng, chờ giăng lên ngựa mới quay cương ;
cũng có em muốn trăng Bưởi đường vui, dục đèn thấp máy
liền mở tách. Qua đền thánh ta hãy xuống ngựa, đứng chung
lau cho ráo mồ hôi ; sang bên chùa ta hãy dừng xe, ngồi
thạch bệ cho người khỏe mạnh. Bản nhà đó đủ đồ hạ
thưởng, các me khen hơn trong trướng ngoài duy ; thuyền
những phòng những thánng xuân chơi, các quan thích quá
lan phòng quế phách. Chiếc trước thuyền thông, chiếc sau
thuyền bách ; hễ chạy ngược giai đi giọng Huế, đồ đồn
cung bắc cung nam ; hễ chạy xuôi gái hát đồng thanh, đối
hết năm cung năm cách. Xoay mũ dọc sía mè dè chếp,
rửa chân thì nu nống nu na ; cầm giáo ngang cốc lặn cò
bay, hoa tay vô tang tênh tang tênh. Nào chè thang, nào cốc
tách ; nào nhị tam nào sênh phách, nào đem nguyệt đàn chơi
lưu thủy bình bình bình, tay gãi phiếm phùng phùng ; nào
quay bầu lý khúc hành vân ý a á giọng luồn sênh tanh tách,

Tiếng khoan gió thoảng, đêm nỉ non du hời tình du ; tiếng
nhạc mưa rơi, khuya thắm thoát tinh tinh tinh tinh. Trong
như tiếng hạc bay qua, trước phủ Toàn-quyền ; nhẹ bổng
cánh hồng gió thoảng, trước dinh Học-chánh. Hỡi anh chị
khi chơi Bá-xã, nước có trong nhưng có được trong xanh ;
rằng lão mấy tôi đi tắm Sầm-son, nước cũng mát nhưng
không bằng mát lạnh. Mà chỉ thấy tử long vượt bè, tàu di
Tây ai kể chơi bời ; lại xa trông phi-phượng đưa thư,
bình đánh Đừc ai còn mang sách. Vậy sao được vui như
hồ ý, mỗi cảnh mỗi hay ; thú sao bằng thú hồ Tây mỗi

người mỗi phách. Kẻ lý tý bà, kẻ họa ngọc dịch ; thuyền nọ ôm cầm, thuyền kia gõ tách. Hễ cách nước tiếng đầu bông mạc, rằng gái tơ làng Bưởi đỡ tay seo ; nghe trong hoa ai lý thái niên, rằng gái cửu chích sai đêm giết lĩnh. Cảnh thanh tao thanh rõ thực thanh ; người lịch sự lịch thay thực lịch. Ở trong thành phố, tuy Hoàn-Kiểm cũng nơi linh tích, nhưng tứ bề xe ngựa huyên hoa ; ở ngoài Đại-La tuy Linh-dương những chỗ sạch trong, nhưng bốn mặt què mùa cục kịch. Vậy sao bằng chỗ khả tiên khả tục, cảnh làm toàn giữa chỗ phồn hoa ; sao bằng nơi nghi hạ nghi thu, ngoài thành thị trong trang tĩnh mịch. Muốn chè thì chè, rượu thì rượu, hoa xòe ra tùy bác tự do ; muốn chép thì chép, muốn mè thì mè, lá thơm sẵn tùy ông sở thích. Mùi cá ngon chẳng kém giao-trì ; mùi sen ngát thua chi ngọc tỉnh. Khi mát ngồi mà chén gỏi, hỏi gió kia thấu bạc hết bao nguyên ; khi giảng thanh, ngồi uống chè sen, hỏi giảng ý xuất tiền bao chục gánh. Giá sen kia mỗi vụ kể nghìn nghìn ; tiền cá ý mỗi chương dư bách bách. Giá đem tỉnh tự Lê về trước, chẳng tiêu đi lịch đại mấy từng cao, tiền cá kia tự Nguyễn dẫn sau cứ tích lạt muôn đời khôn hạ tinh. Há có phải như kho Giang-Thượng, ai dùng cũng được, giảng soi bốn mặt, cảnh buồm suông ; há có phải như Tạng-sơn gian, ai lấy cũng là thoảng, năm khoang thuyền chống | uểch. Thế mới biết giới khai ao bạc, cho vạn gia sich-tử tắm ân ba ; vậy cho nên mở đất hồ tiền cho vạn thể suông sinh nhờ dưc trạch. Đẳng đông đó cheo gương hồ nguyệt, soi nước non rõ mặt kẻ anh hiền ; đẳng nam kia kéo quạt hồ phong, cảnh sơn-thủy dải riêng người hậu tích. Ta lắm lúc ngày thường rửa mặt trong chín từng nhật nguyệt long lanh ; đêm lắm khi ngồi cạnh rửa tay, trông tám mặt tinh vân lóng lánh. Ngồi ngâm nghĩ giới không phải một giới trên giới dưới bức đàn thanh ai khéo họa đồ ; sự đến nơi người hóa thành hai, người dưới người trên, chanh thủy mạc ai tài chớp ảnh. Giá có bạc thu hồi bán nguyệt để đêm đêm cùng đời bà nguyệt rượu thơ chơi ; mà có tiền sây

cuốn tứ bề, đề tối tối vài đũa tiểu-tinh dàn hát mảnh. Chơi hồ ý vui hơn đàn cuộc nước, mảnh giang thư thường giải bụng người trung ; khen cho ai đặt tiếng sâm cầm, trăm hoa bất nực cười anh hót nịnh. Chẳng qua là anh bán nước nói hươu, đề nước thế thực là đại vịch.

Nhân lúc ngày xuân quanh hồ ngâm vịnh ; đứng đẳng này trông đẳng nọ, nom kinh thành, phượng các long lâu ; đứng đẳng đông trông đẳng tây, rõ thành phố đường hoa ngõ hạnh. Chợ giấy kia, hàng kẻ vạn muôn ; thôn dân đó ruộng huyên thuyên mạch. Nọ ông lão câu sừng, câu tuyết, đem ném mỗi đứ được cung-nga ; nghe mấy cô chao tép chao tôm, đua nhau vi tiếng vang bành trạch. Lại thấy nói cá đi thi vũ, trượt lượt lũ ba, lũ bảy, đầu trống năm đã đầy cả chỗ cầu đông ; lại đồn rằng nhận kéo sang Nam, cứ từng hàng chữ nhất chữ nhân, hết trống một bay qua về núi Lịch. Ca rằng : vui thay ngoài thành, kin thay sau tỉnh. Kẻ nuôi dân là mỏ bạc tiền, kẻ giữ nước, hơn thành đá gạch. Chiều thuế lệ, biết mấy từng tiền bạc, của nước non chan chứa nội hoàng-thành ; ước chu-vi mấy vạn trượng, bao la hơn nước suối hào quanh ngoài soác sách. Giá những lúc đông Tề, tây Sở, đỡ quân-vương lo mặc bắc Long-biên, mà những khi cờ trắng, cờ đen, khởi binh linh gác cửa tây phương tỉnh. Nay hồ ý nam ai là chủ, tậu chỗ này bạc chất mấy tàu binh ? Rằng hồ nay Tây đã thâu rồi, tiền hồ ấy chất năm kho bánh. Nhà nước giờ vẫn cứ báng chương ; ta thâu được ta là chủ lĩnh. Giữa hồ ý làm nhà thủy-tọa, đề quanh năm tổ tôm, tổ tép hát chơi vui, mà tuần hồ làm mấy chiếc lâu thuyền, đề thàng nực chữ ngũ, chữ ngô năm mát khềnh, thuê mấy thầy thông ký bạ thư, mộ một đôi nữ-công tuần cảnh. Chơi cũng tục, chẳng chơi cũng tục. Chơi sao đề tiếng trong hồ ý như Nhất Chiêu để tử cháu vua Trần, xưa nước non nay vẫn nước non, chớ nên quấy đục hồ lên như Tông Cối

lộng thần con chúa Trịnh.

Hanoi Đức-Long gia-ông phú lập

(1) Sương hải nhật, sách thành hà, nga mi tuyết, vu thiêm vân động đình nguyệt, thiên địa kỳ quan. Sách thành hà phi thị Sich-Bích già.

BỌT BỀ

Cái bọt bề (éponge) ta thường thấy người Âu-tây dùng để lau rửa, chính là một loài « sinh-vật » (être vivant) ở dưới nước bề. Những loài sinh-vật ấy thường kết lại thành đám, bám chặt vào những núi đá dưới bề hoặc bám vào những vỏ các loài cua, hến mà sống. Loài ấy lỗ chỗ những lỗ mà tiếng khoa-học gọi là « osotiole » ; thân nó thì dài mà mềm, có cái đặc tính dãn ra hoặc chun lại được.

Ta cầm một cái « bọt bề » mua ở hàng, tức là ta cầm cái sác một con vật mà ta không biết, song trước khi thành một cái « Bọt bề » bày bán ở cửa hàng, thứ sinh-vật ấy đã phải trải qua biết bao nhiêu sự chế hóa mới thành một thứ để dùng như thế.

Như vậy thì chắc nhiều người muốn biết cái (lịch-sử) của bọt bề, những nỗi hiềm nghèo của các nhà chuyên-nghệ đi kiếm nó, cùng là cách chế hóa cho nó thành ra đồ dùng như thế nào.

Các nhà bác-học trứ-danh như : Haeckel, Maas Leuckart, Sallos, Delarge v. v... đều có những bài khảo cứu rất tinh tường về loài sinh-vật ấy là loài đứng ở các bậc thang tột cùng trong hàng động-vật mà cũng có một bộ cơ thể hoàn toàn.

Có mấy thứ bọt bề ?

Bọt bề có nhiều thứ, song chỉ có hai thứ chính là thứ bọt bề nhỏ thứ thường dùng để rửa và soa mặt, và thứ bọt bề to thứ dùng để tắm và lau vải thứ máy móc.

Thứ quý nhất là bọt bề ở Syrie mà người ta thường gọi là bọt bề Venise ; thứ này, các nhà quý-phái ở Âu Mỹ thường dùng đến.

Cũng có thứ màu vàng sạm, cũng có thứ màu nâu, song phần nhiều bột bẻ người ta gọi là Venise thì màu nâu cả. Bột bẻ ở Zerby, ở Tripolitaine (thứ này hơi to thớt), bột bẻ ở Dalmatie cũng đều quý giá cả.

Sự dùng bột bẻ trong việc rửa mặt đã có từ lúc cổ-thời; người ta còn thấy dấu tích của các dân-tộc Ai-Cập, Hy-Lạp và La-Mã.

Xét ra thì sự dùng bột bẻ ở nước Pháp mới có vào hồi thế-kỷ thứ 16 mà chắc rằng do họ Medicis truyền sang, vì ở nước Ý người ta đã biết dùng từ lâu đời rồi.

Về trung-cổ thời-dại, bột bẻ chỉ thường dùng để lau những bức họa bằng sơn.

Người Pháp đã thử gây giống bột bẻ ở hải-phận nước Pháp trong miền Địa-Trung-Hải, song không thấy có hiệu quả.

Người Ý cũng thực hành việc ấy ở miền hải đảo Caprera thì kết quả hoàn toàn lắm.

Người ta còn định gây bột bẻ bằng một cách khác là làm những bể nhân-tạo mà nuôi; cái ý kiến thì hay mà chắc cũng có hiệu-quả, song không thể đem thực hành được. Vì những người chuyên về nghề đi kiếm bột bẻ có cái manh tâm muốn chiếm độc-quyền, bọn ấy sợ rằng sự gây giống nọ mà thành thì có sự cạnh tranh với họ. Bởi cái lòng vị-kỷ ấy nên họ tìm hết phương kế mà phá đổ cái công cuộc rất ích lợi kia. — Hồi ấy vào năm 1867. Thế rồi người ta ngã chí không ai nghĩ gì đến công cuộc ấy nữa.

Nghề kiếm bột bẻ.

Kiểm bột bẻ cũng có nhiều cách và nhiều nơi như ở hải-phận nước Anh-Cát-Lợi, nước Bồ-Đào-Nha, miền Hải-đảo Hy-Lạp, miền quần-đảo Thổ-Nhĩ-Kỳ, miền Bahania tại Cuba, miền duyên-hải Floride, tại Địa-Trung-hải, tại Thái-Bình-dương, tại Ấn-Độ-dương, nhất là miền Tân-Gia-Ba.

Những bọt bễ ở miền Syrie, Grèce là thứ nhỏ thỏ, nhiều người ưa dùng, thì sự sinh trưởng lại rất mạnh vì nước ở miền bễ ấy hơi ấm, rất thích hợp với sự sinh trưởng của loài ấy. Miền Aegyna và Hydra ở nước Grèce miền Symi và Calzinnos ở quần-đảo Thổ-Nhĩ-Kỳ không thể nhờ về đó mà làm giàu được, mối lợi ấy thuộc cả vào tay người Anh.

Người nước Anh hợp công ti mua các dụng-cụ tối cần, cấp cho các nhà chuyên nghề đi kiếm bọt bễ để đem về bán cho họ. Những dụng-cụ ấy giống thứ tiếm-thủy-y « Scaphandra » dùng để làm việc ở dưới đáy bễ ; dùng nó mà đi kiếm bọt bễ thì được chắc-chắn mà đỡ sảy ra những sự nguy hiểm, cái đó đã cố nhiên rồi, song nhiều nhà chuyên nghề này nhất định không dùng, chỉ lặn mình không xuống bễ mà tìm kiếm bọt bễ.

Họ thường phải chịu cái áp-lực rất nặng của nước đè trên mình, bọt bễ ở càng sâu bao nhiêu thì cái áp-lực ấy lại càng mạnh chừng ấy. Nghề đi kiếm bọt bễ thật là một nghề vất vả, người khỏe mạnh đến đâu mặc lòng, đã làm nghề này thì không còn sống lâu được, đã thế mà các công ty bảo hiểm cũng không bảo lãnh gì với họ cả.

Cứ như một nghề đi kiếm bọt bễ thì cũng chẳng lợi gì cho lắm, song nhưng mà chuyên nghề lại nhân nghề ấy mà kiếm thêm được bổng ngoài, vì lắm khi gặp được nhiều miền có rất lắm vật quý. Ngoài việc kiếm bọt bễ là việc chính, họ lại thường bắt được từng cảnh san-hô cùng các bảo vật khác. San-hô và những vật ấy thuộc về họ, người đứng thuê chỉ có quyền lấy bọt bễ họ kiếm được mà thôi. Trong một năm phải vài độ không kiếm được, nhất là về khoảng tháng một là mùa bễ hay có bão. Tháng chạp, tháng giêng và tháng hai là độ rất tốt cho nghề ấy, vì kiếm bọt bễ đã được nhiều mà bễ lại không có sóng to hoặc bão, việc kiếm bọt bễ trên đây là nói về những cuộc ở Địa-Trung-Hải. Còn ở Ấn-Độ-dương một năm cũng có hai độ kiếm như thế.

Những thổ-dân ở các vùng ấy lúc còn bé đã tập nghề này. Cách tập thật gian nan mà nguy hiểm lắm. Các tay tập sự, bơi thuyền ra dữa bề cả, họ buộc một tảng đá lớn vào một sợi dây thừng thật bền và thật dài rồi thả tảng đá ấy xuống bề khơi, đoạn bắt cái thừng ấy mà leo dần xuống bề. Trước còn tụt xuống một mực nơi nông, rồi lại leo lên, sau cứ thế mà leo xuống dần, kỳ cho bao giờ tới tảng đá buộc ở đầu giây bấy giờ mới là tay thiện-nghệ.

Tập như thế là cốt để luyện lấy sức khỏe và sự ngậm hơi nhịn thở là hai cái cốt-tử trong nghề kiếm bọt bề. Đó là không nói đến sự dùng những dụng-cụ tối tân. Bọn đi kiếm bọt bề ở Ấn-Độ-dương chỉ biết tin ở sức khỏe và sự ngậm hơi nhịn thở của họ, cũng như bọn người ở Hà-Lan lặn bề tìm ngọc-trai. Họ không còn phải là người, thật là loài lưỡng thể « Amphibie » vậy.

Trước lúc giấn mình xuống nước « đây là nói những tay «thiện nghệ», họ hút thật nhiều khí giới vào phổi rồi lặn xuống, hoặc đâm đầu xuống trước, hoặc vùi vào tảng đá buộc ở đầu thừng. Bị sức nặng của đá chìm, họ tụt xuống nước thật nhanh để mò tìm bọt bề. Những người đâm mình xuống nước mà không dùng đến đá thì phải lấy sức khỏe trước khi nhảy xuống bề để đủ được sức mà «xuyên» qua cái lớp nước sâu như thể nó đè ở trên mình, cứ nghe nói cũng đủ thấy công việc là nguy hiểm.

Phải để ý về loài cá mập, lẽ tất nhiên là những người ấy chỉ vận một cái khố để cử động dưới nước cho được dễ, không những thế miệng họ còn ngậm một lưỡi dao găm rất sắc. Lưỡi dao găm ấy có ích cho họ lắm. Một hôm tôi được chứng kiến như sau này :

Một người nghề đi kiếm bọt bề có tiếng là tay giỏi trong thiện nghệ. Người ấy vừa nhảy xuống bề, tôi cũng vừa nhanh mắt trông theo, bỗng nhiên nước bề sùi bọt lên, một đợt sóng nhỏ cao thì dưới chân sóng có một con cá mập(Requin) rất lớn bơi lại gần người ấy.

Murga (là tên người ấy) trông thấy con cá khổng-lò ấy, cứ diềm nhiên như không; khi con cá mập ấy quán mình lại để đớp mồi (loài cá mập chỉ đớp được mồi ở phía cạnh) thì Murga liệng mình một cái rất nhanh, rút mũi dao ngậm miệng dơ thẳng cánh tay, đâm ngang vào bụng con cá thật mạnh mà kéo dài vết đâm xuống. Những lớp máu tươi làm đỏ ngầu cả một vùng bề ấy.

Còn Murga không để ý gì đến con cá mập ý vừa đâm chết, lại theo đường lặn xuống bề khơi.

Chuyến ấy vừa được bọt bề lại vừa được con cá mập. Việc xảy ra như thế cũng là một sự nguy-hiểm mà các nhà chuyên nghề đi kiếm bọt bề thường gặp ở dưới nước khơi.

Bọt bề làm đồ dùng

Việc thứ nhất của nhà nghề khi kiếm được bọt bề lên là phải bóc màng nó đi, sau đem ra nước sạch mà vò, rồi theo một phương pháp riêng mà rặt cho bọt bề được trắng ra, đoạn phơi cho khô lại. Khi được nhiều rồi, họ tải thứ hóa hạng qui giá ấy xuống tàu bề để xuất cảng. Luân-Đôn, kinh-đô nước Anh, là một cái thị-trường lớn nhất thế-giới về nghề bán bọt bề.

Về bọt bề, nay xin nói mấy câu nữa:

Nhỏ thớ người ta dùng nó để chùi mặt, to thớ thì dùng để cọ mình trong khi tắm, to thớ hơn nữa thì dùng để cọ xe, cọ tường, lau máy v. v.

Lại xin thêm mấy nhời khuyên nữa, bọt bề dùng để rửa mặt, nguyên là một chất mềm mà cần phải sạch, thường phải dấn nước sôi và giữ cho kỹ, không thế thì nó chính là một cái «tổ chứa vi-trùng.»

Hiện nay «bọt bề thiên tạo» đang bị «bọt bề nhân tạo» cạnh tranh. «Bọt bề nhân tạo» làm bằng nhựa cao su do người Mỹ chế ra, xem đã thấy đặc dụng lắm.

(Thực nghiệp lược dịch bài của M. J. Watson trong báo tây.)

NHÀN ĐÀM

Giấc mộng đêm hè

Đồng hồ vừa điểm dứt 11 tiếng thì tôi vội thu xếp sách vở đi nghỉ vì mùa viêm-nhiệt khi trời nóng nực quá nên trong mình đã thấy nhọc lắm.

Đặt mình nằm ước độ nửa giờ mà vẫn chưa thể nào ngủ được, cứ chần trọc bâng khuâng mãi. Sau chợt thoáng qua một cái thì ra mình đã ngủ mê đi lúc nào rồi!

Trong khi tôi bâng khuâng định giáp non thần thì tôi gặp không biết bao nhiêu các cụ tiền-bối trông rõ ra vẻ lão-thành đạo-đức, tuấn-kiệt anh-hào cùng quây quần cả chung quanh tôi mà chất-vấn những điều như sau này:

«Này gã thư-sinh kia! Lại đây chúng ta hỏi: sao đời mày bây giờ đảo điên ghê gớm thế? Hằng ngày thường xảy ra những tấn thảm-kịch kinh hồn táng đờm như là: con cãi cha mẹ, vợ chồng li-dị nhau luôn, anh em thì bất hoà bất mục, tôi tớ thì bạc ác vô lương, thói đời điều bạc, sự thế thảm thương, khiến cho ai ai có lòng ưu thời mẫn thế cũng phải chau mày nghiêng răng mà than thở! Ôi! đời chúng mày cứ tự phụ là văn-minh! Ta hãy hỏi văn-minh gì? Hay là văn-minh rởm, dài các sằng, nhâng nhâng nháo nháo, vô lễ vô phép với cả tổ tiên, thực là làm ô-danh cho cả con nhà Hồng Lạc. Chúng ta đây tốn bao tâm huyết mới gây dựng được cái nền văn vật cho đất Việt-Nam này, mà bọn con cháu vô phúc như chúng bay dám đang tâm làm bại hoại đi. Liệu đấy, chúng bay tội to lắm đấy, chứ chẳng chơi đâu».

Nói đoạn các cụ mắt môi trợn mắt mà la hét hình như giận dữ lắm, làm cho tôi giật mình tỉnh dậy, té ra một giấc chiêm-bao, mồ hôi toát ra như tắm, vội thắp đèn lên cầm bút ghi và thuật lại ra đây để đồng-nhân cộng lãm.

Nam-Định NGUYỄN-VĂN-DU.

Voi trâu than thở

Con trâu miệng thở hồng-hộc, co cẳng cong đuôi chạy tể trên đường vào phía rừng rậm, có ý sợ hãi điều gì. Đang chạy lờng cát tung bụi bốc thì thỉnh linh gặp con voi mắt rướm rướm ướt, miệng mếu xệch xoạc, trâu dừng bước hỏi : « Trong chốn thâm-sơn là nơi tĩnh mặc, ở ắt được yên thân, có sao bác lại nguây nguẩy đi ra mà nét mặt có ý buồn rầu như trong lòng có chan chứa điều u uất, nói ra không được mà nuốt vào không chời ! » Voi lấy vòi gạt nước mắt đáp : « Non trăm năm nay đệ ăn ở trong chốn sơn-lâm rất là thỏa thuê sung sướng, người ta vẫn đùa bảo đệ là yếm-thế, là đạo-dức, ghét nơi phồn-hoa đô-thị, lấy nơi non xanh nước biếc làm thú tiêu dao ! Mặc ai gắng sức đua chen trong vòng danh lợi ! Than ôi ! Nay kỹ-nghệ của loài người một ngày một tinh thông ; chức quan hàn của loài người một ngày một đa số ! Họ sinh đeo thẻ bài đề hãnh diện với bà con, nên bọn thợ ngà thấy nghề bở kéo nhau đi tìm ! Ngô-huynh ơi ! đệ cũng vì cái lối-bịch của loài người mà bị cụt một ngà đây, này ngô-huynh ơi ! » Trâu lắc đầu, chép miệng đáp : « Thế ra tôi mấy bác đồng bệnh tương lân, không biết tôi cùng bác có thâm thù gì cùng loài người không ? mà họ chỉ chăm chăm định hại ta ! Tôi cũng vậy, họ được ân thưởng ăn khao linh đình, cứ tìm tôi mà mỗ để thết bà con hàng xóm, kéo họ sợ « vô vọng bất thành quan ! » Tôi sợ quá toan vào rừng ở ! Vậy lại gặp bác kẻ nông nổi nghĩ chán quá ! » Voi cười gượng nói theo : « Chuyến này chỉ bọn ả đầu là tha hồ phát tài thôi. . . . » !

NGUYỄN-SƠN-TỪ

Chuyện anh hàng thịt quay và anh phu gánh

(Chuyện giải trí)

(Của RABELAIS Tiên-sinh soạn)

Ở kinh-dô Pha-lê trước cửa hàng thịt quay có anh phu gánh ăn bánh với khói thịt quay rất ngon lành và thú vị lắm.

Anh hàng thịt quay cứ kệ cho anh phu gánh đứng ăn. Nhưng đến khi ăn xong, anh ta chạy ra khóa chặt lấy áo anh kia lại, rồi đòi tiền ăn khói thịt quay.

Anh phu gánh cãi rằng : « Tao không động đũa đến thịt, không có lấy một tí vật gì, thế thì mày còn lời thối với tao à ? Và vả chẳng khói thịt bay ra ngoài rồi biến mất ! ở thành Pha-lê này tao không nghe thấy ai nói khách bộ hành lại phải giả tiền khói thịt quay bao giờ cả ! »

Anh hàng thịt quay nói : « Tao không có lẽ nuôi không những quân vô dụng bằng khói thịt, này phải giả tiền ngay mau đi, nhược không tao sẽ bắt lấy đòn gánh của mày cho mà xem. » Còn anh phu gánh rút ngay đòn ra để chống cự lại.

Đám cãi nhau hóa ra to, dân ở kinh-thành chạy tới tả ra xem và ông Giăng-lơ-Phu, khắp phố ai cũng biết tiếng ông ta, vừa may qua đó.

Anh hàng thịt quay nói : « Mày có bằng lòng ông Giăng-lơ-Phu sử kiện mày với tao không ? »

— Tao rất bằng lòng !

Khi ông Giăng-lơ-Phu nghe rõ đầu đuôi câu chuyện của hai anh kia, liền bảo anh phu gánh đưa vài hào cho ông ta. Anh phu gánh lấy ra một hào ván rồi đưa cho ông Giăng-lơ-Phu.

Ông Giăng-lơ-Phu cầm đồng hào để lên tả vai nhắc xem nặng hay nhẹ, đoạn rồi ghé lại gần đưa mắt tay phải,

xem hào chữ mới hay nhẫn, sau kiểm mãi luôn luôn trên mặt quày nghe xem có phải thực bạc không ? Trong khi bấy giờ mọi người đứng nhìn rất im lặng, còn anh hàng thịt quay cứ lăm le chực lấy hào bỏ túi, khiến cho anh phu gánh mặt biến hẳn sắc đi.

Ông Giăng-lơ-Phu làm quan tòa chống gậy, đội mũ, thúng thẳng ho vài cái rồi cất tiếng nói lên rằng : « Tòa sử : Thằng phu kia ăn bánh với khồi thịt quay thì đã giả bằng tiếng hào rồi. Tòa đã sử như vậy, người nào người ấy phải về nhà ngay không được lời thôi ! »

NGUYỄN-VĂN-HOAN

dịch thuật

Lời bàn của dịch giả. — Hay thật ! Đứng nhờ ở ngoài lò thịt, ngửi khồi thịt ăn bánh mà phải giả tiền ! Cũng lạ đấy chứ ! Nhưng xét ra cho kỹ anh phu gánh kia : hôm ăn bánh, mũi ngửi khồi thịt, tuy không ăn thịt nhưng cũng thú vị, thật chẳng khác chi ăn bánh với thịt vậy ! Anh hàng thịt nọ đòi tiền cũng có lý ! Thịt đáng một hào nhưng khồi cũng đáng dăm xu ! Mùi thịt khi đang quay thơm bằng mấy lúc quay rồi. Đòi tiền cũng phải !

Cái dám cãi nhau này giá vào người khác sử sao được ? Khen cho ông Giăng-lơ-Phu sử khéo thật ! Ngửi hơi thịt thì giả bằng tiếng hào ! Thế mới phải, thế mới minh ! Vị tất vào đến quan sử đã nời ! Mà lại nay chát đòi, mai chát đòi, nay dứt tiền cho chú lính, mai dứt tiền cho thầy đê, kia dứt lễ cho quan !

Ông Giăng-lơ-Phu sử khéo thật !!!

NGUYỄN-VĂN-HOAN

Câu truyện dưới giảng

Tối hôm tết tháng tám vừa rồi, nhân khi thừa nhàn, vội đến chơi nhà ông bạn, định rủ đi với mình xem thiên hạ bày cỗ cho vui. Khi đến nơi, bác ta ngần ngại và giả lời

rằng : « Tết trung-thu là của trẻ con có gì đâu, thôi cùng tôi lên trèo sân thượng này, đôi ta thưởng nguyệt, lại chẳng thú gấp mấy mươi hay sao ? »

Bèn cùng nhau lên gác, ra sân, ngồi chơi uống nước. Bọn rằng : « Gió mát giăng thanh như thế này, ta biết nói câu chuyện gì bây giờ ? »

— Ta lại mang chuyện giăng ra mà nói.

— Nếu lại nói trong giăng có ả Hằng-Nga, trên giăng có chú Cuội ngồi thời cũ rích, hay lại như khoa-học ngày nay, giăng là một vì tinh-tử, soay vòng quanh quả đất, tự mình không thể sáng được, vân vân, thời cũng chẳng có ý vị gì.

— Không, thế này thú lắm và hợp thời lắm. Ta mang ra ôn lại những tình-tử của người đời những lúc trông giăng.

Này như : một đôi tài-tử giai-nhân kia, lúc đêm thanh, chén tạc chén thù rồi, cùng nhau sánh vai, dạo gót lê-viên, trông thấy giăng mà hỏi nhau rằng : « Giăng kia của nhà ai ? — Giăng của nhà ta, chứ của ai » (*Nguyễn khắc Hiếu*) thời lúc đó vui sướng biết là bao nhiêu, đâu có nghìn vàng hồ dề mà đòi được ư ?

Còn ai kia, như đũa lệch đôi, hờn duyên tủi phận, càng trông thấy giăng bao nhiêu, lại càng căm giăng, tức giăng, giận giăng mà phải kêu cùng giăng rằng :

Trêu người chi mấy giăng già,

Sao con chỉ thắm mà ra tơ mảnh..... !

thời cực khổ đến đâu.

Nhưng kẻ ra cũng chưa khổ bằng như ai kia, khi xem hoa nở, khi chờ giăng lên, đương cùng nhau mận nồng hương lửa, mà phút chốc đã phải phân-ly, chiếc bóng song the, mà trông thấy giăng bao nhiêu mới lại càng chua xót bi-ai cho người ta chứ.

Vòng giăng ai sẽ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường... !

Vợ nam, chồng bắc, như én lạc đàn, cái đoạn khổ thống tình thương ấy kẻ sao cho siết, nhưng nếu cay khổ bao nhiêu về nỗi ly-biệt, thời đến lúc đoàn viên lại vui sướng bấy nhiêu. Lúc đó, biết bao nhiêu là nguồn ân, bẽ ái, dầu giăng đã cao, canh đã tàn, gà gàn gáy sáng mà câu chuyện hàn-huyên còn như chan, như chứa, dễ chùng mà thôi ngay được sao ?

Hợp-tan ly-biệt ấy nhẽ tất nhiên là thế, mà thường tình con người ta ở đời thì :

Hoa thơm đương nhị, giăng vòng tròn gương, ai trông thấy mà chẳng thương, chẳng yêu, chẳng chiều, chẳng quý; chứ giăng tà, hoa rụng, ai người yêu hoa, thương giăng, nào đâu cả :

*Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Giăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa!....*

Đã hay rằng như vậy, song mỗi khi :

*Một mình lặng ngắm bóng nga,
Rộn đường gần với nỗi xa bời bời.*

*Người mà đến thế thì thôi,
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi.*

*Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không ?....*

thời biết cùng ai mà trò chuyện, than-thở khúc-nhôi, biết dám nói cùng ai, dầu rằng có chết đi chẳng nữa, mà ai không biết đến thời cũng đành bỏ quá xuân xanh một đời mà thôi.....

Ấy giăng có một cái địa-vị to tát trong cuộc tình duyên của bạn thanh-niên đương luân-quần với thất-tình là thế đấy.

— Ngoại thất-tình ra, người ta trông giăng lại không có cảm tưởng khác nữa ư ?

— Có lắm chứ. Ngoài thất-tình ra, người ta trông giăng lại có những tư tưởng thanh cao, như cũng biết thưởng cái đẹp thiên-nhiên của tạo hóa, như núi non, sông nước, mặt gò, khi mọc khi lặn, một tối đêm giăng :

*Vầng ngọc tỏ, in sóng vàng vạc,
Giữa giăng tâm bóng lộn mấy tình !....*

hay là cao xa hơn như :

Giăng đến rằm thì tròn ;

trong khi quan-niệm đời người biết rằng có ba thời-kỳ : ấu, trưởng, lão. Lúc ngây thơ còn dại chưa biết gì, chứ nhón khôn lên cũng vẫn mãi thế này ru ?

Hay là ở đời người ta không có cái gì là tuyệt-đối cả :

*Giăng khoe giăng tỏ hơn đèn,
Làm sao giăng phải chịu luôn đám mây ?*

sau cùng, lại còn uyên-thâm hơn nữa, là đời người có bao nhiêu, ba vạn sáu nghìn ngày, chứ cảnh vật thời thiên-niên bất dịch vậy :

*Giăng bao nhiêu tuổi giăng già,
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non !...*

Đấy chị Nguyệt ơi ! Người đời trông thấy chị, ngụ biết bao nhiêu cảm-tình cùng ý tưởng, tùy thời, tùy người, tùy cảnh, chẳng hay chị đứng đây có biết chẳng tá ?..... Đêm đã khuya, phố đã vắng, hỏi chẳng nói, gọi chẳng thưa, thôi mặc kệ ai cứ việc ; mà lơ lửng trên không-gian, em xin lỗi bác đi về đề khi khác.

NGUYỄN-VĂN-TUYÊN

I. — CURIEUX PARTAGE

Un arabe en mourant laissa 17 chameaux, il en légua la moitié à son fils, le $(\frac{1}{3})$ tiers à son neveu et le neuvième à son cousin.

Le partage était bien difficile à effectuer ; car le fils devait avoir 8 chameaux $\frac{1}{2}$, le neveu $5\frac{2}{3}$ et le cousin $1\frac{8}{17}$

On fit appel au Cadi (juge arabe) qui arriva et, après réflexion, joignit son propre chameau aux 17 du défunt. Cela fait, il donna la moitié au fils, qui obtint de la sorte 9 chameaux; le tiers au neveu qui en eut 6 et le neuvième au cousin qui en eut 2. Le Cadi reprit alors le sien et chacun s'en fut content.

Ce résultat s'explique si on observe que la somme des fractions $\frac{1}{2}$ $\frac{1}{3}$ et $\frac{1}{9}$ est $\frac{17}{18}$; et que par suite en suivant exactement les instructions du testament, une partie de la succession ($\frac{1}{18}$) serait restée sans propriétaire.

II. — UNE ÉPITAPHE ARITHMÉTIQUE ET POÉTIQUE

Passant, sous cette tombe repose Diophante,
Ces quelques vers tracés par une main savante
Vont te faire savoir à quel âge il est mort:
Des ans assez nombreux que lui laissa le sort,
Le 6^e marqua le temps de son enfance,
Il passa le 12^e en son adolescence,
Dans l'âge mûr encore un 7^e coula,
Puis s'étant marié, sa femme lui donna,
Cinq ans après, un fils qui, du destin sévère,
Reçut de jours, hélas, deux fois moins que son père.
Et quatre ans, dans les pleurs, celui-ci survécut
Dis, si tu sais compter, à quel âge il mourrut!

(EUTROPE)

Si l'on ajoute l'une à l'autre les diverses fractions de la vie Diophante, on trouve :

$$\frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{7} + \frac{1}{2} = \frac{75}{84} \text{ de sa vie.}$$

Les $\frac{9}{84}$ de sa vie qui restent représentent les 5 ans de son âge mûr et les 4 ans qui précèdent sa mort; soit en tout 9 ans.

$\frac{9}{84}$ de sa vie valent donc 9 ans;

$\frac{1}{84}$ de sa vie vaut 1 an

et $\frac{84}{84}$ de sa vie valent 84 ans.

Diophante vécut 84 ans.

A. MINET ET L. PATIN

ADMINISTRATION SCOLAIRE (2)

ABSENCE — (AUTORISATION D') — VOIR PERMISSION

Absences des élèves — Les élèves ne peuvent s'absenter de l'école que pour des motifs sérieux: maladie, décès d'un des membres de la famille, cérémonie cultuelle, difficultés accidentelles dans les communications.

Lorsqu'un enfant s'absente sans permission, il doit être puni à son retour; si l'absence sans permission se prolonge au delà de 8 jours, l'élève doit être rayé du contrôle. Le fait est signalé dans le rapport trimestriel. Sont rayés également les élèves qui, après les vacances, ne rentrent pas au jour fixé, — avec un peu de fermeté, les maîtres pourront obtenir une fréquentation scolaire régulière — sans laquelle aucun progrès n'est possible.

En ce qui concerne les motifs invoqués par les élèves, les maîtres doivent tenir compte des circonstances locales pour les accepter ou les rejeter. — Il ne peut exister en cette matière de règle absolue, de même que pour la durée des absences.

Néanmoins, il y a lieu dans la majorité des cas de considérer l'absence sans permission comme un acte d'indisciplinaire et d'infliger une punition.

Absences du personnel. — Pendant les heures de classe, le maître ne peut, ni s'occuper d'un travail étranger à ses fonctions, ni s'occuper d'un travail étranger à ses devoirs scolaires. Il lui est interdit de s'absenter de son poste sans y avoir été régulièrement autorisé et sans avoir donné avis aux autorités locales.

Les permissions sont accordées, lorsqu'elles n'excèdent pas 8 jours, par le Chef de la province (1) et au de là de 8

(1) Quelques chefs de province délèguent leurs attributions à l'Inspecteur primaire du Secteur. (Ce renseigner à ce sujet).

(2) Extrait du Vade-Mécum de l'instituteur au Tonkin — Prix : 1\$,20 — Editeur: Société de Patronage des Ecoles publiques de NamDinh.

jours par le Chef du service de l'Enseignement. Ces deux autorités se communiquent leurs décisions. Toute demande de permission pour raison de santé doit être accompagnée, par tout ou c'est possible, d'un certificat médical délivré par un médecin de l'administration indiquant la nature de la maladie et la durée de l'indisponibilité.

Si aucune pièce justificative n'est fournie à l'appui des demandes de permission pour raisons de famille ou pour convenances personnelles, ces demandes ne pourront être prises en considération que sous réserve de la production par l'intéressé, à l'expiration de sa permission, d'une attestation délivrée par l'autorité compétente (mariage, maladie, décès, etc). Le lieu où l'intéressé compte jouir de sa permission doit toujours être précisé.

La durée des permissions qui peuvent être accordées aux maîtres, non compris les délais de route, s'il y a lieu, est en principe de trois jours à l'occasion de leur mariage et, pour le décès d'un membre de leur famille de 2 à 4 jours suivant degré de parenté. Pour permettre au service de calculer les délais de route, la demande doit indiquer le village où le maître doit se rendre.

Les demandes de permission doivent être tout à fait exceptionnelles et motivées par des raisons impérieuses.

Il est tenu compte de l'assiduité des maîtres dans l'établissement des propositions pour l'avancement.

Les demandes de permission sont adressées par la voie hiérarchique. En cas d'urgence (décès d'un proche parent par exemple) la demande peut être adressée télégraphiquement (avec réponse payée) au Chef du service de l'Enseignement. Les pièces justificatives sont produites au retour.

En cas de maladie, le Chef de service (où l'Inspecteur primaire de la Circonscription) doit être immédiatement avisé. Le maître aura tout intérêt à se présenter à l'Hôpital pour

obtenir du Médecin chef le repos qui lui est nécessaire et pour s'y faire soigner.

Accidents. — Le maître devra donner tous conseils utiles à ses élèves pour éviter les accidents, interdire les jeux violents ou dangereux, les batailles, les jets de pierres, — il devra inviter les élèves à déposer leur porte-plume dès qu'il n'ont plus à écrire, les empêcher de tendre en avant ou en l'air crayon ou porte-plume, etc.

Si un accident se produit en classe ou dans la cour, le maître avisera aussitôt le lỵ-trưởng, puis fera transporter l'enfant dans sa famille, non sans avoir essayer, dans la mesure de ces moyens, d'atténuer les dangers de l'accident (pose d'attelles en cas de fracture, ligature en cas d'hémorragie, etc).

Le maître devra faire un rapport à son inspecteurs si l'accident présente quelque gravité. Il donnera tous renseignements concernant l'élève et indiquera avec précision dans quelles conditions l'accident s'est produit.

Les maîtres ne devront pas oublier que les élèves restent sous leur surveillance pendant la récréation.

Acquisition de locaux. — L'Administration du Protectorat pour les écoles subventionnées, les diverses collectivités indigènes pour les autres écoles, peuvent acheter des locaux pour servir de salles de classe, en leur faisant subir, ou non, des modifications. — Les directeurs d'écoles signalés ont les locaux convenables dont il pourrait être fait acquisition (joindre plan, indiquer nom du propriétaire, état du local, matériaux entrant dans sa construction, prix demandé etc).

Il n'est utile de fournir ces renseignements que dans le cas d'insuffisance des locaux occupés.



MỘT BÀI HỌC BÌNH ĐẲNG

Tôi có một anh bạn nhà quê rất thân thiết tên gọi Gustin, người khoẻ hơn tôi và nhớn hơn tôi đến ba bốn tuổi. Dù nhớn hơn, khoẻ hơn, Gustin vẫn cứ phải theo ý muốn tôi, hình như hẳn ta để ra đề mà nghe nhờ tôi sai vậy. Ấy cái nết hay sai người làm đôi cả bản tính tôi đi. Lắm lúc tôi sai để lấy cái thú bắt phải phục tùng đó thôi.

Mẹ tôi mới định sửa cái tinh áp chế khốn nạn ấy của tôi đi.

Mẹ tôi bèn gọi cả đôi đến, rồi dạy cho Gustin một bài phải tự-trọng hơn một chút và tôi phải có bụng công bằng mới được. Hết mắng tôi về cái thói cứ muốn làm thầy suốt đời người ta, mẹ tôi lại bảo rằng: Gustin sinh không phải để phục tùng cái tinh oái oăm của tôi đâu, hẳn là bằng vai tôi, là bạn tôi, chứ không phải là đầy tớ tôi và mẹ tôi bảo từ giờ mà đi, phải sửa tính nết lại.

Cái thẳng mán ấy lại hiền quá ư là hiền, hôm sau, khi chúng tôi đi chơi trong rừng về, nó thấy người mỗi mệt, bèn chụt ngay guốc ra và sai tôi xách luôn.

Tôi khi đó mới lên bốn, phải nghe nó ngay. Tôi cứ đi thế về đến nhà, trước mặt mẹ tôi, tay xách lệnh khệnh đôi guốc (mà guốc có nhẹ đâu), còn thẳng Gustin thấy tôi phải mang nặng, thở không được, lấy làm đặc chí lắm, mà nó lại chính là đứa trẻ thuần hậu nhất làng đấy. Như vậy cái bài học lần đầu về lẽ bình đẳng này, chỉ tổ làm chủ xuống đầy tớ, tớ lên chủ thôi.

Nhưng mà bình đẳng có phải dễ hiểu và dễ thực hành thế đâu, đến người nhiều tuổi hơn và có học thức hơn nó, vị tất đã hiểu nổi.

ĐẠT-ĐỨC dịch

UNE LEÇON D'ÉGALITÉ

J'avais pour compagnon inséparable un petit paysan nommé Gustin, plus âgé que moi de trois ou quatre ans et beaucoup plus fort. Malgré cette différence d'âge et de force, Gustin se soumettait à toutes mes volontés, comme s'il eût été né pour m'obéir. Cette habitude de commander me dénaturait. J'ordonnais pour le seul plaisir d'être obéi.

Ma mère résolut de mettre fin à ce despotisme en herbe.

Elle nous fit comparaître tous les deux devant elle pour donner à Gustin une leçon de fierté, et à moi d'équité. Après m'avoir réprimandé sur ma manie de faire perpétuellement le maître, elle nous dit gravement que Gustin n'était pas né pour obéir à mes fantaisies, il était mon égal, mon ami, non mon serviteur ; elle entendait bien que nous changerions entièrement de conduite à l'aveur.

Le barbare ne comprit que trop ; le lendemain, comme nous étions au bois et qu'il se sentait fatigué, il ôta ses sabots et m'ordonna de m'en charger.

J'avais quatre ans, j'obéis. Nous arrivâmes ainsi devant ma mère, moi portant humblement les deux sabots de Gustin (et ils n'étaient pas légers) et Gustin tout fier de me voir essoufflé et rendu sous le faix ; et pourtant c'était le plus honnête, le plus doux garçon du village.

Ainsi cette première leçon d'égalité n'avait fait que changer le maître en serviteur et le serviteur en maître.

Mais l'égalité n'est pas facile à comprendre et à pratiquer même pour de plus âgés et de plus savants que Gustin.

EDGAR QUINET.

ĐỒ CHỮ

Trong nhà thầy ký

Cô ký. — (Mở túi tiền thấy hết). Tôi hãy còn ở đây mười lăm đồng cơ mà ! Thế là nghĩa làm sao ? Giờ ơi !

thôi hôm nay chủ-nhật lại đem đi đổ chữ rồi ! Chồng con như thế, tôi cũng đến chết thôi !

CẬU DẪN. — (5 tuổi đang ngồi trên mình ngựa gỗ).

Ếp ! ếp ! sê ra, không ngựa sêo phải ! ếp, ếp !...

(Thầy ký đi làm, trưa về).

CÔ KÝ. — Đã lấy mười đồng ở trong túi này đấy à ?

THẦY KÝ. — Phải.

CÔ KÝ. — Tí nữa lại đi đổ chữ phải không ?

THẦY KÝ. — Phải, tí nữa tôi đi đấy. Số 4 chắc là được, tôi đã nhận mãi, mấy tháng nay rồi. Số ấy thế nào cũng được. Một đồng ăn ba mươi sáu đồng, thế ai dại gì mà không chơi. Thử tính mà xem nếu mang đi mười đồng, ít ra lại không được 360 đồng về à ?

CÔ KÝ. — Thôi đi, tôi van cậu, chỉ còn có mười lăm đồng từ giờ đến cuối tháng thôi, nếu mang đi chỉ còn có năm đồng ở nhà ư ?

THẦY KÝ. — Sao mợ mày gàn thế ! Còn có năm đồng hay hết có cần gì, chốc nữa tôi sẽ mang về 360 đồng cơ mà...

CÔ KÝ. -- Nghe làm sao được ! Thế từ giờ đến ba mươi mốt vạn răng ra mà ăn à ?

THẦY KÝ. — Gàn quá lắm, không chịu được. Thảo nào ông bà nhạc mình vẫn thường phải bảo rằng, mợ nó ương quá, hễ đã muốn điều gì thì không ai bảo được thôi. — Nếu có mất mười đồng mới đem về được 360 đồng chứ ! Nói phải biết nghe chứ !

CÔ KÝ. — Có bao nhiêu đem cúng đổ chữ hết. Tháng này đã mất năm đồng rồi, chưa kể mười đồng này đấy....

THẦY KÝ. -- Ấy chính thế !... Đồng bạc ném đi, đồng chì lấy lại. Hôm nay tôi đi lấy về đây... Tôi mang về cả tiền của nhà mười lăm đồng với 315 đồng nữa. Thế là tính mình-bạch rõ ràng nhớ !

CÓ KÝ. — Chồng con thế thật là giết người !... Lấy phải chồng thế rõ khổ một đời. Bây giờ đầu đã gần hoa dâm rồi đấy...

(Nói xong đi ra cửa sang nhà láng giềng).

THÀY KÝ. — Bây giờ lại sang kể truyện với hàng xóm rồi đấy..

CẬU DẦN. — *(Cứ mặc kệ, không biết đến, cứ tự-nhiên...)*
Ếp ! ếp ! a-loong, ếp ! ếp !...

Trong nhà thầy thông (láng giềng).

THÀY THÔNG. -- Thế ông ký không nghe bà ư ?

CÔ THÔNG. --- Người ta thường nói nhà bà, vợ chồng cãi nhau luôn, lúc nào người ta cũng nghe thấy tiếng nói to như cạnh nhà hát họ luyện tập diễn kịch vậy.

CÔ KÝ. — Thôi bà còn lạ gì. Nhà tôi thật là tai hại quá. Lúc nào cũng đổ chũ. Làm được bao nhiêu đem cúng đổ chũ hết...

CÔ THÔNG. — Thế thời tai hại thật !

CÔ KÝ. — Không kể tiền mất đi, tháng này chỉ còn có mười lăm đồng từ giờ đến cuối tháng, thế mà lại còn lấy đi mười đồng đổ chũ có chết không ?

THÀY THÔNG. — Thế thời ông ký nhà bà quá lắm thật ! Tôi phải sang can ông ấy mới được.

CÔ THÔNG. — Ông ký nhà bà tệ lắm nhỉ ?

CÔ KÝ. — Thế bà bảo còn sung sướng về nỗi gì ! Thật đèn nhà ai, nhà ấy rạng, đoạn trường ai có qua cầu mới hay... Phải, thứ năm, thứ bảy, tối đi xem hát, xem chớp bóng, hay chủ nhật thông thả, đi chơi chỗ nọ chỗ kia, đề giải chí, tôi có dám cấm đâu ? . . Nhưng không ! . . Cứ đổ chũ Bây giờ hết nhẫn, quần áo rách nát cả mà tiền không có để may, bà tinh thế có cực không ?

THÀY THÔNG. --- Bà không nên để ông ấy lấy mười đồng ấy. . .

CÔ THÔNG --- Phải, không nên.

CÔ KÝ --- Bây giờ có giờ đòi. Đã nắm được vào trong tay, là tôi chịu đành mất thôi.

THÀY THÔNG. --- Không được ! Không được ! --- Phải đòi lại chứ ! . . Tôi phải sang bảo ông ấy mới được. Làng sớm mới nhau, ta phải can-ngăn đi chứ...

(Nói xong đi ra)

Trong nhà thầy ký.

THÀY THÔNG. --- Chào ông, ông vẫn được như thường chứ?

THÀY KÝ. --- (Soa tay) Tôi vẫn được như thường. Hôm nay chủ-nhật, thật là may cho tôi quá.

THÀY THÔNG. --- Thế thời may lắm. Nhưng bà ký ở bên nhà tôi lại nói thế khác.

THÀY KÝ. --- Mợ nó nhà tôi ương lắm đấy ! . . Đố chứ, số 4 thật là món bở to. Một đồng ăn ba mươi sáu đồng, thế mà nhà tôi cứ ngăn không cho đi, ông tinh thế có khó chịu không ?

THÀY THÔNG. --- Bà ký ngăn thế cũng phải.

THÀY KÝ. --- Một đồng ăn ba mươi sáu đồng. Ông bảo nhà tôi phải à ? . .

THÀY THÔNG. --- Phải, vì chắc đâu số ấy được.

THÀY KÝ. --- Được lắm chứ !

THÀY THÔNG. --- Thế là ông nhăm to rồi. Càng chắc bao nhiêu lại óp bấy nhiêu, đó là lẽ tất-nhiên lắm.

THÀY KÝ. --- Thế nào tôi cũng chắc được. Tôi đã xem mãi rồi, có phải là còn hờ hênh gì đâu. Thôi, tôi đánh cuộc ngay với ông nào ?

THÀY THÔNG. --- Ông chắc thế cơ à ? không nhăm chứ !

THÀY KÝ. --- Ông cũng như nhà tôi, ương lắm.

THÀY THÔNG (lặng im nghĩ một tí rồi nói) Ông chắc lắm chứ ! Tôi đánh cuộc với ông này . . .

THÀY KÝ. --- Ủ nào đánh cuộc nào.

THÀY THÔNG. — Thật chả đánh cuộc cũng hoài.

THÀY KÝ. — Ừ thế đi. Ông về mặc áo đi. Ta đi ngay bây giờ.

THÀY THÔNG. — Cần gì cả hai người phải ra tận sông. Một người đi là đủ. Có thể nào họ nói âm cả lên, dẫu sao được.

THÀY KÝ. — Ừ cũng được, thế ông đưa tiền cuộc đây tôi đi.

THÀY THÔNG. — Nhưng tôi cũng muốn đi. Tôi chưa được xem bao giờ, ông đưa tiền tôi đi cho..

THÀY KÝ. — Ừ ông đi một mình cũng được. Đây mười đồng đây.

THÀY THÔNG. — Tôi đi ngay đây.

THÀY KÝ. — Nhưng đừng nhầm nhớ, số 4.

THÀY THÔNG. — Ông cứ bình tâm, tôi nhớ rồi...

Ngoài cửa nhà thầy thông

CÔ KÝ. — Thế sao hở ông?

THÀY THÔNG. — Được rồi, tôi đã đánh lừa ông ấy được năm đồng rồi... Tôi đánh cuộc với ông ấy rằng số 4 mất và tôi bảo ông ấy rằng mình tôi đi cũng được... Thế là ông ấy đưa tôi mười đồng ngay. Tôi nói dối thế, đến năm giờ tôi lại sang bảo số 4 mất thế là xong... tôi sẽ khuyên ông từ đây đừng vất tiền đi đổ chữ nữa và tôi sẽ đưa giả lại tiền.

CÔ KÝ. — Nếu vậy ông thật tử tế quá! Sao ông không hay đến chơi với nhà tôi. Tôi được ông đến khuyên nhủ nhà tôi từ giã đừng rông rài cờ bạc nữa, chỉ tổ hư thân, có phải là phúc nhà tôi tôi to bằng cái đình không? Thật cả phố này hiếm người được như ông, tôi không dám nói nịnh dẫu.

THÀY THÔNG. — Bà ạ, tôi cũng chẳng hay gì đâu. Trước kia, tôi cũng quá thế, nhưng từ khi tôi bỏ mất thẳng cháu, nếu giới thương bây giờ cũng chín tuổi, nên tôi mới chừa được đấy... Thôi chào bà lại nhà.

Cô ký. — Chào ông lại nhà. Này, ông nói ông không ra sòng và chốc nữa ông giả lại tôi mười đồng đấy nhé!

THÀY THÔNG. — Gớm bà!.. tôi đã hứa với bà rồi mà!..

Cô ký. — Tôi dặn ông cẩn-thận thế cũng khi quá thật, ông thứ lỗi cho, nhưng vì tiền ấy tôi cần lắm để chi tiêu từ giờ đến cuối tháng đấy...

THÀY THÔNG. — Được đến năm giờ chiều tôi sẽ mang sang giả... Hay đây tôi đưa ngay giả bà cho xong...

(Thày thông đưa cho Cô Ký 2 cái giấy 5\$)

Cô ký. — (Cầm lấy tiền) Thật có ông tôi mới yên tâm một chút. Xin đa tạ ông lắm!..

Chiều ở nhà thày ký

Thày Ký nằm ruỗi dài ra giường. Cô ký ngồi cạnh cửa sổ đương vá áo.

CẬU DẪN (vẫn điềm nhiên). — Bây giờ ngựa tôi nó phi chán rồi. Tôi cho nó đi ngủ đây... Nào đi ngủ đi!.. Kia ngựa tôi nó đút đuôi rồi (khóc) hư! hư! hư!!!

Cô ký (vừa khâu vừa nghĩ, nói khẽ) Kia bây giờ nằm sòng sụt ra, mặt mày nhăn nhó như bị ấy...

CẬU DẪN. — Me ơi dinh đuôi ngựa lại cho con đi...

Cô ký. — Mày có để yên cho tao khâu không? Tao còn bận đây.

CẬU DẪN. — Ba ơi, dinh đuôi ngựa lại cho con.

THÀY KÝ. — Ra đằng kia, mày làm tao rầu cả ruột.

CẬU DẪN. — Me ơi, me dinh đuôi ngựa lại cho con đi...

Cô ký. — Gớm nữa, tao còn bận đây.

CẬU DẪN. — Ba ơi, ngựa con đây, ba dinh đuôi lại đi.

THÀY KÝ. — Mày có ra đằng kia không, cứ lải nhải mãi!

CẬU DẪN. (hơi tức quấy rồi) Phải dinh đuôi ngựa lại cho tôi cơ.

Cô KÝ. — Đã bảo mà! cứ quấy thôi. Bốp! Séo vào trong kia (*cậu Dần chạy vào trong nhà khóc*).

THÀY KÝ (*thoáng trông thấy thày Thông ngồi choàng dậy*)
Kia ông đã về... Tôi sốt ruột quá, thế sao có trúng không?

THÀY THÔNG. — Đi đứt rồi.

THÀY KÝ. — Thật không?

THÀY THÔNG. — Thật đấy.

Cô KÝ. — (*ra bộ đắc trí*) Tôi đã bảo mà, có nghe cho đâu. Thế bây giờ đã biết chưa.

THÀY KÝ. — Phải... đổ chữ thật là tai hại... Từ giờ tôi cũng xin lạy đổ chữ thôi...

THÀY THÔNG. — Phải từ đây ông cũng nên tu tỉnh lại.

THÀY KÝ. — (*thở dài*) Từ giờ đến cuối tháng chỉ còn có năm đồng thôi, giờ ơi! lấy gì mà ăn cho đủ được.... Tôi thật là dở khốn!!.

Cô KÝ. — Thôi này mình ơi, số 4 mất rồi, nhưng ông thông là người khôn ngoan, không đem mà vất vào đổ chữ, nên còn.

THÀY KÝ. — Thế là nghĩa làm sao?

THÀY THÔNG. — Tôi nói ra sòng là nói dối ông, để ông đưa tiền cho tôi, chứ đi chắc là mất... Sau khi ông đưa tôi rồi, tôi lại đưa giả lại bà Ký ngay. Thế là đáng lẽ mất mà lại còn...

Cô KÝ. — (*đơ giấy bạc*) Đây đây mười đồng.

THÀY KÝ. — (*thở dài*) Giờ ơi! Thật là phúc bầy mười đời.

Cô KÝ. — Thế cậu xem ông Thông có tử-tế không?

THÀY KÝ. — (*cảm động quá nói không được*) Ông thật là quý hóa lắm, xin đa tạ ông.

Cô KÝ. — Kia mời ông soi nước. — Đây ông Thông là người bạn tốt, đã lâu nay tôi khuyên cậu nên chơi với ông ấy.

THÀY KÝ. — Thật thế, ngày nào mẹ nó cũng khuyên tôi thế !

THÀY THÔNG. — Xin cảm ơn ông, bà... Thôi chào ông, bà, tôi phải đi về còn dở ti việc, (ra cửa về).

THÀY KÝ. — (tiến chân ra cửa, quay vào hỏi) À, thằng Dần đâu nhỉ ?

Cô KÝ. — Nó ngồi trong nhà kia. (chạy vào tìm)

Cô KÝ (dắt tay cậu Dần). — Khốn nạn con bé bunn.

THÀY KÝ. — (vỗ vai con). Thôi ba đền con một xu đây, rồi ba gấn đuôi ngựa cho con. — Mẹ nó ơi, lấy cho tôi lọ hồ... Bé thế này cũng có lúc phải khổ nhỉ?!

(Cảnh gia đình từ đây rất là hòa thuận vui vẻ)

HẠ MÀN

ĐẠT-ĐỨC lược dịch

KHUYÊN BẠN HỌC-SINH

Các anh đang độ thơ ngây,
Thì giờ nước chảy tháng ngày thoi đưa.
Đừng e dãi nắng dầm mưa,
Cùng thầy cùng bạn sớm trưa tập rèn.
Đừng e một bóng một đèn,
Khi vui con sách, lúc rèn câu văn.
Đừng e xa chốn tử phần,
Có khi lưu-lạc có lần vinh hoa.
Nay học gần mai học xa,
Tang bồng hồ thỉ mới là nam-nhi.
Tuổi xuân xuân có đợi gì,
Kẻo mai tóc bạc dốt thì theo sau.
Giao-thời đương buổi Á Âu,
Con Hồng cháu Lạc cúi đầu sao đang.
Văn-minh đã sẵn cầu thang,
Dù cao dù thấp vừng vàng noi theo.

Bề học chớ ngả tay chèo,
Con thuyền sau trước đuổi theo có ngày.
Cơm cha áo mẹ ơn thầy,
Có công học tập có ngày trả xong.
Bút nghiên là nợ anh-hùng,
Rồng mây gặp hội thỏa lòng thiếu-niên.
Làm người có chí thì nên.

Đồng-Cầu thôn NGUYỄN-VĂN-LUẬN

THƠ KHUYÊN HỌC

Thì giờ thấm thoát tựa thoi đưa,
Xuân hạ qua rồi giờ đã thu.
Cối học ngày càng thêm đôi mới !
Tuổi giời hồ dễ có tiền mua.
Tiếng chuông cảnh tỉnh khua vọng mãi,
Giấc mộng mơ màng thức dậy chưa?
Nhấn bảo đàn em nên nghĩ kỹ,
Học đi kẻo lại nhờ thời cơ.

Sao cho khỏi thẹn với người xưa,
Đức cả, công cao tiếng đến giờ.
Hai chữ hiếu trung ghi để dạ,
Mọi điều ơn nghĩa chớ thờ ơ.
Gió Âu, mưa Mỹ bay hầu khắp,
Sông Nhị, nòn Nùng vẫn đó trơ.
Tiến-hóa thang này mau bước tới,
Thì giờ thấm thoát tựa thoi đưa.

NAM-THI, VŨ-ĐÌNH-TRINH

SỰ LÀM PHÚC

Các cậu có nghĩ đến không ?
Tối được mẹ bế, mẹ bồng trên tay.
Kia đàn côi cút ai hay,
Ăn sương, gỏi đất bấy nay lạnh lòng.

Các cậu có nghĩ đến không ?
Đồ chơi, bánh ngọt, bưởi, hồng, biết bao ?
Lũ kia khổ cực nhường nào ?
Ai trông thấy vậy chằng nao nao lòng !
Các cậu có nghĩ đến không ?
Những khi bận việc ai trông cậu mà,
Đem tiền tiêu vụng mẹ cha,
Chẳng cho kẻ đói từ qua vài đồng.
Các cậu có nghĩ đến không ?
Những người khổ sở đương mong cậu nhờ.
Việc phúc nào phải đợi chờ,
Hễ ai có bụng, gởi cho lâu dài.

LẠC-THÚ GIA-ĐÌNH

« Nhà ta » hai tiếng hay sao ?
Mới nghe cũng đã ngụ bao nhiêu tình
Lúc tan học, vì mình đợi cửa,
Cha đi làm sắp sửa về sau.
Một nhà sum họp cùng nhau,
Khi ăn, khi ngủ còn đâu vi tây.
Nhờ ơn chín chữ bấy nay ;
Lại khi đau yếu tìm thầy thuốc thang.
Anh em vui vẻ luận-đàm,
Bi-hoan cũng sẻ, tận cam một lòng,
Thực là độc-nhất vô-song !

NGUYỄN-VĂN-TUYÊN dịch.

KHUYÊN BẠN ĐỪNG BỎ NGHỀ GIÁO HỌC.

Đã chót đa mang lấy tiếng thầy,
Xin đừng nay đổi lại mai thay.
Giàu sang cũng mặc ai ăn quần,
Thanh đạm chi cần lũ khổ giầy.
Bầu rượu túi thơ vui sớm tối,
Tấm nghiên cây bút thú đêm ngày.

«Quân sự» hai chữ nghìn thu đề,
Tức lộc như ai cũng bởi tay.

TẶNG BẠN VÀO HỌC LỚP SƯ-PHẠM

Xoay-xở làm chi đề bạn lòng,
Vào ban «sư-phạm» thế là xong.
Thanh-nhàn học việc ngày hai buổi,
Chăm-chệ ăn lương tháng sáu đồng.
Bạc bẽ cũng đành nghề giáo-hóa,
Văn bài còn giữ nếp nho-phong.
Sao cho «qui củ» không nhầm lỗi,
Rèn đức anh tài mới đáng công.

ĐỒNG CẦU NGUYỄN-VĂN-LUẬN

GỬI CHO BẠN HỒNG THI

Tôi nghe thấy bác hồng thi rồi,
Vội gửi vài hàng đề giải người.
Cái nợ công danh nhiều nỗi khổ,
Chẳng qua thời số hạn người thôi.
Hơn thua chúng bạn đành theo phận,
Gặp gỡ rông mây phải đợi thời.
Mấy kẻ cần-chuyên giờ có phụ,
Đền công đền sách chẳng xa xôi.

TIỀN BẠN

(Tập Kiền)

Tiền đưa một chén quan-hà,
Tấm lòng tưởng nhớ biết là có người.
Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Một mình luống những đứng ngồi chưa xong.
Trông vời non nước mệnh mỏng,
Ở không yên-đòn, ngồi không vững-vàng.
Than-ôi! mới hạp mà tan,
Kẻ làm sao siết muôn vàn ái-ân!
Một người dễ có mấy thân,
Mà xem con Tào xoay vần đến đâu.

*Yêu nhau xin nhớ nhời nhau,
Tơ duyên nào đã hết đâu vội gì.
Người đâu gặp gỡ làm chi!*

ĐẠT-ĐỨC NGUYỄN-VĂN-TUYÊN

ĐÊM MƯA

(Làm khi tôi còn ở Thái-Nguyên năm 1922)

*Một đám mây đen kéo giữa giời,
Trông ra cửa sổ hạt mưa rơi.
Lập lòe ngọn cỏ anh đom đóm,
Âm-ỹ trên không sấm đờ hồi.
Ơn nước mới yên lòng khắc-khoải,
Vui xuân vừa tới dạ bồi hồi.
Bức tranh thủy mặc tài ai tả,
Trận gió mùi lan phảng phất hơi!*

ĐỀ VƯỜN CẢNH

(Đề vườn cảnh nhà ông Mai-Hiên ở Hai-dương năm 1923)

*Có cây có lá lại thêm hoa,
Phong cảnh kia ai khéo đậm đà.
Chú cuội trên mây ngồi đợi bạn,
Cá vàng dưới nước vẫy bơi ra.
Lan xanh thẹn mặt còn e-lệ,
Lựu đỏ đua tay vẽ mặt mà.
Thú vị bao nhiêu thu vẹn cả,
Hiên-mai thấp thoáng bóng giăng qua*

ĐẠT-ĐỨC NGUYỄN-VĂN-TUYÊN

LỮ KHỨ SẦU NGÂM

*Đoái trông muôn dặm sơn hà,
Nhà ai thấp thoáng phải nhà ta không?
Giời xanh nước biếc một dòng,
Đề ai khách địa đau lòng sót sa.
Ước gì ta hóa ra hoa,
Quanh nhà đua nở mới là thỏa mong.*

Ước gì ta hóa ra ong,
Một lòng gầy mật ở trong nhà này.
Kể từ cách biệt đến nay,
Làm thân chim yến hót ngày lại đêm.
Tưởng rằng sum họp bách niên,
Làm thân chim nhạn quyết nhiên không đời.
Nhớ ai hết đứng lại ngồi,
Nhớ nơi sinh-trưởng, nhớ nơi quê nhà.

CÂY ĐÀN

Cây đàn kia một hôm gãy phiếm,
Khách bèn tìm miếng khác để thay.
Bông đầu dương giờ hóa hay,
Mấy người cứu địch là thầy dạy khôn !
ĐẠT-ĐỨC dịch

DIỄN GIA GIẠT NỮ NGÂM

(Hát tát nước)

Em là con gái nhà quê,
Vui cùng tuế nguyệt chăm nghề nông tang.
Ruộng vườn ngày tháng lo toan,
Tay cầm bán nguyệt điểm trang sơn hà. (1)
Thóc vàng đeo xuống đất nhà,
Trông chừng nắng hạn nghĩ mà bán khoán.
Nước đang gặp buổi khó khăn,
Lo sao cho được từ dân cây nhờ.
Tinh sương tát nước đầu bờ,
Gió đưa thoang thoảng phật phờ cỏ cây.
Gian lao lúc bĩ cực này,
Đem công đòi lấy những ngày vinh quang.
Nước này tưới xuống ruộng khan.
Cỏ cây tươi tốt thế-gian cũng nhờ.
Công lênh dám hỏi ai giờ.
Chỉ mong muôn vật được nhờ chút ân.

Ruộng bùn đen đũi gót chân,
Cầm dao phát cỏ cho dân thanh nhân.
Cối bờ sớm sửa chiều sang.
Giữ sao cho khỏi cơ hàn đàn em.
Quê môn thân phận gái hèn,
Rắp đem đất nghĩa xây nền đài nhân.
Thuần lư quen thú thanh bần, (2)
Mặc ai trong đám phù vân toi bời.

NGUYỄN-VĂN-AN

1. Bán nguyệt : Ý nói cái liềm cắt cỏ hình như nửa vành giăng khuyết.
2. Thuần lư : Rau thuần, cá lư, ý nói cái phong vị thanh-đạm của các bực hiền-giả.

THU DẠ CẢM HOÀI

Thánh-thót trời thu hạt móc mưa,
Trò đời nghĩ đến đã buồn chưa !
Sắc tài những muốn so cùng trước,
Phong cảnh mà nay đã khác xưa.
Cái bề trầm luân mong vượt khỏi,
Con đường tà kính muốn làm ngo.
Đục trong thân cũng là thân đó,
Há lẽ trời xanh lại hững hờ ?

L. A. K.

BÀI HỌA

I

Dạ vũ cảm hoài

Lác-dác đêm qua mấy hạt mưa,
Canh tàn chích bóng nghĩ buồn chưa !
So tơ lụa khúc mong người cũ,
Sắp bút đề bài nhớ bạn xưa.
Trước triện than dài cùng thở vắn,
Bên thềm ra ngăn lại vào ngo.
Ông tơ sao khéo đa đoan mấy !
Phải lư không se cứ hững hờ,

ĐỒNG-SƠN L. . .

II

Tự thân

Rầu-rãi phong trần mấy nắng mưa,
Phù-du thân thể nghĩ buồn chưa!
Đen thay trắng đổi ghé lòng thế,
Bạc mệnh hồng-nhan tự thừa xưa.
Con tạo ghét ghen chi lắm tá?
Trò đời say tỉnh để mà ngờ!
Tiền thân vì đã tu thành quả,
Lan huệ duyên sao có hững hờ

HƯƠNG-DƯƠNG Q . . .

VÌ ĐAU NÊN NỖI DỠ DANG

(Bài than thân của một cô con gái 27 tuổi bị chồng chê.)

Gớm trẻ hóa-nhi sao bất trị,
Trách ông nguyệt-lão khéo vô tình.
Chốn phòng loan đủ bức trướng quỳnh,
Nỗi mình mình nghĩ một mình canh khuya.
Nghĩ vì nỗi hoa kia dưới nguyệt,
Nghĩ vì điều nguyệt nọ trên hoa.
Nguyệt hoa hoa nguyệt khéo là.
Hoa lồng bóng nguyệt, nguyệt đà soi hoa.
Tưởng hoa nguyệt nghĩ mà ngờ ngần,
Nghĩ mình mà lại giận cho ai,
Nghĩ mình cũng gái sắc tài,
Cớ sao nguyệt-lão nỡ hoai duyên nhau
Se chỉ thắm deo cầu chẳng liệu,
Mối tơ tình sao khéo xe quàng.
Làm chi nhau đến dở dang,
Nghĩ cùng bạn gái hồ hang với người.
Tuổi đã cả mà duyên giới lận đận,
Thấy chị em dạ ngần mặt dản.
Năm canh luống những phàn nàn,
Nghĩ mà ngàn số hồng-nhan cho mình.

Mơ tưởng nổi nhân tình bởi hồi,
Cửa tiêu-phòng muốn đợi cho tan.
Nghĩ xuân ngày một phải tàn,
Còn gì là cái hồng-nhan nữa mà.
Tình đốt đã niên hoa đôi bảy,
Khúc sắt cầm bao gãy nên cung.
Phỏng tơ duyên trước nên nhòng,
Mẩn ra khi đã tay bông tay mang.
Nổi lòng biết ngổ ngang ai đó,
Cái xuân xanh đâu có hai lần.
Vắt tay nằm nghĩ tàn ngần,
Tủi duyên vả lại giận thân trách giới.
Nguồn cơn nghĩ thở dài với phận,
Thà cửa không nương ăn cho xong.
Không đường lên hỏi nguyệt-ông,
Liều bỏ sao để bụi hồng pha phối.
Thôi chẳng nghĩ nghĩ thôi chẳng nghĩ,
Đành gì tơ se chỉ ra tay,
Duyên may thì phận cũng may,
Lọ là chị nguyệt se giầy mới tình.
Nhớ đến chữ tam-sinh ký định,
Nhớ đến câu nhân định thắng thiên.
Ba sinh cho phải mười nguyên,
Phen này quyết dứt nhân duyên lấy tròn.
Kẻo tưởng những nước non non nước,
Kẻo tình buồn chậm bước dừng thôi.
Gọi là như đũa có đôi,
Khỏi mang cái tiếng hoa rơi ai nhìn,
Giang san dầu muôn nghìn quan ải,
Đẹp duyên ra chẳng ngại Ngô Lào.
Nếu mà kín cửa phòng đào,
Đời ta chả thiết má đào lấm du?
Sào nếu cảm di du đợi nước,
Biết bao giờ cho nước nó trong.
Thôi thì lòng cứ như lòng,
Kẻo xuân quá lứa còn trông mong gì.

Hay số phận chính thế chẳng được,
Hay số mình phải bước làm hai.
Cả hai hai cả chẳng nài,
Quý hồ quốc sắc thiên tài sánh đôi.
Chi nguyệt hỏi rằng tôi hay thế,
Mà ông lơ thực nhỉ đa đoan.
Giăng tà gà đã gáy tan,
Hãy còn vợ vẫn phòng loan tướng chồng.
Hỏi ai có biết hay không ?

Thiên-Đình

NGUYỄN-XUÂN-ƯC

VĂN ĐÀN

My-Châu Trọng-Thủy

(Điệu vân thê)

Núi sông một dải đất dài,
Thần-qui giúp nước anh-tài ra công.
Triều-Đà mây dổi đá,
Trọng-Thủy nó hai lòng.
Thành nghiêng nước đổ.
Chồng trộm lây,
Vợ rúc lông.
Cùng đường nay lại gặp dải sông.
Dương-Vương cầu thần.
Rùa vàng mách bảo.
Gươm thiêng một nhát.
Nước pha màu hồng.

TỔ-TÂM-SƠN-TỪ

SẦM NHÀ TRÒ

Tiên thì rỗng, tiên thì rỗng,
Anh em ta cũng giống tiên rỗng !
Con nhà Hồng Lạc họ giòng Hùng-Vương.

Cạnh tranh này là cuộc phú cường,
Mau chân thì tới (cái) con đường văn-minh,
Bốn ngàn năm phong-cảnh hữu tình,
Giang san tỏ mặt tài tình biết bao.
Quốc dân ta ơi ! . . . hỡi đồng bào,
Tình ra mà hóng (cái) phong trào duy-tân.
Ngàn năm Pháp-Việt hợp quần.

T. S.

Thư viết trả lời bạn

1^o Ngày chủ-nhật vừa rồi,
Nhân gặp buổi thanh thoi.
Nhìn gió lay ngọn cỏ,
Xem mây kéo lưng gò.
Sực tiếp thư của bác.
Có gửi nhời thăm tôi.
Thăm tôi, tôi có biết,
Tình riêng giải mấy nhời.

2^o Gặp gỡ ba năm giờ,
Kính yêu bác với tôi.
Vui non khi nóng nực,
Lo nước lúc đầy vơi.
Đồng đạo được bao kẻ ?
Đàm tâm có mấy người ?
Mạnh giỏi tôi cùng bác,
Trùng phùng sẽ có hồi.

Sương-Tùng

PHẠM-THIÊN-KIỀU

Mong cổ nhân

Xe đi xe lại biết bao lần,
Mỗi mắt phương trời đợi cổ-nhân.
Tăm cá vểng tanh lòng thồn thức,
Cánh hồng xa thăm dạ phân vân.

Đình ninh mái tóc đôi nhời hẹn,
Phảng-phất hồn mai mấy giấc xuân.
Ngấn đón vì ai nên nổi thế,
Kẻ đầu người cuối bến sông Ngân.

Đêm thanh nhớ bạn

Khuất nẻo ngàn dâu mấy dặm xanh,
Rây mong mai tưởng bạn đồng thanh.
Cung đàn tri-kỷ không người họa,
Câu chuyện đồng-tâm ít kẻ sánh.
Rượu rồi tơ tình trong chín khúc,
Hương đưa mùi nhớ xuất năm canh.
Đĩa dầu voi cạn đêm hồ hết,
Xáo xác bên tường giọng yến oanh.

Vịnh kịch « Lọ vàng »

Bo bo chi thế hỡi anh keo!
Giả mặt ngu si giả mặt nghèo.
Đóng cửa ăn mày không kẻ thí,
Tham vàng bỏ nghĩa có ai yêu.
Ba năm ki cốp hoài công giữ,
Một phút tan tành há miệng kêu.
Yêu của khuyên ai nên dụng của. (1)
Kia gương « bảo trợ » vẫn còn cheo.

NGUYỄN-VĂN-LUẬN

(1) Chữ nho có câu : « Ái tài chi dụng tài »

I — ĐÊM THU TỰ THÁN

Chuông chùa lạnh lạnh bên tai,
Gió thu hiu hắt bên ngoài mái hiên.
Một mình ngồi dưới bóng đèn,
Đêm thu ai rõ mối phiền cho không?
Tình riêng như nấu như nung,
Nỗi niềm cách biệt tổ-tông quê nhà.

Trách thân lại giận giờ già,
Chút danh, chút lộc để mà bận nhau.
Canh khuya quên giấc vì sầu,
Bồi-hồi tắc dạ lòng đau đón lòng.
Tiếc thân sớm dùng bụi hồng,
Cho thân luống những long đong thế này.
Khéo thay con tạo vùn xoay.....

Tang-Trung
ĐOÀN-TRỌNG-THÁI.

II Mối sầu

Đêm khuya ngồi thức một mình,
Bỗng nghe tiếng khóc vô-tình của ai ?
Tiếng khóc lẫn với tiếng cười,
Khiến lòng ta những thở dài mà than:
Con người sinh ở trần-gian,
Cười rồi lại khóc, đại ngoan bao lần?
Đã đầy vào kiếp hồng-trần,
Tránh sao cho khỏi cái lần khóc than.
Trận cười chả mấy mà tan.
Cuộc vui cuộc thú chóng tàn như hoa.
Nay cười mai đã châu sa,
Giọt dài giọt ngắn chẳng là vì đâu?
Chỉ vì vai nặng gánh sầu.....

Tang-Trung
ĐOÀN-TRỌNG-THÁI

Bá-Nha khóc Chung-Tử-Kỳ

Chút tình dan díu bấy lâu,
Thấp cao tâm sự cùng nhau dải bày,
Nửa đường đứt gánh từ đây,
Trời cao có thấu nỗi này cho không ?
Vì ai lỡ dịp ngang cung ?
Vì ai luống để tơ trùng phím loan ?

Biết nhau vì tiếng : « hải san, »
Quen nhau cũng vì cung đàn mà ra.
Bây giờ người khuất đâu ta ?
Đề ai ngỡ ngần vào ra ầu sầu.
Tấm lòng chẳng đánh mà đau,
Hoài công đàn gãy tai trâu bây giờ,
Tử-Kỳ ! anh có thấu cho ?

NGUYỄN-VĂN-HOAN

Vị-hoàng hoài cổ

(Sông Vị-hoàng thuộc Nam-thành)

Đêm đêm ngắm cảnh Vị-Hoàng,
Tấm lòng thồn thức, bàng hoàng giờ lâu.
Quyên kêu ve gọi giọng sầu,
Giật mình còn tưởng con tàu ngược, xuôi.
Tang-thương biến cải đời đời,
Khi xưa phố-xá nay thời ruộng nương.
Cửa nhà san sát phố phường,
Kìa thì máy rệu đây trường Thành-chung.
Cơ trời biến cải vô cùng,
Ngắm sông nên gọi với sông vài lời:
Rõ ràng vật đổi sao dời !

NGUYỄN-VĂN-HOAN

Lữ thứ đêm buồn

Lữ thứ buồn thân phận áo xanh,
Một mình mình với một đêm thanh.
Đầy vườn hoa nở xuong pha sắc,
Nửa gác trăng soi bóng sế mảnh,
Gió trúc rì-rào tan mộng tưởng.
Ve thu non-nỉ rối tơ tình.
Tiêu sầu đánh bạn cùng con sách,
Nghĩ truyện nghìn xưa luống giật mình !

TUYẾT-NHƯ HÀ-MAI-ANH

(Họa nguyên văn)

Đêm qua thấy

Thấy áng mây giờ trắng lẫn xanh,
Thấy con ngọc thỏ bé mà thanh.
Thấy gương thể-sự gương mờ sắc,
Thấy bóng xuân hoa bóng nếp mảnh,
Thấy gió lạnh lòng buồn dạ sắt,
Thấy giăng mờ tỏ rồi lơ tình.
Càng nhìn càng thấy bao nhiêu cảnh.
Thấy mộng tang thương luống giạt mình!

ĐỒNG-CẦU NGUYỄN-VĂN-LUẬN

Lời khuyên học trò

Vớ việc xin đừng buổi sớm mai,
Thanh xuân tuổi ấy có đâu dài!
Một phen xuân đến xuân không ở,
Nên biết dùng xuân nữa kéo hoài.

Khóc bạn chết yếu

Hỡi ơi, này bạn tám giao,
Này người tám hữu có sao bỏ mình!
Ô hay, sự bất thành linh,
Tai nghe tin dữ, tâm tình quặn đau.
Lạ thay, không thấy ốm đau,
Mà nghe tin mất âu sầu hay chưa?
Gặp nhau còn nhớ hôm xưa,
Cầm tay hỏi truyện cười đùa lả lơi.
Độc làm chi mấy hồi giờ,
Nỡ đem mệnh bạc buộc người tài hoa.
Nhớ xưa cùng trọ một nhà,
Trường văn ngày tháng vào ra tập lành.
Khi buồn kể truyện Nam-thành gần xa.
Nhớ khi êm ả chiều giờ,
Cùng nhau lững thững dạo chơi Kiếm-hồ.

Nhớ khi mưa nắng chung ô,
Tháng ngày lẻo đẻo bây giờ với ai.
Nhớ khi lở đất long gò,
Ấy ai sẵn sóc như người tay chân.
Nhớ khi ga nọ tiến chân,
Ai cùng ta đó tình thân khác thường.
Ngày nay hai ngả âm dương,
Truyện xưa nghĩ đến ruột nhường dao đâm.
Đời nay phỏng mấy tri-âm,
Bạn hiền sớm mất khôn cầm mạch tương.
Nhớ ai càng nghĩ càng thương.

Chargé de l'Ecole mĩ-Lâm
TRI-TÚC NGUYỄN-VĂN-TUÂN

LA VIE.

D'autres ont dit avant moi que la vie n'est qu'un songe et c'est un sentiment qui me suit partout.

Que les enfants ne connaissent point les motifs de leur volonté, c'est un point sur lequel tous les pédants sont d'accord : mais que les hommes faits se traînent en chancelant sur ce globe comme les enfants que comme eux, ils ne sachent ni d'où ils viennent ni où ils vont ; qu'ils n'aient point de but plus certain dans leurs actions et qu'on les gouverne de même avec du biscuit, du gâteau et des vergues, c'est ce que personne ne croira volontiers ; et cependant la chose me paraît palpable.

Je l'avoue sans peine, que ceux-là sont les plus heureux, qui comme les enfants, ne vivent que pour le présent, promènent, déshabillent, habillent leur poupée, tournent avec le plus grand respect autour du tiroir où maman serre ses bonbons, et qui, lorsqu'ils attrapent ce qu'ils désirent, le dévorent avidement et s'écrient. Encore ! Ce sont là sans doute de fortunées créatures. Heureux encore

ceux qui, donnant à leurs occupations futiles ou même à leurs passions des titres pompeux, prétendent que le genre humain leur en tienne compte, comme d'opérations de géants, faites pour son salut et son bien-être!

Heureux qui peut penser ainsi! Mais celui qui dans l'humilité de son cœur voit où tout cela aboutit; qui voit comme ce petit bourgeois qui est content, décore son petit jardin dont il fait un paradis, et avec quelle assiduité le malheureux courbé sous le poids de la misère poursuit son chemin tout hors d'haleine; qui voit, dis je que tous sont également intéressés à contempler une minute de plus la lumière de ce soleil: oui, celui-là est tranquille; il bâtit son monde de lui-même et est aussi heureux parce qu'il est homme.

Quelque borné qu'il soit, il nourrit toujours au fond de son cœur le doux sentiment de la liberté, et qu'il pourra sortir de ce cachot quand il voudra.

GOETHE.

ĐỜI NGƯỜI

Nhiều người trước ta đã nói, đời người là giấc mộng, ấy chính là một mối cảm-tưởng lúc nào ta cũng nghĩ đến luôn vậy...

Những trẻ con nó không biết cái nguyên-nhân của sự muốn của nó đã đành, chứ người lớn cũng ngả-nghiêng lăn-lộn ở trên hoàn-cầu như trẻ ư? Cũng như chúng, không biết ở đâu mà đến và đi đến đâu ư? Đến những sự hành động của mình cũng không có mục đích gì ư? Và người ta cũng có thể trị mình được bằng bánh ngọt, bánh bit-quy, bằng roi song được ư? Nói thế chắc ít người tin, nhưng cái đó rõ ràng hiển nhiên lắm.

Không khó khăn gì, ta xin thú thật rằng những người ấy là người sung-sướng đấy; họ cũng như con trẻ, chỉ biết lúc

hiện thời này thôi, hết ăn, rồi vợ chồng lại dắt tay nhau đi chơi, rồi quanh ra quanh vào một cách tôn kính gần cái ngăn kéo mà mẹ đã để kẹo, hễ khi vớ được, nhai ngấu cho chóng hết, rồi lại đòi mẹ cho con nữa !.... Chắc hẳn đấy là các hạng người sung sướng!.... Nhưng lại còn sung sướng hơn, kẻ nào tự đặt cho cái việc nhỏ mọn, hay cái thị-dục của mình thì đúng hơn, những tiếng ngông-nghênh, tưởng rằng người đời ai cũng phải chú ý đến, phải cho là việc vĩ-đại, có bổ ích cho đời đấy.

Kẻ nào nghĩ như thế kẻ cũng sướng thật! Nhưng kẻ nào trong tim áo-não, thấy rằng: rồi các cái đó cũng mất cả; kẻ nào biết trông: như bác nhà quê kia, biết yên phận, cứ việc tô-diềm thửa vườn mình cho đẹp để như cảnh bồng lai; như người khốn cùng đói rách khổ sở kia, phải đi đường dài, người mệt thở không được mà vẫn phải cố đi; lại kẻ nào biết trông rằng: mọi người ai ai cũng tham sống thêm một phút để được hưởng thêm chút ánh sáng của mặt trời, kẻ ấy là được yên tâm thân, kẻ ấy biết gây lấy cái hạnh-phúc ở như mình và kẻ ấy cũng được sung sướng như ai, vì kẻ ấy cũng là đầu người cả.

Kẻ ấy, dù ngu dần đến đâu mặc lòng, trong bụng vẫn chứa sẵn cái cảm-tưởng êm đềm là mình được tự-do thoải mái, không cần lụy gì, và khi nào muốn lánh cõi đời cũng được.

ĐẠT-ĐỨC NGUYỄN-VĂN-TUYÊN dịch

L'UNION FAIT LA FORCE

Lorsqu'un arbre est seul, il est battu par le vent et dépouillé de ses feuilles, et ses branches, au lieu de se lever, s'abaissent comme si elles cherchaient la terre.

Lorsqu'une plante est seule ne trouvant point d'abri contre l'ardeur du soleil, elle languit, se dessèche et meurt.

Lorsqu'un homme est seul, le vent de la puissance le courbe vers la terre et l'ardeur de la convoitise des grands de ce monde absorbe la sève qui le nourrit.

Ne soyez donc point comme la plante et comme l'arbre qui sont seuls ; mais unissez-vous les uns les autres et appuyez vous et abritez vous mutuellement.

Si l'on vous demande : « Combien êtes vous ? » Répondez : « Nous sommes un, car nos frères c'est nous, et nous c'est nos frères. »

LAMENNAIS

HỢP NHAU THÀNH SỨC KHỎE

Cây kia trơ trọi một mình,
Gió đưa lá rụng tan tành bay đi.
Cành ơi ! khúm núm làm chi,
Nhò lên chẳng muốn đất thì tìm ngay.
Cây con chẳng khác mây may,
Chở che chẳng có ngày đầy sống sao.
Làm người có khác chi đâu,
Một mình trơ trọi ai hầu sót thương.
Gió mưa quyền thế bất-thường,
Đạt, trôi, chìm, nổi khôn đong trí tài.
Lòng tham dạ muốn của người,
Hút khô khí huyết rút đời ngắn đi.
Các anh bắt chước làm chi,
Cây kia người nọ ai thì yêu đương.
« Hợp quần » hai chữ rõ ràng,
Người trong một nước giữ giàng lấy nhau.
Ai mà có hỏi những câu:
« Anh em ruột thịt được hầu bao nhiêu » ?
Thưa rằng : « Đâu có được nhiều,
Anh em xum họp dám nào chia hai.
Mọi người chung đúc thành tôi,
Mà tôi cũng lại là người anh em ».

NGỌC-LONG dịch

LE CORBEAU ET LE RENARD

Maitre Corbeau sur un arbre percé,
Tenait en son bec un fromage.
Maître Renard par odeur alléché,
Lui tint à peu près ce langage.
« Hé! Bonjour Monsieur le Corbeau,
Que vous êtes joli, que vous me semblez beau.
Sans mentir, si votre ramage
Se rapporte à votre plumage,
Vous êtes le phénix des hôtes de ces bois ».
A ces mots, le Corbeau ne se sent pas de joie.
Et pour montrer sa bonne voix,
Il ouvre un large bec et laisse tomber sa proie.
Le Renard s'en saisit et dit: « Mon bon Monsieur,
Apprenez que tout flatteur,
Vit aux dépens de celui qui l'écoute.
Cette leçon vaut bien un fromage sans doute. »
Le Corbeau honteux et confus,
Jura, mais un peu tard, qu'on ne l'y prendrait plus.

LA FONTAINE

CON QUẠ VÀ CON CÁO

Cành cây đậu bác quạ già,
Mỏ đen ngậm bánh thơm tho lạ nường ;
Cáo đầu dương lúc bất thường,
Người hơi bánh sữa quyết đường tìm ăn :
« Chào ông quạ, chỗ bạn thân,
Xưa cùng ông vẫn vốn phần anh em.
Nhu ông trông thấy mà thèm,
Nếu bằng sánh với thần tiên khác gì,
Vi chẳng dọng nói thanh kỳ,
Cũng như lông cánh khác chi phượng-hoàng ».
Quạ còn có tính khoe khoang,
Mở mồm chực nói bánh văng mất rồi.
Cáo ta thông thả nhặt chơi,
Lại còn chế nhức pha phôi quạ già :
« Bác ơi ! Xin nhớ kỹ cho,
Những người nhìn hót ăn nhờ người nghe.

Bài này đáng mấy bánh kia ».
Quạ vừa nghe tiếng thiết tha vô chừng,
Giận thay, mặt đỏ tung bưng,
Hối như muện quá ai mang cho về.

Thơ rằng :

Khôn khéo khen ai dụng chức cùng,
Dở tài thao lược được ăn không.
Chuyện này hẳn mãi lưu truyền thế,
Ta chớ như ai lại mất không.

NGỌC-LONG dịch
NGUYỄN-VĂN-HOÀN
Élève du C. Supérieur C
Ecole Jules-Ferry Nam-dinh

DỊCH PHÁP-VAN

Vierge Morte

Dans la chambre inquiète où traînent des sanglots,
Dans la chambre de vierge où sa grâce était née
Elle s'est endormie, en sa quinzième année,
Les mains jointes, les yeux éternellement clots.
L'âme éparse des fleurs, berceuse d'insomnie,
Monte, en un vague adieu, des calices défunts.
Elle a voulu mourir au milieu des parfums,
Dont les chastes douceurs calmaient son agonie.
Un soupir vient des bois qui s'effeuillent : un glas
Pleure au loin sa douleur pieuse et monotone ;
Et le jour va s'éteindre au pâle ciel d'automne,
Qu'à l'horizon le soleil mort en lilas.
C'est l'heure où les appeles chantent dans l'ombre ami ;
Et les vierges, rêvant de tendresse et d'espoir,
Ouvrent leur âme heureuse aux caresses du soir :
En sa quinzième année, elle s'est endormie.
Calme et blanche, dans la blancheur des draps roidis,
Sur le lit sans frissons qu'étoile un pâle cierge
Elle sourit encore à son rêve de vierge,
Au chuchotement sourd des vains De profondis.

ANDRÉ RIVOIRE
Rêves et Souvenirs

Gái Trinh chết yêu

*Khóc than siết nỗi bàng hoàng,
Phòng không in dấu vết nàng từ xưa.*

*Mười lăm năm mới bây giờ,
Giấc vàng sớm đã mất mờ tay xuôi.*

*Hồn bay như cánh hoa giời,
Biệt cùng nhị giả bông giời từ đây,
Lâm chung trong đám hương bay,
Hương bay ngào ngạt là ngày đưa nhau.*

*Rừng phong lay động tiếng sầu,
Trông vàng xa lẳng như hầu thờ than.
Giời thu ngày vẫn gần tàn,
Trên trên ác giả bóng vàng nhuộm xanh.*

*Tiếng ai lạnh lạnh đêm thanh,
Ấy hồn trinh-nữ tưởng vành ái ân.
Hồn bay phảng phất xa gần,
Mười lăm năm ngắn có ngàn ấy thôi.*

*Mặt hồng trắng điểm màu vôi,
Trông hoa ngọn nến soi người hồng-nhan.
Lòng trinh thêm thiếp giấc vàng,
Nào ai hát khúc đoạn tràng hôm nay.*

NGUYỄN-VĂN-AN

Les contes de fées

Daigne qui voudra les contes de fées; pour moi, c'est une des joies de mon enfance, c'est un de mes plus doux souvenirs. Bien des années ont passé, mais elles ne m'ont pas encore apporté cette sagesse dont on m'avait menacé. Entre autres faiblesses, j'ai gardé l'amour des contes de fées.

D'où vient ce goût singulier que les hommes ont pour le merveilleux? Est ce donc que le mensonge est plus doux que la vérité? Non, les contes de fées ne sont pas un mensonge, et l'enfant, qu'il s'en amuse ou qu'il s'en effraie, ne s'y trompe pas un instant. Les contes sont l'idéal, quelque chose de plus vrai que la vérité du monde, le triomphe du bon, du beau, du juste. L'innocence l'emporte toujours.

Souvent, il est vrai, la victime passe trente ans dans un cachot avec des serpents, quelquefois même on la coupe en morceaux, mais tout s'arrange à la fin, le méchant est toujours puni : il n'est pas besoin d'attendre un monde meilleur pour châtier le crime et couronner la vertu.

C'est là qu'est le secret de ces récits merveilleux.

LA BOULAYE.

Truyện thần tiên

Ai thích truyện thần-tiên cứ việc; về phần riêng tôi, truyện ấy thật đã là một cuộc vui cho tôi khi còn bé, thật là một kỷ-niệm hay. Ngày qua tháng lại đã nhiều, đầu đã hai thớ tóc, tôi cũng chưa tìm thấy cái khôn ngoan mà người ta thường dọa tôi khi bé đó. Kể trong các cái thích mà tôi không đùng được, tôi xin thú rằng tôi ham truyện thần-tiên quá.

Ở đâu sinh ra cho người ta cái tính lạ là thích truyện thần-tiên thế? Có phải rằng sự giả-dối nghe vẫn êm tai hơn sự thực không? Không, truyện thần tiên không phải là dả-dối, và trẻ con hoặc thích hoặc sợ truyện đó không phải là nhằm một lúc ấy đâu. Truyện ấy là cái tuyệt-dịch, là cái gì dịch thực hơn sự thực ở đời nay, là cái hay cái đẹp, cái bụng công bình bao giờ vẫn thẳng thế. Kẻ vô tội về sau bao giờ cũng thoát nạn. Đã đành rằng thường khi kẻ phải tội bị dam ba mươi năm trong hầm tối với rắn cùng rết, hay phải đem chém làm năm bảy khúc, nhưng về sau lại toàn như xưa; kẻ độc ác bao giờ cũng phải tội: có phải cần đến một đời khác hoàn mỹ hơn mới biết trừng-trị kẻ thủ-phạm và ban thưởng cho người có đức-tính hay đâu.

Ấy chính là cái bí-mật của truyện thần-tiên đó.

ĐẠT-ĐỨC NGUYỄN-VĂN-TUYÊN dịch

LE PASSÉ

Derrière nous, notre passé s'étend en longue perspective. Il dort au loin comme une ville abandonnée dans la brume;

quelques sommets le délimitent et le dominant quelques actes importants s'y élèvent, pareils à des tours, les unes encore éclairées, les autres à demi-ruinées et s'inclinant peu à peu sous le poids de l'oubli, des arbres s'effeuillent, des pans pans de murs s'effritent; de grands espaces d'ombre s'élargissent. Tout cela paraît mort et n'avoir d'autres mouvements que ceux dont l'anime illusoirement la lente décomposition de notre mémoire. Mais à part cette vie empruntée à la mort même de nos souvenirs, il semble que tout soit définitivement immobile, à jamais immuable, sépare du présent et de l'avenir. En réalité, cela vit et cette ville morte est souvent le foyer le plus actif de l'existence, et selon l'esprit qui les y ramène, les uns en tirent toutes leurs richesses, les autres les y engloutissent.

MAETERLINCK

Dĩ-vãng

Sau lưng ta những việc dĩ-vãng sắp lại dài dằng dặc như những nét vẽ trông xa. Những việc đó đã ngủ lâu rồi như một cái tỉnh nằm trong đám sương mù, chỉ trông thấy mấy ngọn tò mò làm giới hạn thôi; mấy việc quan hệ trồng lên trên đó như mấy cái tháp, cái thời vẫn y-nguyên, cái thời đổ nửa, lệch nghiêng dần dần về bên sức nặng của sự quên; những cây cối đã chui lá, góc tường đã bong vôi, nhiều bóng tối cứ từ từ lan rộng mãi ra. Những sự đó đã ngủ yên rồi, nếu còn động đậy chút nào là nhờ sự nhớ của ta cứ tưởng tượng dần dần đến thôi. Nhưng trừ cái đời sống vờ một tí ấy, những việc dĩ-vãng hình như nằm yên hẳn không động đậy được nữa và phân tách hẳn với việc hiện thời cùng việc tương-lai. Kỳ thật ra các việc ấy vẫn sống nguyên và cái tỉnh ngủ chết ấy vẫn là cái lò hoạt động của đời ta, nhưng tùy theo cái tri nghĩ của từng người một, có người nhân việc dĩ-vãng mà lợi dụng thêm ra, có người muốn đem mà vùi dập đi cho xong truyện.

ĐẠT-ĐỨC dịch

La charité

Enfants, quand votre bonne mère,
Le soir, vous tient sur ses genoux,
L'orphelin couche sur la terre.
Petits enfants, y pensez-vous ?

Vous avez tout en abondance :
Caresses, bonbons et joujoux ;
Qui ne connaît que la souffrance.
Petits enfants, y pensez-vous ?

Quand personne ne vous surveille ?
Parfois vous gaspillez vos sous,
Il est sans pain depuis la veille.
Petits enfants, y pensez vous ?

Tendez la main à la misère,
Vous qui le pouvez. C'est si doux,
De faire du bien sur la terre.
Petits enfants, y pensez vous ?

BLANCHARD

Sự làm phước

*Các cậu có nghĩ đến không ?
Tối được mẹ bế, mẹ bồng trên tay,
Kia đàn côi, cút ai hay,
Ăn sương gỏi đất bấy lâu lạnh lũng.
Các cậu có nghĩ đến không ?
Đồ chơi bánh ngọt bươi hồng biết bao.
Lũ kia cực khổ như ông nào,
Ai trông thấy vậy chẳng nao nao lòng.
Các cậu có nghĩ đến không ?
Những khi bận việc ai trông cậu mà.
Đem tiền tiêu vụng mẹ cha,
Chẳng cho kẻ đói từ qua vài đồng.*

Các cậu có nghĩ đến không ?
Những người khờ ải đương mong cậu nhờ.
Việc phúc nào phải đợi chờ.
Hễ ai có bụng gười cho lâu dài.

ĐẠT-ĐỨC dịch

THƯ HOÀI

Cố quốc sơn hà dĩ đại thù,
Cố viên tông cực bán hoang vu.
Mang mang thiên địa hoài bô khách.
Nhiễm nhiễm phong trần tự hủ-nho.
Bệnh cốt binh phân thu lĩnh xấu,
Thần tâm nhưng bạn nguyệt luân cô.
Hữu nhân khuyến mã bôi trung thu,
Vị vấn Tam-Lư khảng túy vô.

Dịch nôm

Ngắm cố-quốc nước non biến đổi,
Cảnh vườn xưa cực cõi thông gầy.
Bơ vơ khách lại về đây,
Phong trần nhiễm tẩm thân này hủ-nho.
Bệnh già thề núi thu sơ sắc,
Lòng buồn dơ như gác nguyệt quay.
Bạn chơi đủ giót chén đầy,
Tam-Lư thử hỏi có say chẳng cùng ?

(1) Tam-Lư đại-phu trở Khuất-Nguyên.

TRINH-PHỤ

Đình thảo thành sào liễu hữu ty,
Trinh phu hà nhật thị quy kỳ.
Bán liêm tàn nguyệt thương tâm dạ,
Nhất chăm đề quyền lạc lệ thì.
Tái bắc vân trang cô nhận ảnh,
Giang nam xuân tận lão nga my.

*Tặc lai kỷ độ tương tư mộng,
Tằng đáo quân biên chi bất chi.*

Dịch nôm

*Sân dày cỏ liêu tơ thơ đủ,
Thiếp trông chàng biết thừa nào về.
Giăng khuya dải nửa đêm che,
Nghe quỳên bên gối lệ chia hai hàng.
Nhận một chiếc mây tàn ải bắc,
Xuân Giang-Nam nhạt sắc mây rầu.
Tương tư giấc mộng bấy lâu,
Chàng ôi ! có biết tiếng sầu này chẳng !*

NGUYỄN-VĂN-AN

LUÂN-LÝ TIÊU-THYẾT.

Một nhà triệu-phú.

Dịch-giả: ĐẠT-ĐỨC

I

Truyện này là truyện thật, truyện một bác nhà quê keo-kiệt bản-thù, rất đáng khinh bỉ, mà cái hạng người này ở trong xã-hội ta cũng không phải là ít vậy.

Bác ta tên gọi Mã-tư-Lâm quê ở Ô-Mễ, nhưng người làng vẫn quen gọi là anh Mã-Tư, thằng Mã-Tư cũng vì cái tình biển lận của bác ta.

Làng Ô-Mễ danh lam thắng tích không mấy, chỉ có một cái lâu đài cổ sây từ đời François đệ nhất. Đã bao phen trải qua những hồi chiến-tranh, những lúc nội-loạn, những khi mưa dầm nắng hạ, lúc dải tuyết phơi sương, nên ngày nay đã lão, nứt hàng quăng, thủng từng nơi, gần lún hết cả, chả bao lâu nữa rồi cũng thành ra một đồng mục nát.

Dân-cư cũng đông, độ tám trăm suất dinh, ở súm sít cả chung quanh, đứng xa trông, cái lâu đài ấy có vẻ lấm liệt

uy nghiêm lắm, ta phải hỏi tưởng đến thừa xura các nước chư hầu, các chúa ở đó, thật là nhất thống một vùng vậy. Cũng có sông con chảy qua, đất tốt màu mỡ nhiều, cây cấy thóc lúa đậu khoai được cả, phần nhiều người làng lấy canh nông vi bản cả. Ở chung quanh cũng có hàng thuốc lá, hàng bán rượu, hàng tạp hóa, hiệu thợ giầy, hiệu đóng xe, hiệu thợ mộc vân vân. Cũng có người nghèo khó, ruộng nương không có, phải làm thuê gánh mướn để đợ thân. Nói tóm lại dân cư đều no đủ cả, trừ ra khi nào vận hạn ốm đau, hay bác nào rượu chè cờ bạc mới đến nổi túng đói thôi.

Mã-tư-Lâm là con một bác làm mướn, ban đầu làm thuê cho một người điền chủ gần đấy. Người sáng-suốt, cũng dăm ba chữ, lại lực lưỡng khỏe mạnh, trông thấy việc không sợ, lại thêm một nét biếm có trong bọn thanh-niên là biết cần kiệm.

Anh ta làm mỗi tháng được ba mươi quan, nào ngồi họ, nào đem để dành kìn một nơi sợ các chú chích, chú cược, nên anh ta không dám ăn mặc gì cả. Suốt mấy năm chỉ có một cái bộ quần áo vải gổ, vá đi vá lại hàng trăm chỗ mà cũng chưa dám may bộ khác.

Trong khi các bạn thanh-niên đồng thời với Mã-tư-Lâm đem tiền vung phí. mãi miệt trong cuộc truy-hoan, thời anh ta hết sức dành dụm: không bao giờ thấy mặt anh ta ở các cuộc tiêu khiển cả. Mã-Tư không muốn chơi bời với ai cả, không phải là khinh rẻ bạn đâu, nhưng nếu đã quảng giao tất phải tốn tiền. Các cụ trong làng đều khen anh ta cả: thật là một người có nết, làng ta ít có, đáng làm gương cho bọn thiếu-niên lắm.

Những ngày chủ-nhật hay ngày lễ, lúc thư thả anh ta xuống nhà dưới trông nom xem xét các bò ngựa, hay là vào trong số buồng kìn để kiểm bạc xem đã để dành được bao nhiêu, hoặc giả có khi thường trông thấy anh ta đứng lẳng lặng, hai tay khoanh trước ngực, mặt nhìn lên các đời

nho xanh di, vào trong những vườn cây có quả, hay ra những cánh đồng vàng chín sắp sửa đến vụ gặt. Trong lúc đó anh ta mơ tưởng gì ? Anh ta muốn tậu vài mươi sào ruộng để mình cấy lấy mà ăn, chứ cặm-cui suốt đời đi làm cho người mãi sao ?

Ấy cũng muốn chóng khá, nên anh ta lại thêm nghề sét-ty nữa. Dễ thường anh ta không biết rằng người có nhân không bao giờ làm thế và pháp-luật không bắt tội những đũa cho vay nặng lãi quá sao ? Luật-pháp khó lòng mà bắt được, còn có nhân với không có nhân mà làm gì, cốt nhiều su là hơn cả.

Nhiều người cũng biết rằng Mã-Tur đã khá, có tiền dư, nên khi túng bấn thường đến nhà anh ta đề hỏi vay.

Thường thường ta vẫn thấy :

- Bác muốn dùng bao nhiêu ?
- Năm mươi quan.
- Đến bao giờ bác giả tôi.
- Trong sáu tháng nữa, tôi xin giả, khi nào tôi bán được thóc hay được ngựa vân vân.
- Được, có năm mươi quan, bác biên văn-tự đi, vay của tôi một trăm quan.

Ai chả biết các đũa sét-ty bao giờ chả cho vay nặng lãi và một cách khôn ngoan thế, anh ta lại chỉ cho những người nào vay được giả được, hoặc cầm nhà, cầm văn-tự ruộng thoi, còn bác nào vay được giả không được mà có đến thời anh ta nói thoái thác là nhà không sẵn.

Anh ta cứ một vốn bốn lời thế, mới ngót một năm giới mà cái món tiền anh ta đề dành đã to lên ngùn-ngụt như nước thủy-triều lúc lên vậy.

Thường khi anh ta bụng vẫn nghĩ rằng :

- Có tiền thời ta tậu ruộng làm nhà; làm ruộng lấy thóc, làm thuê cho vay lấy lãi, tiền nằm trong nhà tiền chứa, tiền ra khỏi cửa tiền đẻ.

Ấy chỉ có cách thế mà Mã-Tur xuất thân ở nơi hàn tiện, mà đã tấp tềnh lập ấp, lập đồn-diền, sắp sửa trở nên một nhà cự-phú vậy.

Anh ta khi đó cũng đã ngoại tam-tuần rồi, chẳng lẽ cứ thế mãi sao, cũng phải kiếm người nội-trợ chứ. Anh ta định chám chị Sỹ-linh-Cô là thợ gặt làm với anh ta thửa trước cùng một trại. Chị này cũng thùy mị nết na, tuy không cá lặn, nhận sa, người trông cũng dễ coi lắm. Nhà thì nghèo, tuổi cũng đã nhớn, nên khi Mã-Tur hỏi thời cô ta thuận ngay, không dám suy hơn tính thiệt gì. Ở gần xóm ấy, cũng có mấy cô tới tuần cập kê, gia-tur cũng thường thường bực trung, vẫn ngấp nghé muốn lấy anh ta, người trông cũng khá mà cửa cũng có sẵn, nhưng Mã-Tur lờ ra bộ không biết.

Tại sao anh ta lại muốn lấy Sỹ linh-Cô. Có phải anh ta trộm dẫu thàm yêu gì với chị này chẳng? Anh ta đã biển-lận thời ruột héo gan khô, còn biết thương yêu ai nữa, anh ta mà lấy thế là anh ta đã trù-tính trước sau rồi. Về phần Sỹ-linh-Cô, tuy nhà nghèo, bố mẹ mất sớm, phải đến ở nhờ đảng bà cô, nhưng về đảng thân-mẫu cô ta hãì còn một dì và một cậu nữa, lưu-lạc giang hồ, bấy lâu vắng vẻ tâm hơi cả rồi, trong làng ít khi nói đến truyện nữa.

Ông cậu Bế-Trang từ khi bỏ làng ra đi, lên đến Pha-Lê vào ở với một nhà đúc đồng, cũng học được nghề, mỗi ngày kiếm được 7, 8 quan, nhưng vì vợ con đông nên cũng hơi quẫn bách một chút. Còn bà dì Mã-Ly đi ở vú, một thân một mình thời được phong lưu hơn. Trong quãng mười năm, ăn nhịn để dành, lưng vốn có đến 4000 quan, cô ta bèn kết hôn với một bác hàng rượu, vốn liếng cũng được vài ba nghìn quan. Hai vợ chồng bèn thuê ngay một cái nhà gần chợ, chung vốn mở cửa hàng, cùng nhau ra sức tần-tảo. Khách quen mỗi ngày một đông, buôn bán mỗi ngày một thịnh vượng, cửa hàng mở thêm rộng

mãi ra, sau thành một tiệm to lung vốn có đến 150 hay 200 nghìn quan.

Ba tháng trước khi Mã-Tur hỏi Sỹ-linh-Cô, anh ta cũng có lên Pha-Lê định đi xem giá ngựa bò, tình cờ thế nào gặp ngay anh đồ-tể trong chợ đi ra, anh này biết tường tận lịch sử tiệm to kia lắm. Anh Mã-Tur nói ở làng mình và các xóm quanh đấy cũng có nhiều chủ chăn nuôi ngựa bò, đề bán làm thịt. Cũng thực tình, bác đồ-tể nói rằng bác Mã-Ly, chủ tiệm kia, cũng người làng anh đấy, bây giờ buôn bán đã giàu có lắm, chỉ hiếm vì chưa có chút con cái gì cả. Truyện trò qua loa xong, Mã-Tur cáo từ dõ về làng, trong lòng suy tính thiệt hơn. Mã-Ly giàu có, lại hiếm hoi, chắc là cháu gái Sỹ-linh-Cô là kế-tự, sẽ có phần to vào đấy, chệch thế nào được. Nếu ta lấy nàng, chắc là ta sẽ được nhiều điều ích lợi về sau.

Trong làng không ai biết, nên anh ta cũng cứ dấu kín, không nói với ai câu truyện tình cờ ở thành Pha-Lê ấy cả. Khi hai bên đã ưng thuận cả, khi tờ khai giá-thú đã gián yết ở cửa tòa Đốc-ly rồi, không sợ tiếng dèm pha chi nữa, một hôm anh ta mới nói truyện cùng nàng rằng anh ta có được biết chỗ ở của Mã-Ly, nhân khi vui mừng này, nên viết thư mời đi về chứng kiến cho.

Sỹ-linh-Cô bèn viết giấy mời đi và cũng nhận được giấy giả nhời rằng đi cảm ơn cháu đã nhớ đến đi luôn và y-hẹn sẽ về ăn cưới cháu và nhân dịp về thăm chỗ quê-hương luôn thể.

Đến hôm đó, bà đi cũng về dự lễ đính hôn của cháu, bụng chỉ ở độ vài ba hôm thôi nhưng khi về, cháu rể Mã-tur-Lâm chào mời đón rước một cách thân-mật thể, nên dùng dằng mãi đến tuần lễ mới đi được. Khi lên đường bà đi cũng dặn các cháu khi nào thông thả lên chơi.

Mã-tur-Lâm xin vâng lời đi, hứa rằng hễ khi nào thư thả là xin lên hầu đi ngay lập-tức. Bà đi thấy cháu rể thù phụng một cách đặc biệt vậy, nên lại cho thêm hai cháu cái dầy bạc 1000 quan để làm vốn nữa.

Bà đi về chơi, cho cháu quà nhiều thế, nên lúc nào Mã-tur-Lâm cũng ca-tụng với mọi người trong làng có bà đi Mã-Ly thật là phúc-hậu lắm.

Mãi đến bấy giờ người trong làng mới biết bà Mã-Ly đã trở nên giàu có lại hiếm hoi, chắc hẳn thế nào vợ chồng Mã-tur-Lâm chả được phần to vào đấy, rõ thật may mắn lạ thường.

II

Từ khi Mã-tur-Lâm cùng Sỹ-linh-Cô, phận đẹp duyên ưa rồi, ngày vui ngắn chẳng tày gang, hai vợ chồng đã phải bắt đầu ra tay tần-tảo, làm lụng thật là kiệt tâm, kiệt lực, hơn là những đũa nô-lệ ngày xưa mà các nhà điền-chủ vẫn còn hành-hạ. Không được ngày nào được người chân, người tay, ngày nào cũng từ tang tảng mặt đất đến khi lên đèn mới được nghỉ ngơi.

Tính Mã-Tur đã chăm làm lại khỏe mạnh, nên bắt vợ phải theo mình luôn chân luôn tay, mặc ai liễu yếu tơ đào, lúc nào anh ta cũng lầm bầm : « Có làm mới có ăn ».

Sỹ-linh-Cô tuy yếu chân mềm tay, cũng phải gượng sức theo chồng làm lụng vất vả, lâu tập nhiễm tính thành, vả phương-ngôn có câu : gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, chị ta cũng bắt chước ngay được cái tính keo bần của chồng. Từ đó hai người cố-chí làm giàu. Tiêu ít, làm nhiều, cho nên dễ ra được thừa tiền, lại tậu thêm nhà, thêm ruộng.

Những làm cho mình không kể, nhà nào khá giả mà muốn thuê người làm thời vợ chồng anh ta cũng đến làm thuê ngay. Lúc tối về nhà thư-thả, vợ chồng lại giở nghề cho vay lãi, để chóng phát.

Trong nhà chẳng có gì cả, đến các thứ cần dùng cũng thiếu. Vợ chồng quần áo rách rưới như đũa ăn mày, chị ta phải gượng nói với chồng rằng : « Này mình ơi, ta phải may bộ khác chứ. » Mã-Tur so vai giả lời : « Được, lúc nào

sấm chả được, cái bộ này làm lung ngoài đồng còn tốt chán.» Thành thử Sỹ-linh-Cô phải thức đêm mà vá lại các quần áo cũ rách như tổ đĩa.

Ấy cũng vì thế mà chị ta chóng già quá. Bao nhiêu vẻ xuân đều tiêu-giết với nắng hạ mưa thu cả, những nét dần sớm dấu đã hiện dần lên cả chán cả mặt, mái đầu hoa dâm, da khô cóc lại, người gầy sòm đi, chỉ còn da bọc lấy xương. Về phần Mã-tur-Lâm, như cục sắt nguội, bao giờ cũng vẫn khỏe mạnh thế, hình như giờ dầy ra để chịu lấy những cái cay khổ vậy.

Vợ chồng ăn ở với nhau thắm thoát đã được sáu năm giờ, sinh hạ được một mụn gái, người cũng có vẻ, nhưng gầy yếu quá, bà đỡ phải nói rằng : nếu giờ thương để nó sống làm người, chắc cũng là của lạ đây.

Mã-Tur nghĩ bụng, đã sinh nó ra, ta phải tìm cách nào để nuôi nó, chứ bỏ hoài cho nó chết cũng tội nghiệp thân trẻ. Nhưng khốn nỗi, Sỹ-linh-Cô người yếu đuối, nên khi đẻ xong cũng ít sữa lắm.

Anh ta nhăn mặt cau mày : « Ta lại phải nuôi nó bằng sữa bò thôi. » Chị ta nghe thấy thế khóc nức nở lên.

Bà đỡ nhanh ý bèn bảo anh ta rằng : « Nếu muốn cho con bé này sống làm người thì bác phải tìm cho nó một người vú sữa.

Mã-Tur lại cau mặt trông khổ hơn lần trước :

— Một người vú sữa !... Lại tốn thêm vào đấy mỗi tháng 15 quan nữa.

Nhưng vì bà đỡ nói một cách quả quyết thế, nên cũng phải bấm bụng mà theo vậy. Nhân khi đó, trong làng cũng có một người liền bà mới ở cũ được hai tháng, nhiều sữa quá có thể nuôi được hai đứa bé, anh ta bèn giao phó cô Bạch-Tuyết cho người ấy trông nom.

Ngày qua tháng lại, chẳng mấy chốc mà chồng bà đi đã từ giã cõi trần. Bà ta bèn gọi ngay cháu rể lên Pha-Lê trông nom lo liệu ma chay.

Được tin, bèn đi ngay, đến nơi làm ra mặt ủ mảy châu, thiết tha lắm. Ăn nói khiêm tốn ngọt ngào, săn sóc chăm chỉ hết sức để được lòng bà dì. Anh ta lại khéo tán vờ tìm cách để cảnh già của bà được yên tĩnh mà nghỉ ngơi, kỳ thực mục-dịch anh ta chỉ cốt đến cái gia-tài của bà thôi. Thế mà đến khi lục-sự ra biên, làm tờ di-chức, anh ta xin nhường cả cái cơ-nghiệp ấy, không dám tơ hào chút nào. Rồi anh ta lại bàn với bà nên đem tiền mà mua phiếu ngân-hàng lấy lãi nuôi thân, rồi về ở với hai cháu để tiện đường trông nom săn sóc. Lúc đó bà dì yêu quý cháu rề quá lắm, lại khen cháu rằng : anh ta rất thông minh, anh ta rất thông hiểu mọi việc, những điều anh ta nói ra là chính-đáng cả, bao nhiêu công việc đều giao cả cho anh ta, khi đó anh ta đối với bà dì ấy là người tin cần nhất ở đời vậy.

Công việc ở tỉnh thu sắp xong, bà dì bèn về ở với cháu rề, cũng quên cả rằng ở Pha-Lê còn một ông anh khi đó đã già, chân tay mỏi mệt, không thể kiếm ăn được nữa mà các cháu còn bé dại, đương phải nheo nhóc, thế mà cũng chẳng nhìn nhận gì đến ư ?

Cứ thực tình ra, bà ta không phải là một người đàn-bà độc ác hay là không có bụng tốt đâu. Đã nhiều lần đem giúp đỡ cho các cháu rồi, nhưng tại ông anh hơi lạm dụng quá, mà bà cũng nể không muốn nói ra, chừ cái cơ-nghiệp ấy làm gì chẳng cho cháu được ít nhiều ư ? Rồi anh Mã-tư-Lâm lại đâm vào, khéo tán tỉnh nịnh hót thế là xong.....

Quang-âm vùn-vụt, thấm-thoát đã ngoài mười năm, nhờ ơn bảo-mẫu săn sóc trông nom, cô Bạch-Tuyết trước kia gầy mòn yếu ớt, dần dần như lên khỏe mạnh, khuôn giăng đầy đặn, tinh nết đoan-trang, bà dì thấy thế lấy làm yêu cô lắm.

Cô tuổi cũng đã lớn, bà dì bèn đem gửi cô vào học trong trường các bà sờ dạy. Ngày qua tháng lại, đã được hai năm thời bà dì mất.

Mã-tư-Lâm khéo lo liệu trước, nên khi bà đi yên giấc ngủ nghìn năm, trong tờ di-chức biên lại có bao nhiêu của cải đều để lại cho cháu gái bà tên gọi Sỹ-linh-Cô, vợ Mã-tư-Lâm. Ông anh Bế-Trang và các con cái lại buồn rầu hơn nữa, trước kia tưởng rằng thế nào chả được ít nhiều vào đấy, chợt nghe thấy vậy, như sét đánh ngang tai. Rõ ràng sự đã quả-nhiên, biết làm thế nào được nữa, dầu có muốn cãi rằng di-chức ấy làm không được hợp lệ thời đã có tên ký của ông lục-sự và hai người làm chứng đấy, có phải việc mập mờ ở đâu mà kiện được. Ông Bế-Trang thôi chịu khoanh tay cùng khốn, không còn ai là người thân-thuộc giúp cho mình nữa, đành chỉ thở ngẩn dài than thôi.

Ở làng, cũng có nhiều người biết truyện, lấy làm tức giận thay và dị-nghị với nhau rằng : bà đi làm tờ di-chức thế không được công-bằng chút nào cả. Ai cũng phải kêu rằng vợ chồng Mã-tư-Lâm đã có mà lại được cái cơ-nghiệp ấy, thế mà chẳng chia một nửa cho ông Bế-Trang thời tham quá. Ấy truyện đời đời mồm, thường bàn gốp chơi, xong rồi việc ai việc ấy.

Dầu ai muốn nói xuôi nói ngược thế nào mặc lòng, anh ta cũng bỏ ngoài tai. Đến bấy giờ mới được hưởng cái cơ-nghiệp bao lâu mong mỏi lại làm cho mình giàu thêm, anh ta còn cần gì nhời trê bai của thiên-hạ nữa chứ !

Một bà đi vờ mà để lại cho những 250 nghìn quan tiền tây ! Thật là một điều không ngờ đến mà tự-nhiên được, thời sung sướng biết bao, từ nay sẽ là một tay cự-phủ ở trong làng vậy.

Cái vui chưa được bao lâu, cái buồn đã kể tiếp luôn. Sỹ-linh-Cô cũng theo đi xe hạc lên mây. Hễ ai chết là người ấy thiệt, anh ta còn khỏe mạnh, anh ta chưa lo, và lại muốn an-ủi tấm thân có khó gì, trong tay mà sẵn đồng tiền.

Vợ mà làm gì ! Chỉ tiền thôi. Tiền bạc là của quý nhất ở trên đời.....

Hễ đã giàu lại dễ giàu thêm, vả tính lại thích tậu vườn, tậu ruộng, tậu cửa, tậu nhà, hễ hơi thấy ai muốn bán là mua ngay. Có một lại muốn có mười và anh ta định chỉ tậu hết đất ở làng và cả các xóm chung quanh nữa cũng chưa mãn-nguyện.

Còn cô Bạch-Tuyết vẫn chăm chỉ đèn sách, tinh nết thuận-hòa, nên được các bà giáo yêu và chị em ai cũng mến. Xuân qua hạ tới, thu lại sang đông, thì giờ đi nhanh như bóng câu qua cửa sổ, bấm đốt tay đã sáu năm tròn. Đến cuối năm cô ta ra thi, được trúng tuyển ngay. Tên yết bằng-vàng, nợ bút nghiên cũng tạm xong, cô ta bèn về nhà chơi bời, nhân tiện dịp nghỉ-hè, săn sóc cha già một thể

Mã-tur-Lâm trở nên giàu có thế, là đã hút kiệt hết máu mủ của các người trong làng, đã gieo cái khổ sở đói rách cho họ đó. Một triệu bạc, những đọc đến cũng phải tưởng tượng biết bao nhiêu là mồ hôi nước mắt, nước mắt cha lia con, vợ chồng lia nhau vậy.

Bấy giờ người ta mới hiểu Mã-tur-Lâm không phải là người khôn ngoan, đáng mẫu mực cho bọn thanh-niên nữa, mà chính là đồ khốn, chẳng ai ưa gì, ai trông thấy cũng phải tức giận, nguyên rửa thậm tệ. Ôi tiền của mà vào tay những hạng người ấy có khác gì cục gỗ, đồng đá không?

Mã-tur-Lâm cứ ở du dứ một mình trong lầu ấy như con thú rữ trong hang, chẳng ai buồn đủ dè đi chơi chỗ này, dự tiệc nợ, mà cũng chẳng có bè bạn nào phải tiếp đãi cả.

Cứ cô độc một mình, khi nào thông thả ra đứng ngoài bao lơn nhìn xuống chung quanh những đôi cùn ruộng, rồi lầm bầm một mình: tất cả vùng này là của ta đây, sướng thật! . . .

Từ khi cô Bạch-Tuyết về ở lầu ấy đề sớm hôm hầu hạ cạnh cha thì nhà cửa cũng có vẻ sầm uất hơn một chút. Cô nhiệm nhận săn sóc trong ngoài, cũng biết cha mình giàu có lắm đây, nhưng phỏng độ bao nhiêu và vì cách gì chóng nổi thế và nhất là không biết rằng cha mình ở trong làng ai cũng chỉ mặt đặt tên. Lúc nào cô cũng

dịu dàng thùy mị, không hề hợm hĩnh cậy tài cậy sắc với ai bao giờ, cô rất lấy làm đau đớn mà trông thấy làng xóm họ đối đãi với cô một cách lạnh lùng làm vậy. Cho đến các bạn gái ngày xưa cũng thế, họ cũng thờ ơ, bán tin bán nghi, không có đậm đà thân mật chút nào cả. Cô lấy làm bần khoăn tắc dạ, không hiểu duyên do ấy vì đâu nên nỗi. Ta hết bụng yêu người mà người chẳng biết ta là vì lẽ gì, chỉ nghĩ quần thể mà gan vàng thồn thức, châu sa vắn dài.

Song làng Ô-Mễ may mà còn được một người vẫn có bụng yêu cô là bảo-mẫu cô đó. Chợt nghĩ đến, cô bèn chạy ngay lại nhà bà và nhờ bà chỉ bảo cho cái nông nỗi chua sót ấy. Thấy trẻ thơ bỗng nhiên hỏi, bà cũng bối rối khó giả nhời cho cô ta được, và cũng không dám nói cho cô biết rằng chính bà cũng chẳng quý hóa gì cha cô đâu, bà chỉ tăng lời mà bảo cô rằng :

— Em ơi, hay tại em theo đòi học tập ở chốn thị thành, em ăn mặc gọn gàng, lại văn hay chữ tốt, trông ra bộ dáng các phong-lưu như các vị tiểu-thư ở nơi thành thị, nên các chị em ở nơi thôn ồ thấy thế, cũng ngượng không dám lân la đến trò chuyện với em chứ gì.

— Nhưng mà tôi đã tự hạ đến chơi làm quen với các chị ấy cơ mà ?

— Tuy thế mặc lòng, các chị ấy cũng hiểu rằng đem ra so sánh thời một giờ một vực, nên các chị ấy đã biết phận mình, đâu có phải tiếp chuyện em đi chẳng nữa cũng là sự bất đắc dĩ rồi, khi nào các chị ấy còn dám làm thân với em nữa.

Cô Bạch-Tuyết nghe đến đấy, cúi đầu, thở dài, lấy làm buồn rầu quá. Bảo-mẫu bèn ôm cô vào lòng và khuyên giải điều hơn lẽ thiệt: «Thật họ cũng không biết bụng em lắm nhỉ?

Lại nói chuyện khi cô còn lưu học ở trường bà Sờ, có quen một cô tên gọi Hồng-Vân, cùng chạc tuổi cô và là con gái một quan đại-tướng đã hồi hưu, ở cách tỉnh lý Pha-Lê

năm cây lô mét. Ngai bấy giờ đã góa vợ, sinh hạ được cô Hồng-Vân và cậu Ngô-Tâm là trưởng, gia tư cũng thường thường bực chung, vì tiền học-phí của cậu cô cũng tốn kém nhiều. Năm ấy cậu Ngô-Tâm vừa hai mươi năm tuổi, chúng tuyển kỹ-sư công-chính, lại được bổ ngay gần quê nhà, cũng là một dịp may vậy. Quan đại-tướng vẫn chăm chỉ về sự học cho các con mà cậu Ngô-Tâm được công thành danh toại là tới cái mục-dịch của ngai rồi. Ngai lại có một bà chị sản-nghiệp rất to mà không kể kể tự, chắc cuộc tương-lai của cậu Ngô-Tâm sau này sẽ vẻ vang lắm.

Cô Bạch-Tuyết đã nhiều lần được trông thấy cậu Ngô-Tâm đến trường mình để trò truyện với em, và nhiều khi cả ba người cùng súm nhau lại truyện trò rất là vui vẻ, khó nổi mà dứt ra về ngay được. Có lạ gì, giai tài gái sắc, đương độ tuổi xuân, cậu Ngô-Tâm thấy cô Bạch-Tuyết như gấm như hoa, nhẽ nào chả đem lòng thầm yêu trộm nhớ. Cậu yêu cô quá lắm thật, yêu ai vì nét vì tài, có lẽ lúc nào cậu cũng nghĩ đến cô, mà dễ thường có cô thời cậu mới sống một cách êm đềm vậy. Cái ái-tình này là cái ái tình thực, chứ không phải là cái tình phiêu của các công-tử bột ngày nay, lấy ba tác lưởi mà khuy dụ các cô thiếu-nữ hờ hênh, mong thỏa được cái lòng dục của mình thôi. Nên cậu cứ ngậm ngừng e lệ, không dám nói ra, lòng này ai tỏ cho ta hỏi lòng !

Cậu lại được tin cô Bạch-Tuyết đến nghỉ hè thôi không học nữa thời cậu lại lo, lo rằng cô đã đến tuần cập-kê mà cậu chưa có nhờ gì gắn bó một hai, ngộ khi về nhà có ai đến hỏi, nhỡ ra mà cô nhận nhờ thời biết tính làm sao, chẳng lẽ cũng liêu sống thác với tình cho cam ư ? Lại khốn nỗi, cô là người ý-chung-nhân của cậu, nên đứng trước mặt giai-nhân, cậu không còn can đảm mà thổ lộ hết can tràng mình cho ai được, cậu bèn đánh bạo nhờ em môi-giới hộ, thật hi-vọng cậu còn hay mất đều ở cái tài ngoại-giao của cô Hồng-Vân vậy.

— Thôi được, anh để mặc em tùy cơ ứng biến. Em đã dặn chị ấy ra đây ăn cơm với em, tý nữa chị ấy đến, em sẽ rướm lòng xem sao. Có khi nào chị ta lại không có bụng yêu anh được. Nếu ai có môi son má phấn yểu điệu nét na, đủ làm cho anh yêu quý được, chắc anh cũng có đủ tư-cách hào-hoa phong-nhã để ai phải để mắt vào chứ.

Y như lời hẹn, cô Bạch-Tuyết đến ăn cơm sáng với cô Hồng-Vân, cơm nước xong, chị em bèn dắt tay nhau dạo chơi vườn hoa. Một lát, hai người ngồi nghỉ xuống ghế, cô Hồng-Vân bèn nói cùng cô Bạch-Tuyết :

— Em có câu truyện này muốn thưa cùng chị, nên chẳng chị nghe cho em đã đành, bằng không chẳng nữa chị cũng thuận cho em vui lòng nhớ.

— Được chị cứ nói, nên thời em nghe, bằng không nên thời soá, có ngại gì điều đó, chỗ chị em mình cả, hà tất chị phải đắn đo thêm phiền.

— Chị ạ như ai kia, còn phải nói dài dòng văn tự thêm mất thì giờ, chứ chị em mình nói gần nói xa, chẳng qua nói thật, em xin thưa cùng chị, thật em nói ra cũng lấy làm ngượng quá. Anh Ngô-Tâm em có sở cậy em một điều là muốn cùng chị trăm năm kết ngãi Châu Trần, chẳng hay lòng sở vọng ấy có khỏi nên một giấc mộng chẳng ?

Cô Bạch-Tuyết nghe bấy nhiêu lời, hai má đỏ bừng bừng, trống ngực truyền rầm-rầm, như đại như ngày, cứ lặng yên nhìn cô Hồng-Vân mà không nói ra lời được.

— Thưa chị, nên chẳng thế nào, lượng xuân xin chớ hẹp hòi.

Cô Bạch-Tuyết cảm lòng không dặng, nhìn cô Hồng-Vân một lúc rồi ôm lấy cô ta, nghẹn không thể nói to được, chỉ nghe thấy khe khẽ : « Đã lòng quân-tử đa mang, một lời ghi tạc đá vàng thủy chung. »

Cô Hồng-Vân bèn cười ầm lên mà rằng : « Thế từ giờ chị gọi em bằng cô nó và tôi gọi chị bằng chị nhớ ». Rồi hai người ôm nhau hôn, nước mắt đầm-đìa cái nước mắt ấy mới biết bao nhiêu là cảm tình chan-chứa.....

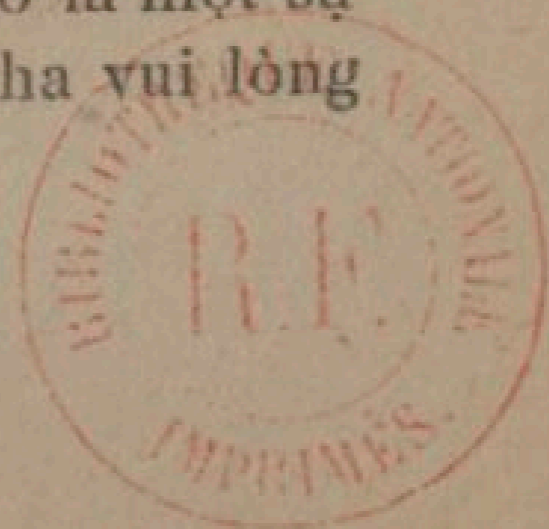
Một chốc, cậu Ngô-Tâm, mặt mày hớn-hở vui cười kè sao cho siết, bèn bảo cô Hồng-Vân : « Em sẽ giết anh một cách độc-địa, nếu em thông tin cho anh rằng: từ giờ anh đừng tưởng hảo thương huyền nữa, thêm hao tổn tinh thần mà có ích gì cho ai đâu.....

Cũng ngày hôm đó, quan đại-tướng biết cả đầu đuôi gốc ngọn và bảo rằng: « Anh mày mà để mắt vào chị Bạch-Tuyết thì cũng là sừng đôi phải lừa đấy. Nhưng còn ông Mã-tư-Lâm, nếu ông ấy lại phản đối thì sao ? Được đề đến nghĩ-hè, chị Bạch-Tuyết về nhà, thế nào ông chả mời cha con mình về chơi, ta sẽ nói cùng ông ta rằng, hai trẻ đã có lòng yêu nhau thì Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn.

IV

Mã-tư-Lâm keo bần thế, chứ ngoài tiền ra còn biết quý ai nữa, cả đến cô Bạch-Tuyết cũng chẳng hơn gì, nếu là con người khác thì đã nung như chúng, hừng như hoa, có đâu ghẻ lạnh thế. Nhưng cô được cả sắc cùng tài, nên Mã-tư-Lâm cũng nể hơn, cái đó là thiên-nhiên, giới biệt đãi những kẻ anh tài.....

Cô Bạch-Tuyết đã hiểu tình cha, dù còn học ở trường, dù ở nhà, cô cũng lấy dẫn-dị nhã-nhận làm cốt, không cạo gọt tô điểm ngấm vuốt lăm như con nhà khác. Trước kia Mã-tư-Lâm cứ tưởng cô lên tỉnh học, hoặc có đua chúng bạn mà theo thói sa-hoa, đóng vai phá gia chi tử thì làm khổ cho mình biết bao, song thấy cô đường ăn nết ở có khác người thường, nên cũng được vui lòng. Bởi thế một hôm, Mã-tư-Lâm lên tỉnh bán được một đàn bò cao giá, lúc về có sắm cho cô các đồ nữ-trang cũng đến 30.000 quan đề thưởng cái nết quý của cô, đó là một sự lạ vô-song vậy; cô Bạch-Tuyết cũng chiều cha vui lòng



mà đeo các thứ ấy. Nhưng có nghiệm ra rằng, cha mình mua cho mình thế, có phải là ý muốn tô-điêm cho mình đâu, chẳng qua muốn khoe giàu, khoe có với làng xóm đó thôi. Càng đeo vào bao nhiêu, càng thấy cha mình cư xử với làng mạc với mình lãnh đạm thế, cô lấy làm khổ tâm quá. Về ở với cha đến hai tháng tròn, cô vẫn phải ngậm đắng nuốt cay, không hề dám nói với cha cái duyên số trăm năm của cô với cậu Ngô-Tám. Không nhẽ đâu mãi sao, một hôm cô bèn dịu dàng thưa với cha : Khi cô còn học ở trường, những ngày nghỉ có đi lại chơi bởi với cô Hồng-Vân là lệnh-ái quan đại-tướng, ngày nay thông thả, cô muốn cảm ơn cái thịnh-tinh của ngài, muốn xin cha viết giấy mời ngài và cậu Ngô-Tám cùng cô Hồng-Vân về chơi nhà mình vài hôm. Thoạt nghe, Mã-tư-Lâm bèn gạt phăng đi, lại sợ tốn kém ít nhiều, bèn nói rằng là ta không muốn tiếp những hạng người ấy. Cô Bạch-Tuyết vật nài than khóc, cũng chẳng được nào, sau lại nghĩ rằng nếu ta được tiếp một quan đại-tướng, một ông kỹ-sư và cô Hồng-Vân, lệnh-ái quan lớn là bạn thân với con mình, kẻ cũng được vẻ-vang với bà con thật, nên muốn khoe khoang sĩ-diện mà thuận nghe nhờ cô xin, và viết giấy mời ngay lập tức.

Cách vài hôm sau, quan đại-tướng và hai con bèn về chơi làng Ô-Mễ với Mã-tư-Lâm. Hai cô thiếu-nữ bấy lâu xa cách, nay lại gặp nhau, thôi thì thiếu chi nhờ tan-hợp, nổi hàn-huyên kể lể, với những khoe mắt trộm, miệng cười xuân của đôi tài-sắc.... Còn Mã-tư-Lâm thời hết sức tiếp đãi quan đại-tướng, nào truyện trò vui vẻ, nào dắt ra ruộng nọ vườn kia, nào chỉ chỗ nuôi bò nuôi ngựa, cốt khoe của cùng ngài, cốt lấy sĩ-diện với làng xóm..... Đi khắp lượt, bèn về lầu ngồi chơi uống nước. Nhân dịp cậu cùng hai cô vắng nhà, quan đại-tướng bèn ngỏ lời với Mã-tư-Lâm :

— Thưa ông, khi thân chẳng lọ là cầu với thân, tôi muốn xin cô Bạch-Tuyết cho thẳng cả nhà tôi, xem ra trẻ nó cũng tốt đôi đấy, chẳng hay ông dạy thế nào.

— Thưa ngài, ngài dạy thế, tôi cũng xin lĩnh ý, nhưng xin để vài hôm tôi bàn định và hỏi ý cháu, xin sẽ thưa lại ngài sau.

— Thưa ngài, cháu nó đã đỗ kỹ-sư, lương bổng cũng khá và tôi không dám khoe đâu, thật nó hiền lành nết na lắm... Thôi truyện trăm năm của trẻ, ông cũng ừ ngay đi cho may mắn để tôi yên lòng, trẻ nó có bụng mừng, thế là quý-hóa nhất....

Mã-tư-Lâm ngẫm nghĩ hồi lâu, bụng bảo dạ, ta chưa đáng cho nó xuất giá, nếu nó về nhà công bây giờ, tất phải có của hồi-môn, như thế chả thiệt thòi cho ta lắm ư?... và giả nhời rằng :

— Ngài và cậu cả đã có lòng thương yêu đến cháu, là nhà tôi giầy phúc lắm rồi, chúng tôi lấy làm vẻ vang lắm, song vì cháu nó còn bé dại lắm, vả mẹ nó mất sớm, chỉ được mình nó, nhà lại neo người, nên chúng tôi cũng khó nghĩ lắm và xin ngài thư thả cho mười bữa, chúng tôi xin thưa lại sau.

— Thưa ông truyện may sưa của trẻ, ông cứ nhận nhời ngay đi cho chúng tôi được vững dạ.

— Thưa ngài, đã đành thế đi rồi, song trẻ nó về nhà chồng cũng phải sắm sửa đôi chút cho nó chứ. Tôi ở chốn thôn quê, tiếng rằng cũng đủ bát ăn thật, song ruộng vườn thì có, chứ tiền bạc thời hiếm lắm, nên ra tôi cũng phải bán mấy mẫu ruộng để sắm-sửa cho cháu, cái đó là tôi xin thưa thực.

Quan đại-tướng nghe xong, cũng đủ hiểu được bụng Mã-tư-Lâm, cũng ngượng thay cho ai, song vẫn điềm-nhiên mà thưa lại.

— Ông nói thế cũng phải, nhưng giá thú bất luận tài mới được. Nếu ông mà phải bán đất mà trang diêm cho cô ấy, chả ra chúng tôi tham lắm ru, cô ấy thế nào ông cứ cho như thế là đủ và của hồi-môn thế nào chúng tôi cũng xin

vàng. Ông thời nhất làng thật, già ông có nghèo, cô ấy chẳng có su nào gọi là dẫn vốn, chúng tôi nếu đã xin là vì thấy người nết na, chứ tiền-nong ông đừng nên lưu tâm đến, nhớ việc của hai cháu mất.

— Nếu ngài nghĩ cho như thế cũng phải, vàng, thời việc may mắn, xin lĩnh ý ngài cho đôi trẻ vầy duyên cầm sắt.

— Tôi cũng từa thực tình cùng ông, chúng tôi cũng tiếng cả nhà thanh, nhưng được bác gái nó có hứa hễ cháu nào nghi gia hay nghi t.ất thời cho hai nghìn quan làm vốn...

— Ừ ừ, như thế càng quý hóa lắm. Lương bổng để chi tiêu trong nhà, cái vốn ấy để đặt lãi thêm ra, vợ chồng yêu dấu nhau, cô Hồng-Vân với cháu nó như con một nhà, như thế là thập phần hoàn hảo rồi.. Mã-tư-Lâm dần dần tươi tỉnh, thấy nhà giai không đòi của hồi-môn gì. Bụng bảo dạ, món này vừa danh giá, vừa nhã nhận, con mình may thật, khỏi phải hờn duyên và thiệt mình. Song còn muốn khoe khoang với xóm giềng, bèn hứa với quan đại-tướng :

— Cháu nó về nhà chồng, tôi cũng định cho cháu 15000 quan.

— Vàng, ông nghĩ đến trẻ thế là phải.

— Cái đó là nhất định, sau này chúng nó không được đòi hỏi gì đến tôi đâu.

— Xin hứa ông điều ấy.

— Thôi, xin lỗi ông và tôi đi báo tin mừng cho trẻ biết, kéo chúng nó mong.

V

Từ ngày ấy, cậu Ngô-Tâm và cô Bạch-Tuyết đã đính ước trăm năm cùng nhau, chỉ còn đợi ngày làm lễ nghinh-hôn nữa thôi.

Cứ mỗi tuần lễ hai lần, cậu Ngô-Tâm đến chơi nhà bố vợ. Những lúc ấy thật là vui vẻ, truyện trò rất là ý-vị, khiến Mã-tư-Lâm nghĩ đến cũng phải cười thầm, nhưng còn mất

15000 quan thời buốt ruột thật. Song một đời cô chỉ có một lần xuất giá, nên có thiệt, cũng phải cam tâm, biết làm thế nào được...

Buổi sáng kia, cô Bạch-Tuyết thuê xe ngựa khừ hồi lên trường để mời các bà giáo và bạn thân về dự tiệc thành-hôn cho mình, lúc giờ ra về giờ đã chiều hôm.

Người chủ xe nói:

— Cô hãy ngồi đợi tôi một tí, xong chút việc con này ta về một thể.

— Có lẽ lần này tôi về cũng đi một mình như lúc ra tỉnh đó nhỉ.

— Không, lần này có thêm hai người khách nữa.

— Các bạn gái chứ.

— Không hai người đàn ông. Một người cũng về gần làng Ô-Mễ với cô.

— Có phải ông kia cũng về gần làng tôi đó không?

— Phải đó, nhưng đã ba năm nay bác ấy không về làng ấy nữa.

— À ra thế đấy.

— Bác ấy trước cũng đủ bát ăn, sây ra mấy cái tai nạn, phải bán cả ruộng nương, bỏ cả làng đi nơi khác.

— Kia họ đã đến. Mời cô vào ngồi góc kia, chùm kín đầu, vì chiều tháng mười này cũng nhiều sương lắm.

— Phải sương sa về mùa đông lạnh thật.

Hai người kia bèn đi dần dần đến gần xe ngựa.

Người đánh xe nói: Hai bác đi dạo căng cho một chút để đi cho được độ đường kéo lối rồi.

Hai người chèo lên xe, không để ý gì đến cô Bạch-Tuyết chùm kín và ngồi thu vào một góc. Người chủ xe đóng cửa lại, xem qua một lượt, đầu vào dấy, trèo lên, quất ngựa chạy.

Trong xe hai người nói hết truyện nọ đến truyện kia để quên nỗi đường dài.

— Nay bác Cồ-Lâm, bác có biết thằng già Mã-tư-Lâm nó sắp cưới con gái đấy không ?

— À, thế ra thằng khốn ấy sắp cưới con gái đấy ư ? Thiên-hạ cũng còn có người đem thân đi lấy con thằng mặt kiếp ấy nhỉ.

Cô Bạch-Tuyết nghe thấy thế giận lắm, toan đứng dậy cự cho hai người một mẻ nên thân, song cố nhịn để nghe nốt câu truyện và chỉ gục đầu cùng thở ngắn thở dài thôi.

— Này, bác Sã-Lai ơi, nhưng được cái gái nhà nó cũng khá, tôi đã biết. Lúc bé trông cũng sinh lắm, chắc bây giờ nhớn lên lại càng đẹp hơn bội phần thì phải.

— Vâng, nó lấy ai ?

— Lấy ông kỹ-sư Ngô-Tâm.

— Lấy người sang trọng à ?

— Lấy ông kỹ-sư làng tôi, thân-phụ làm quan đại-tướng đã hồi hưu.

— Đám cưới to đấy nhỉ ? Muốn cho con gái lấy được chồng sang, như ta thường nói: mua danh ba vạn thì thằng khốn ấy phải sẻ nửa cơ nghiệp của nó mà nó đã bóc lột của thiên-hạ chứ, nếu như thế thật là giết nó đấy. Giá nó có chết đi cũng phải, nhưng nào nó đã chết được, mà nó lại sống dai cơ chứ.

Cô Bạch-Tuyết nghe thấy bao nhiêu, càng tím cả gan ruột bấy nhiêu, cứ cúi gầm mặt xuống thôi.

Bác Sã-Lai lại nói : « Có lẽ ông kỹ-sư làng anh cũng quay quắt lắm thì phải. Nếu là người có nhiều đức tính tốt không thêm đến của phi-nghĩa ấy, thời khi nào còn lấy con gái thằng Mã-tư-Lâm nữa. Nhưng được, để sau này ta xem thực hư thế nào, song cái thời-đại kim-tiền này ấy mà, có tiền muốn gì chẳng được, cần gì miệng đời mai mỉa nữa, quý hồ lắm su là hơn cả, càng nghĩ đến đời nay bao nhiêu lại đau lòng mấy nhiều..... Thằng Mã-tư-Lâm giàu có, chắc

con gái nó sau này. thày thày tứ tứ, se ngựa, ô-tô, nghênh-
ngang khắp phố, những trông thấy bao nhiêu cái sa-Loa
ấy, ta lại càng nghĩ đến bao nhiêu là mạng người mà nó
đã chôn sống.....

— Ủ, bác nói cũng phải lắm.

Thầy

— Này bác xem, nào bác cả Mão, bác cai Tâm, bác bếp
Lang và biết bao nhiêu người khác nữa..... Trước có vài
sào, sau vài sào, vốn thành lãi, lãi lên gốc, rồi dần dần
gán ruộng, gán nhà mà không đủ giả nợ. Nó tậu được cả
cái trại Nữ-Nhuế hơn trăm mẫu của tổ-phụ để lại cho năm
anh em bác Sã-Môn đấy. Cái thằng khốn ấy, nếu ai đã
nhỡ mà sa vào nó là điều-đứng khổ sở về nó ngay..... Nó
sảo quyết chí chớ ranh-ma lắm, hơn măn đình chuột, hễ
có dịp nào là vồ ngay mà bóp cổ mồm họng người ta cho
kỳ chết không tha.... Cái trại Cự-Lang ấy mà, trước kia
nó đến làm thuê ở đấy, bây giờ cũng về tay nó rồi, bà chủ
nó trước, ngày nay không có một manh áo lành mà mặc.
Nó lại tậu được cả cái lâu Ô-Mễ nữa cơ đấy, giờ ơi !.....
Đấy bác xem cũng vì thế mà nhân lúc tôi vận hạn, có bao
nhiều phải cầm bán cho nó hết cả rồi, phải đi ở nơi khác
đấy... Nó tệ quá lắm, cả đến vợ nó cũng chết về nó đấy.
Người sức vóc yếu ớt, nó bắt làm đầu tắt mặt tối, không
chịu nổi mà qua đời.

— Phải, bác nói phải lắm. Thế còn ông lục-sự Nông-
cổ-Lệ, bác có biết bây giờ đâu không ?

— Đâu hình như truyền lên ở Pha-Lê thì phải. Lão này
cũng phường buôn thịt, cũng tay giết người, cũng một hùa
với thằng Mã-tư-Lâm đấy, thôi còn hình luật nào mà trừng
trị được quân ấy nữa.

— Còn ông lục mới này có khá không, hay cũng một
môn cả.

— Không, ông lục này khá lắm. Người còn trẻ, lại là con
nhà đại-gia, tính hạnh ôn-hòa, ở ăn thuận hậu, ai cũng có
lòng yêu.

— Như thế càng may cho làng bác..

Gần đến Ô-Mễ, một bác xuống xe, từ giã bạn, đi tắt ngang đồng về nhà. Xe lại chạy, một thoáng đến Ô-Mễ, cô Bạch-Tuyết bảo dừng xe lại, xuống đi thẳng một thoi về làng.

Còn bác kia đến làng sau mới xuống, một mình ngồi buồn hỏi bác đánh xe :

— Người vừa xuống đó là ai thế nhỉ ?

— Bác lại không biết người ấy sao ?

— Không, tôi không được biết, giờ tối, không nhìn rõ mặt. Chứ người ấy cũng về làng này à ?

— Phải, người Ô-Mễ, chính cô Bạch-Tuyết đấy.

Nghe thấy tên cô cũng mặc kệ, chợt nhớ đến Mã-tư-Lâm, bác ta coi bộ giận dữ, nghiêng răng lắm bầm : kệ sác bố nó với nó, ta cũng chẳng cần gì phải xin lỗi ai cả....

Khi cô Bạch-Tuyết về đến lâu, Mã-tư-Lâm còn đợi chưa ăn cơm tối. Trông bộ cô có điều gì không được vui lòng, cũng kệ, không hỏi han gì đến cô cả, và cứ lăm lăm đi ăn cơm. Cô Bạch-Tuyết cáo mệt, nên ăn uống qua loa thôi.

Cơm nước xong, cô bèn xin phép cha đi nghỉ trước. Một mình trong chốn phòng khuê, nghĩ lại câu truyện lỏm nghe dọc đường, cô tưởng-tượng hình như trước mặt bao nhiêu vực sâu hố thẳm mà cô sắp phải dẫn mình vào mà không thể sao tránh được nữa. Đương khi đó, cuộc tương-lai của cô sau này, trước kia vui vẻ đầm-ấm như khi mùa xuân, bỗng nhiên tối sầm lại như đêm mùa đông, lạnh lẽo những sương cùng tuyết. Ôi thôi ! giờ hơi có hay, hi-vọng đâu nữa mà mong, đời người đến thế là xong kiếp người. Nhọc mệt quá, tâm thần áo não, cô thiu thiu ngủ mất. Trong mộng, cô trông thấy ở chung quanh lâu, một lũ cô-quả, kẻ già, người trẻ, bồ côi, bồ cút, nheo nhóc mà gầm thét : đói lắm, đói lắm, giờ ơi ! Mã-tư-Lâm ơi ! mày tệ bạc chi mấy thế !.....

VI

Sáng hôm sau, giờ đông hiu hắt, gió đông lạnh lùng, ánh sáng mặt trời bị mây đen mờ mịt, cũng khó mà chiếu được xuống đất, cô Bạch-Tuyết dậy, xuống vãn-an cha thời Mã-tư-Lâm đã đi ra thăm đồng từ bao giờ rồi. Thay sống áo, dựa qua loa mặt mũi, cô bèn chạy đến nhà bảo-mẫu, khi đó người cô tái nhợt như người sắp chết, hai mắt vùng đen dường như mất ngủ....

Bảo-mẫu trông thấy, sợ thay cho cô và hỏi cô rằng:

Bạch-Tuyết em ơi, sao thế hở em ?

Cô Bạch-Tuyết không sao cất tiếng nói ngay được, chỉ chạy đến ôm lấy bảo-mẫu rồi khóc nức nở lên.

— Giời ôi ! truyện chi thế em, truyện chi vậy.

Cô bèn cố gượng hỏi lại :

— Bảo-mẫu ơi, chứ Bảo-mẫu có yêu tôi không ?

— Giời ơi ! sao em lại hỏi thế, tôi vẫn yêu em mà !

— Nhưng Bảo-mẫu có yêu tôi lắm không ?

— Yêu em lắm, nhất trên đời này.

— Nếu bảo-mẫu đã yêu tôi, bảo-mẫu làm ơn nói cho tôi biết những điều dĩ-vãng mà bảo-mẫu đã từng mắt thấy tai nghe khi tôi còn ngây thơ bé dại.

— Nhưng biết nói cái gì được chứ ?

— Bảo-mẫu cứ nói cho thật tường tận cái điều mà tôi hỏi bảo-mẫu nhớ.

— Tôi nói cho em nghe hết, không sót chút nào, nhưng về việc gì mới được chứ ?

— Tôi muốn rằng bảo-mẫu không dấu tôi một tí mảy may nào cả nhớ ?

— Được, tôi không dấu tí gì đâu, tôi nói thật hết cho em nghe.

— Thế bây giờ bảo-mẫu hỏi nói rõ cho tôi biết đích rằng cái cơ nghiệp của nhà tôi tất cả được bao nhiêu ?

— Người ta đồn rằng cụ có bạc triệu, hơn cũng có nhưng chắc họ đồn sảng chứ làm gì được nhiều thế.

— Cứ thực ra cha tôi liệu có được bạc triệu không ?

— Giờ ơi ! tôi cũng không thể biết đích xác được.

— Thế thì bảo-mẫu với tôi thử tính phác xem nào.

— Cái trại Sã-Môn bao nhiêu ?

— Bỏ rẻ ra cũng hai trăm nghìn quan.

— Cái lâu Ô-Mệ này.

— Cũng gấp hai số ấy.

— Cái trại Cự-Lang.

— Cũng ngót ba trăm nghìn quan.

— Bảo-mẫu ơi ! đó cũng đã 900 nghìn quan rồi, ấy chưa kể trại Doanh-Cầu, trại Lý-Cù, trại Tây-Dương, trại Bối-Khê, vườn được, ao chuôm, tất cả lại không quá bạc triệu rồi ư ? Đấy nói là của nôi ngoài đồng đó thôi, lại còn cách ăn uống tận tiện như cha tôi, chắc cũng còn để dành được nhiều ít, lâu nay có thấy tậu gì đâu, hẳn ở nhà cũng để dành được số tiền khá to, chắc lại chẳng ngót nửa triệu nữa à ! Họ nói chả ngoa đâu Bảo-mẫu ạ.

— Giờ ơi ! Cô Bạch-Tuyết ơi ! cô tinh nhanh lắm và đúng lắm.

Cô Bạch-Tuyết vừa nói đến đấy, phát sốt người lên chân tay dun lầy bầy. Không kể của chìm, hiện trước mắt tôi đã thấy có triệu rồi. Bảo-mẫu ơi khi cha tôi lấy mẹ tôi, độ hai mươi năm nay, hãy là anh đi làm mướn có phải không ?

— Phải đấy.

— Ở làng mà gọi là hạng có máu mặt, hể ai có độ 100 hay 150 nghìn chứ gì.

— Ừ được đến thế cũng hiểm lắm.

— Thôi hãy cứ nói đại khái thế. Nhưng một người nông phu dầu ở làng ta thì họ phải bao nhiêu năm chăm chỉ cần-cù, bót ăn nhịn mặc mà để dành được một triệu.

— Cô Bạch-Tuyết ơi ! bao nhiêu năm à ! Phải suốt cả đời người và cả đời 10 người kế nghiệp khác vị tất đã có nổi. Đã hay rằng tiểu phú do cần, chứ đại phú như cụ nhà ta thời do thiên đày cô ạ.

Cô Bạch-Tuyết thở dài, lấy tay lau mồ hôi trán. Thế mà cha tôi khi trước không có một sào đất nào, mới trong vòng hơn 20 năm đã có bạc triệu, vậy bảo-mẫu ơi, cha tôi làm thế nào mà chóng thế.

Bảo-mẫu đứng lặng một lúc, không biết nói thế nào cho phải, sau thở thế bảo cô :

— Cụ ông nhà ta không phải như mọi người thường đầu Cụ ông với Cụ bà khi xưa làm ăn chặt vật, dầu tắt mặt tối, nên mới có cái gia-sản to như ngày nay.

— Song bảo-mẫu vừa nói, dầu có của sẵn, người ta cũng không thể làm giàu thế được cơ mà.

— Cô ạ, điều đó thì phải hẳn nhưng cô có biết đâu rằng cụ bà khi trước cũng có phần gia-tài cụ tổ để lại cho.

— À cái gia-sản của bà tổ Mã-Tinh tôi ấy à, phỏng được độ bao nhiêu ?

— Được độ 250 nghìn quan.

— Ừ như thế cũng chưa tới bạc triệu cơ mà ?

— Phải như sau cụ ông cứ tậu thêm vườn ruộng mãi mà lại được những dịp may cả.

— Chốc nữa ta sẽ nói đến chuyện tậu-đất cát ruộng ruộng, nhưng bảo-mẫu còn nhớ nghe thấy người ta nói rằng bà cụ Mã-Tinh còn một ông anh ở Phe Lê không ?

— Có lắm chứ,

— Ông cậu ấy tôi không được biết, không được thấy mặt, mà cha tôi cũng không hề nói truyện cho tôi biết, chẳng hay bây giờ sống chết thế nào, và có được nhiều con cháu không?

— Cứ như người ta nói thì cụ ấy được năm người.

— Thế ông anh ấy và các cháu có được tí gì về cái phần di-sản của bà Mã-Tinh không?

— Không cụ bà Mã-Tinh đem để lại cho tất cả cụ bà nhà ta.

— Thế ông anh này không được hưởng tí gì ư?

— Chẳng được một hột nào sốt.

— Chứ ông anh này, đông con thế có đủ ăn không?

— À ông ấy kiệt lắm, nợ như chúa Chờm vậy.

Cô Bạch-Tuyết lặng im một lúc rồi lại hỏi.

Bảo-mẫu ơi, thế mẹ tôi có được thông thả một chút không?

— Thông thả thời chẳng được thông thả, đến nghỉ ngơi một lúc cũng khó thay.

Nghe đến đó cô Bạch-Tuyết sực nhớ đến câu truyện nghe lỏm ở dọc-đường, bụng bảo dạ: “ Phải mẹ ta chết đi là vì phải làm lung quá sức đó ”.

— Cứ như nhờ người ta nói, nếu không có bảo-mẫu, có lẽ tôi cũng không còn sống đến giờ nhỉ?

— Phải khi em lọt lòng ra, người gầy yếu lắm, chỉ bằng cái nắm tay này.

— Thế công dưỡng dục bù trừ của bảo-mẫu nhiều lắm nhỉ, vậy bảo-mẫu đã được vừa ý chưa?

— Tôi phải đòi gì nữa. Thấy em nhớn khôn, là tôi bằng lòng lắm rồi. Vả lại khi đó, tôi nuôi cô, cụ ông đã tiền nong công sá đủ cả; cũng có khi dẫu cụ ông, cụ bà cũng thêm đồng quà tấm bánh cho cháu nữa....

— Có thế mà mẹ tôi cũng phải dẫu cha tôi ư?

— Cô Bạch-Tuyết ơi, cụ ông người khó tính lắm. Chặt bót, căn cơ từng ly từng tí ít người theo kịp....

— Bảo-mẫu cứ nói thật, làng xóm họ đối đãi với cha tôi là người thế nào.

-- Thôi em cứ hỏi lần thần mãi thế !

-- Trước kia bảo-mẫu đã hứa nói thật hết, không dấu tôi câu nào cơ mà ?

-- Nhưng thôi, em ạ, nói lắm thêm dờm tai...

— Tôi cũng đã biết người ta bảo cha tôi chẳng thiếu gì nhời rồi... Bảo-mẫu thờ dài, không nói gì cả, tôi đã biết, đời cha ăn mặn, đời con khát nước....

— Cô Bạch-Tuyết ơi, cô làm gì nên tội, cô thật là người hảo tâm lắm,

— Tôi ấy à ! tôi là con gái cha tôi mà ấy cũng là tại con ông Mã-sỹ-Lâm mà tôi làm cho người ta sợ, ai cũng không thèm chơi với tôi, ai cũng khinh-bĩ tôi, Nói đến đây, cầm lòng không được, cô bèn khóc nức nở.

— Giờ ơi ! cô Bạch-Tuyết ơi, thôi khóc làm gì cho nhọc. Cố gượng chùi nước mắt, rồi lại hỏi.

— Bảo mẫu cứ nói cho tôi nghe làm sao cha tôi đương là người làm mướn mà chỗ nên phú-ông được.

— Cô Bạch-Tuyết ơi, thôi cô đừng hỏi căn vặn tôi nữa.

— Được Bảo-mẫu cứ kể hết cho tôi nghe, đừng có ngại gì cả?

— Chả nhẽ em hỏi mãi mà không nói. Vậy em đừng có dạn Bảo-mẫu đã nói hết sự thực nhớ. Chính tôi cũng không biết rõ cứ như nhời người ta nói mà thuật lại cho em nghe.

Ông Cự-Lang lấy một con gái ông chủ Mỹ-Châu. Khi ông này mất, gia tài bèn chia cho bốn con. Ông Cự-Lang xin lấy trại ấy, phải định giá, rồi chia tiền cho ba người kia. Lúc đó, tiền không đủ, phải đi vay chứ. Ông ta bèn đến vay nhà ông Lục-Nông-Cổ-Lệ, chứ không đến Cự nhà ta. Vẫn biết tiếng cụ nhà ta có tiền nhưng thường cho vay nặng lãi quá. Nhưng ông ta có biết đâu ông Lục này cũng

quỷ-quyệt lắm. Hễ xem ai có cần bản ruộng nương nhà cửa mới cho vay, rồi lại thoái thác rằng tiền đó người ta gửi, chứ mình cũng không sẵn. Kỳ thực ra là tiền của cụ nhà mà ông Lục là người đầu gà vậy. Thường thường, cụ nhà không đứng tên cho vay, mà lại tên các người khác, chính ông Lục đặt ra đề chánh tiếng. Như thế, ông Cự-Lang muốn vay 70.000 quan, chỉ kiến-kim được có 50.000 thôi. Cô xem thế dẫu có vay nhà ông Lục cũng như là vay ở cụ nhà ta vậy. Ông Cự-Lang phải giả món tiền ấy trong sáu năm, lãi năm phân.

— Thế thời gồm quá nhỉ ?...

— Lại khốn nạn cho ông Cự-Lang nữa chứ ! Định vay về, giả xong đầu đấy, lấy trại làm ăn, kéo cây giả nợ, ai ngờ giời chẳng cho làm, nên hết tai-ương nợ lại dúi do kia. Năm thì sương muối, năm thì sâu ăn lúa, năm thì ngập lụt, năm thì dịch bò ngựa, năm thì hỏa-hoạn, cháy hết cả mấy cót thóc... Ông Cự-Lang đã định đem thóc bán để giả nợ ít nhiều, ai ngờ ra tro cả, thành thử lại phải đến nhà ông Lục vay thêm mãi vào, mà ông Lục cứ chích lãi như trên... Được vài năm phong đăng hòa cốc, ông làm ăn cũng khá, định cố vài năm nữa cho hết nợ, ai ngờ, cố quá, kiệt lực, mắc bệnh mà tự trần. Khốn nạn thay cho ông ấy ! Bà Cự-Lang chữa qua nạn xong, giấy nợ đã đến thúc, thân gái góa, làm gì được mà giả nợ, đành chịu để đem ra tòa biên tịch gia sản.

— Thế cái trại ấy bán được bao nhiêu.

— Một trăm ba mươi nghìn quan, nghĩa là chỉ đáng nửa tiền khi mới tậu, vì trong làng không còn có ai tậu nữa.

— Như vậy cha tôi chỉ mua cái trại ấy vốn độ 9 nghìn thôi ư ?

— Phải rồi.

— Bảo-mẫu ơi, thế có còn gì cho bà góa ấy không ?

— Chả còn gì sót. Bắt cả bò, ngựa, thóc lúa, cũng gọi là mới đủ tiền giấy bút.

-- Ô, như thế thời quá lắm nhi?

— Này, nhưng sao cô cứ tò-mò hỏi làm gì thế?

— Tôi muốn hỏi cho biết, chứ có gì đâu. Chắc còn các trại kia, cũng mua lỗi thế chứ gì?

— Bảo-mẫu cúi đầu xuống, không nói gì hết.

— Bảo-mẫu ơi, cho vay nặng lãi, đến khi không giả được, lại chình tóa tịch biên, làm cho nhiều người khổ sở để lấy sướng một mình! Cái cách phi nhân bạc nghĩa ấy, cha tôi đã thi-hành ngay từ lúc chanh gia-tài của bà gi tôi rồi.... Hể cha tôi đã dùng tay đến nơi nào là khốc hại đến đấy!... Giờ ơi! như thế đê nhục cho tôi biết là đường nào!...

Nói đến đó, cô Bạch-Tuyết bưng mặt vào tay khóc hu-hu lên. Bảo-mẫu thấy vậy, không biết làm thế nào cũng khóc òa lên rồi bưng bảo dạ, biết thế thà trước kia ta đừng kể truyện lại cho cô ấy có được không.

Một lúc lâu, cô Bạch-Tuyết ngàng mặt dậy, hai mắt đỏ hoe, nét mặt dầu dầu.

— Bảo-mẫu ơi, tôi xin đa tạ Bảo-mẫu.

— Thôi, cô còn phải ơn huệ gì tôi nữa.

Tôi phải cảm tạ bảo-mẫu lắm, vì có bảo-mẫu nên tôi mới biết căn-nguyên thế. Bây giờ tôi hiểu cả đầu đuôi rồi, tôi không dám hỏi bảo-mẫu nữa.

— Nhưng cô Bạch-Tuyết ơi, cô định làm gì thế, trông thấy mặt cô sầu sầu khổ, tôi không đành lòng chút nào.

— Tôi định làm ấy à, bảo-mẫu sẽ biết. Thôi xin phép bảo-mẫu tôi đi về kẻo chưa rồi.

Về đến nhà, thấy cha còn ở ngoài đồng, cô bèn chạy ngay vào phòng đóng kín lại. Bao nhiêu nỗi sầu bi, khí uất ức ở đầu bốc lên ngùn ngụt, cô bèn nằm phục ngay xuống ghế, bưng bảo dạ thà chết đi còn hơn là sống mà nhem nhục thế. Cái thân ta, càng nghĩ bao nhiêu thêm đau lòng

bấy nhiêu. Từ khi ta lột lòng ra đến ngày nay, cơm nặng áo dày, tiền học phí, điều là của phi-nghĩa cả. Ta đã ăn hết cả phần của những đứa khốn, không có mà ăn, mùa đông tháng giá này, manh áo không có mà mặc, đương phải ăn xương gỏi tuyết, thế có cực không? Nghĩ đến đây, cô đứng phăng ngay dậy, trông mặt đương có điều ân-hận.

« Này những quần áo ta đương mặc, các đồ nữ trang ta đương đeo đây, thật không phải của ta chút nào cả. Ấu là ta đem mà gấp, cất cả vào hòm, kéo càng trông đến càng thêm tủi thân ta. »

Về phần cậu Ngô-Tâm, từ ngày đính ước đến giờ mỗi ngày dằng dằng coi bảng ba đông, chỉ mong sao cho chóng đến ngày nghinh hôn. Lúc nào cũng mơ tưởng đến ai, hễ được dịp nghỉ nào là vội lại chơi nhà ông nhạc ngay. Hôm ấy là ngày chủ nhật, mới mười giờ mà cậu Ngô-Tâm đã đến lầu Ô-Mê và Mã-Sỹ-Lâm cũng vừa ở đồng về song. Hai người truyện trò một lúc rồi người nhà lên mời cô Bạch-Tuyết xuống có khách. Cô bấy giờ cũng biết ngay rằng cậu Ngô-Tâm, bất đắc-dĩ cô phải xuống để tiếp đón, nhưng không trang điểm gì cả và nét mặt hơi buồn bã thỏ lộ ra ngoài.

— Thưa lạy cha, chào cậu ạ.

Cậu Ngô-Tâm, trước lúc đến bụng chứa bao nhiêu là điều vui vẻ chợt trông thấy lấy làm ngạc nhiên, trong bụng bối rối, không hiểu duyên do ra sao cả.

Mã-Sỹ-Lâm lầm bầm một mình: hừ, hừ, mới lạ cho chứ! Sao bây giờ nó lại thế kia. . . Cậu Ngô-Tâm tái người đi, nét buồn hiện ra mặt, bụng nghĩ rằng hẳn đã có điều gì trở ngại đây, và cứ nhìn chăm chăm cô Bạch-Tuyết một cách ngạc-nhiên. Mã-Sỹ-Lâm thấy vậy, lại càng khó chịu lắm, cứ gãi tai hoài. Sau cậu Ngô-Tâm cất tiếng hỏi cô Bạch-Tuyết: Thưa quý-nương, hẳn quý-nương đã có điều gì buồn bực chăng? Cô Bạch-Tuyết chỉ thờ dài không nói gì cả.

-- Thưa quý-nương hẳn quý-nương đã có điều gì phiền muộn xin cho tôi biết, họa may tôi có thể giải được chút nào chẳng?

-- Thưa cậu nhưng bây giờ em chưa có thể nói được.

-- Vậy quý-nương định đến bao giờ?

-- Thưa cậu, xin để cơm sáng xong.

-- Phải trông mặt cũng đã biết ngay rằng có điều gì phiền muộn mà.

-- Cái buồn này to lắm, thật là sâu thanh vậy.

Cậu Ngô-Tâm nghe xong, gượng mỉm cười rồi nghĩ ngợi, không thể đoán được là cái buồn gì mà to thế. Còn Mã-Tur-Lâm vốn biền lặn xưa nay, thấy nói cái buồn ấy to lắm đã tưởng ngay rằng con gái mình đòi thêm của hồi-mòn chẳng, bèn nói toạc móng hươu : hừ, hừ nếu mà tôi biết được cái buồn ấy tôi muốn chết ngay đi cho rồi.

Ba người đương ngồi đó cùng nhau, mà chỉ nghĩ mỗi người một nơi, mà cùng đương phân vân, không ai hiểu ý ai cả, cảnh tượng lúc đó trông rất là lạnh lùng, chợt có người nhà mời đi ăn cơm sáng.

Cơm nước xong, Mã-Tur-Lâm thấy cô Bạch-Tuyết nét mặt vẫn ủ uê, lấy làm khó chịu, bèn tảng lờ ra vườn đi chơi bách bộ để mặc ai trên đó tự tình với ai.

Cô Bạch-Tuyết bèn thưa rằng : «Cha cứ ngồi đây mà hút thuốc như mọi khi, không ngại gì cả, vì những điều con muốn thưa với cậu Ngô-Tâm đây là những điều thiết thực, ai nghe cũng được và cũng phải cả.

-- Ủ thế được, vậy con truyện đi ta nghe.

Trong khi đợi nghe câu truyện, Mã-tur-Lâm bèn lấy thuốc bỏ vào điếu « cày » và đánh riêm hút.

Cô Bạch-Tuyết trong dạ bồi hồi, song gắng hết sức can đảm mà thưa với cậu Ngô-Tâm.

-- Thưa cậu, tôi thật đã làm cho cậu phải thất vọng rồi,

và trước khi dãi tấm-lòng trinh-bạch của em, em xin cậu tha lỗi cho. Từ bữa nọ, cậu đến chơi nhà em, em đã nghĩ đi nghĩ lại chín lăm rồi, em nhất quyết rằng từ nay giở đi, để thường đôi ta cũng không được gặp nhau nữa : Cái đó là sự bất đắc dĩ, em đâu muốn chi thế, xin cậu bỏ quên cái thân mệnh bạc này đi, đừng nghĩ gì đến nữa cho hao tổn lòng vàng.

-- Cô Bạch-Tuyết ơi, cô bảo tôi từ nay giở đi, đừng nghĩ gì đến truyện trăm năm của đôi ta nữa ư ?....

-- Thưa vâng, em đã quyết như thế, xin cậu lượng xét cho.

Cậu Ngô-Tâm ngờ ngẩn cả người như sét đánh ngang tai, gượng hỏi lại cô Bạch-Tuyết, tưởng như mình trong mộng : « Chứ cô nói gì vậy ?....

Mã-tư-Lâm nói : « Con ấy nó điên dồ nó nói nhảm đấy. Cô Bạch-Tuyết trong lòng uất ức lăm, xoe tròn hai mắt rồi nói rất hùng hồn : « Tôi không đi xuất giá nữa đâu.

Cậu Ngô-Tâm tái người đi, mồ hôi ướt chán, bèn lấy mù-soa lau rồi than thở rằng :

— Tinh một đặng, ra một nẻo, thật tôi không hiểu câu truyện sao lại ra thế nhỉ ?

Mã-tư-Lâm nói :

— Cậu Ngô-Tâm ơi, thật tôi cũng không hiểu sao cả, có lẽ bây giờ nó điên chắc. Nếu nó làm như thế, nhờ cả việc mất. Thôi bây giờ cậu ở lại đấy với nó mà hỏi đầu đuôi gốc ngọn làm sao ra thế. Nói xong, Mã-Tư-Lâm đi ra vườn, nét mặt còn hăm-hăm, bụng nghĩ ngay rằng :

— Ừ được, nếu mày không đi lấy chồng, càng hay ta lại càng khỏi mất 150 nghìn quan, con cái nhà cũng biết nghĩ đến cha chưa giàu có lăm, nên chưa muốn lấy chồng vội. Ừ thế cũng xong.

Khi cậu Ngô-Tâm một mình với cô Bạch-Tuyết, cậu bèn đi dạo đến gần hỏi cô rằng :

— Cô ơi, sao cô nhân-tâm thế,.... sao cô lại cự-tuyệt tôi đi cho đành lòng.., tôi có điều gì nhằm lỗi để cô mếch lòng chẳng ?

Cô Bạch-Tuyết trong bụng buồn bực quá chỉ giả nhời :

--- Thưa cậu, cậu không có nhằm lỗi gì.

--- Thưa cô, sao cô lại cự-tuyệt làm vậy ? Chẳng hay duyên cớ ấy vì đâu nên nổi, xin cô cho tôi biết với.

--- Thưa cậu, tôi cũng không thể biết được.

--- Cô ơi, quý nương ơi, nếu cô cứ nin lặng, dấu kín đi thế là cô tàn-nhân quá. Nhưng nếu cô cứ thế mãi, khỏi sao tôi không nghi ngờ cái bụng của cô được.

--- Cậu Ngô-Tâm ơi, cậu không nên nghi ngờ gì cả, tội nghiệp lắm cậu ơi.....

Cậu Ngô-Tâm, đứng lặng yên một lúc, nhìn cô Bạch-Tuyết một cách chua sót rồi lắc đầu mà than thở cùng cô rằng :

--- Trước khi tôi đến đây, tôi đã vội nghĩ rằng còn cái vui-thú nào hơn là được nói truyện tri-kỷ với một người yêu nữa không ? Đương lúc đi đường dài, tôi trông cái gì cũng vui, hoa cỏ đua tươi, chim kêu vượn hú ra chiều đón đưa, bụng tôi đã mừng thầm rằng tao vật cũng như mình hoan hỷ cả, ngờ đâu đến đây, thấy cô nói năng nhường này, thật tôi không hiểu ra sao cả.

Cô Bạch-Tuyết cứ thở dài, không nói chi hết. Cậu Ngô-Tâm lại nói luôn :

— Tôi bây giờ không thể nói được rằng tôi đứng cạnh cô Bạch-Tuyết khác được. Mới ba hôm nay, đôi ta đã cùng nhau vui vẻ biết bao, bàn hết truyện nọ truyện kia, nào là cuộc tương lai, chan chứa những điều hi-vọng khó đo, nét mặt cô hơn hờ tươi cười, tôi trông thấy lòng này càng thêm yêu mến. Ngày vui ngắn chẳng tày gang, ngoảnh lại, vừng kim ô đã gác non tây, dùng dằng chữa nữ dời tay, cô còn dặn với, mau mau cậu lại chơi em nhà.. Mới ba

hôm nay mọi sự đã khác hẳn rồi ; giấy má tôi đã sắp cả đây để làm tờ cheo cưới, tưởng rằng đến đây, cô chạy ra tiếp đón vui vẻ, ai ngờ cô lại nghiêm nhiên mà nói : tôi không lấy chồng nữa là nghĩa làm sao ?.....

Cô Bạch-Tuyết, cúi đầu xuống sụt sùi khóc.

-- Mới ba hôm nay, đã có điều gì thất ý, cô không bảo cho tôi biết... Nếu tôi có làm điều gì không phải, cô bảo ngay giữa mặt và cự-tuyệt, tôi cũng cam-tâm.

Cô Bạch-Tuyết bèn nức nở khóc. Cậu Ngô-Tâm cũng động lòng và hỏi luôn:

-- Cô Bạch-Tuyết ơi, tôi vẫn một lòng yêu ai vì nết vì tài, muốn cùng ai kết dải đồng tâm, vậy lòng sở vọng ấy, những khi truyện trò thệ hải minh sơn đều là giả mạo cả ư ?

-- Cậu ơi sao cậu nói thế, thà cậu giết ngay em đi còn hơn.

-- Cô Bạch-Tuyết ơi, thế cô lại không đâm chết tôi rồi đó sao ? Trong lòng tôi có bao nhiêu điều hi-vọng, muốn cùng cô chung gánh giang san, trước kia cô một lòng một ý, đến nay, cô bảo thôi đi đừng nói đến nữa, thế là cô giết tôi bằng cách sàu khổ đó.

Quý-nương ơi, xin lượng xuân bảo cho biết một nhời này nữa thôi : chẳng hay quý-nương có thể đoái thương đến thân hèn mọn này không ?

Cô Bạch-Tuyết ngừng đầu lên và giả nhời một cách không thể tả được:

-- Em vẫn yêu cậu lắm...

-- Cô yêu tôi, mà cô lại bảo tôi thôi đi đừng nghĩ gì đến nữa, thôi còn ai hiểu được nữa không ?

-- Tôi không thể cùng cậu sớm hôm hầu-hạ, sửa túi nưng khăn được.

-- Nhưng, giờ ơi, tại sao thế ?

-- Nếu tôi có thể chần tình được mọi lẽ, cậu không phải hỏi tôi nhiều lời làm vậy.

-- Cứ như thế, tôi xem, vẫn có điều gì ngăn trở cho truyện trăm năm của đôi ta rồi. Xin cô làm ơn bảo cho tôi biết truyện ấy, tôi sẽ hết sức làm tan cái đó đi.

-- Làm được cái đó, khó lắm. Cậu cũng vậy, tôi cũng vậy, bất cứ ai, khó lòng mà làm nổi.

-- Nhưng cô cứ thử cho tôi biết việc đó là việc gì xem nào.

-- Không thể nói ra lời được.

-- Thế là điều bí-mật à ?

-- Thưa vâng.

-- Thế tôi từ nay mà đi phải lia cò ư ?

-- Thưa vâng.

-- Phải nhất quyết không được gặp mặt nhau nữa ư ?

-- Thưa vâng.

-- Thế cái điều bí-mật ấy tôi có thể tưởng tượng được không.

Cô Bạch-Tuyết nhìn cậu Ngô-Tâm một cách vừa lo buồn và dò ý tứ cậu rồi nói :

-- Cậu ơi, em thật là khổ sở lắm. Nói xong, cô bèn ngồi phục xuống ghế, đầu gục xuống khóc nức nở lên.

Cậu Ngô-Tâm thấy thế cũng sót xa trong dạ quá.

-- Này cô Bạch-Tuyết ơi, cái hạnh-phúc mà đôi ta vẫn ước ao dầy tan đầu mất cả ấy nhỉ.

-- Thôi xin cậu lượng xét cho, cậu càng nói em lại thêm áo nảo.

Lặng im một lúc rồi cậu Ngô-Tâm lại nói :

--- Thế chốc nữa tôi biết thưa với cụ thế nào ?

--- Thưa cậu, lòng em đã quyết thế đấy.

— Nghĩa là từ nay mà đi cô không muốn nhận tôi là chồng nữa chứ gì ?

— Thưa cậu tôi cũng không muốn là vợ cậu, mà cũng không muốn là vợ ai cả đâu.

— Thôi, cô ơi, chắc người khác còn hơn tôi nhiều có phải không ?

— Cậu ơi, còn ai muốn lấy tôi là đứa khốn nạn này nữa không ?

Cậu Ngô-Tâm hồi tâm lại và nghĩ ngay rằng : cô Bạch-Tuyết thật là người nết na đoan chính, chứ không có điều gì ám muội đâu. Một lúc im lặng rồi cậu lại hỏi :

— Thưa cô, cứ như ý cô thì tôi phải xa cô ít lâu hay là cự tuyệt hẳn ?

— Thưa cậu, duyên đôi ta dễ chỉ có thế mà thôi.

— Thôi thế là hết mong cùng nhớ, xin đa tạ cô lắm.

Khi cậu Ngô-Tâm đi ra khỏi, một mình trong phòng cô Bạch-Tuyết vẫn than khóc hoài, một mình lại khóc với mình, ai ơi biết nỗi tâm tình này chằng ?..

Khi cậu Ngô-Tâm ra đến vườn, Mã-tư-Lâm đương đi thung-thắng trông thấy bèn hỏi :

— Thế cậu đã hỏi được duyên có ra sao chưa ?

Cậu Ngô-Tâm lắc đầu một cách buồn rầu...

— Chừng không thể làm cho đôi bên được thỏa thuận à ?

— Thưa cụ, thế là xong cái hy vọng của tôi, từ nay là cự tuyệt. Tôi từ nay không được trông thấy cô ấy nữa và cô ấy cũng bảo tôi đừng nghĩ gì đến cô ấy nữa. Như thế cụ tính có nghe được không ?

— Hay tại thầy không biết cách nói cho nó bằng lòng chứ gì ?

— Cô ấy cứ một mực khẳng khẳng rằng : nhất định không lấy chồng nữa. Ấy chính là cái bí-mật mà cô ấy không muốn nói ra.

Nói xong, cậu bèn từ giã Mã-tur-Lâm rồi lững thững ra về, trong lòng chán nản, hần bụng nghĩ đến các việc ở đời điều phẩn trắc cả, mà cái ở đời vẫn cho là hạnh-phúc chẳng qua là mộng ảo cả. Vừa đi, cậu vừa nghĩ đến việc vừa qua, cậu vẫn biết cô Bạch-Tuyết người chinh-dịch không như ai kia liễu tường hoa ngõ mà phải cự tuyệt cậu đâu, chính lúc tiếp đãi cô cũng buồn rầu, trong câu truyện những than cùng thở và câu sau cùng nhất định không lấy chồng nữa, nghĩ đến đó, cậu ái ngại thay cho cô đầu xanh đã tội tình gì, và thương cho mình gặp lúc vô duyên. Vừa đi vừa nghĩ quanh quẩn đến cái điều bí-mật, điều bí-mật gì mà không ai tìm ra được thế?..

Khi cậu Ngô-Tâm đi khỏi rồi. Mã-tur-Lâm cũng không cần hỏi ngay đến truyện cô Bạch-Tuyết làm chi, bác ta cứ ra thẳng đồng nuôi súc vật, xem lúc đó đã ăn cỏ chưa. Vừa đi vừa nghĩ, mùa đông tháng giá sắp đến nơi, sương xa, tuyết phủ cỏ non còn lâu mới có, âu ta đem bán chuyển bò này nuôi đã béo, đến tháng xuân sang năm ta lại mua đàn gày khác, như thế mới được lợi chứ. Đến nơi xem xong một lượt, đầu vào đầy cả, mãi giờ đã sẩm tối mới ra về, mồm lầm bầm : cứ trăm bò này là ta lãi 1000 quan là it...

Về đến nhà, trông Thấy cô Bạch-Tuyết, Mã-tur-Lâm cũng hỏi làm truyện :

- Này chứ sao con lại nhất quyết cự tuyệt cậu Ngô-Tâm
- Thừa cha điều đó con đã nhất định rồi.
- Thế con không muốn lấy chồng nữa ư? Sao con không định ngay từ khi người ta đến hỏi có hơn không, bây giờ đã yết-thị cả ra tòa Đốc-Lý và nhà thờ con mới nói, giá trước một tí có hơn không? Thói thường, cũng có khi ăn hỏi xong, họ nhà gái lại giở mặt cũng không lấy gì làm lạ, vì các cô thiếu-nữ ngày nay tinh nết kỳ khôi lắm. Lúc cao hứng lên thì thuận ngay, rồi lại nghĩ quanh quẩn thế nào không thuận nữa nhà giai cũng chẳng làm gì được vì bao nhiêu sinh-nghi đem đến nhà gái là của mất không đòi vào

dâu được... Thôi thế cũng phải, từ giã cậu Ngô-Tâm không đến đây mà quấy giầy con nữa...

— Thưa cha, nếu cha nhận nhời là vì con thuận lấy cậu Ngô-Tâm. Bây giờ con không lấy nữa, là lỗi tại con, cha cũng thế thôi có hề gì?

— Thôi được, con lại được ở đây với cha. Có vui gì để cha già ở lại một mình mà đi lấy chồng cho cam. Con không muốn lấy chồng cũng phải đó... Nhưng nói thật, con có muốn xuất giá không?.. Tội gì mà để anh con giai nó mang con đi, lấy chồng mà làm gì? lấy chồng không được như khi còn con gái dâu, như khi còn ở nhà với cha với mẹ dâu, lấy chồng khổ sở lắm cơ đấy, lấy chồng phải gánh giang san nhà chồng, chứ không phải chuyện chơi.

Cô Bạch-Tuyết nghe thấy những nhời cha nói lấy làm tức giận quá, song cô vẫn phải lặng im mà nghe...

— Này con ơi, cha nghe như con cũng chưa nói cho cậu Ngô-Tâm biết vì có gì mà con lại giở mặt chóng như vậy có phải không?

— Thưa cha vâng, con không có nói tí gì cho cậu ấy biết cả.

— Ấy cũng vì thế mà cậu ta như đại như ngày. Này con ơi, con thế cũng khôn đấy không nói cho cậu ta biết cái bụng con, vì cha chắc rằng cũng có cái không nên nói mới phải..... Thôi bây giờ chỉ có cha con ta, vậy con thử nói cho cha nghe xem nào.

-- Thưa cha, con là phận gái, đã chẳng định dùng tích sự gì cho cha, đến khi đi xuất giá lại đem của về nhà người 150 nghìn quan cũng là một món tiền to, cha mà kiếm được số ấy cũng hao tổn nhiều mồ hôi nước mắt, thế mà chỉ vì việc cưới con mà cha phải túng bán suốt đời, con lấy làm cực lòng lắm.

— À ra bụng con nghĩ thế à?

— Thưa vâng. Cũng có nhà khi cưới con gái muốn lấy số diện với làng xóm, cho của hồi môn những trăm nợ nghìn kia nào ruộng, nào nhà, đấy là các nhà hào-phú đã đành, chứ cha con mình canh nông vi bản, con vẫn biết cha ở cái lâu này to thật, song con có đại dột gì mà không biết rằng cha chỉ có đất thôi, chứ tiền bạc nhiều thì làm gì có ?...

— Phải con nghĩ thế là sác đáng lắm đấy.

— Thưa cha, con nghĩ đến thế, nên con không thể nào để cha phải tai hại vì con, mà con nhất quyết không đi lấy chồng nữa.

— Thế là con định vậy à ?

— Thưa vâng.

— Con biết nghĩ thế, con thật là con gái của cha, 150 nghìn quan là một món tiền to, vả lại đối với một người nhà quê như cha đây chỉ có đất không có tiền, muốn lo bề gia thất cho con gái phải đi vay thời khổ thật.

— Chả nhẽ nào con lại đành lòng đi lấy chồng để cha già phải khổ sở cho đang.

— Thế con nhất quyết rồi đó.

— Thưa vâng, không có cái ma-lực nào có thể làm chuyển được lòng con nữa.

— Này con ạ, con nghĩ thế rất phải. Việc vợ chồng là việc khổ, lúc về nhà chồng phải lo liệu cho nhà người ta, nên nhiều cô con gái lúc đi lấy chồng rồi, không dám đang nổi mà phải lộn chồng đấy con ạ. Con đừng đi lấy chồng nữa, con cứ ở đây với cha thì hơn.

— Thưa cha, còn như ở đây với cha thời con không định thế đâu.

— Thế con định làm sao ?

— Con muốn mai đi nơi khác.

— Con nói bốn cha đấy ư ?

— Thừa cha con nói thật đấy.

— Thế, tại sao con lại muốn bỏ cha mà đi ư ?

— Vì con lại định việc khác nữa.

— Thế con định đi đâu bây giờ và làm gì ?

— Con định ra tỉnh để kiếm kế sinh nhai.

— Con diên đấy à ?

— Con không diên đâu.

— Con kiếm cách sinh nhai... thời con biết làm gì được?

— Thế cha đã quên rằng con đổ cô giáo rồi ư ?

— Ừ phải rồi.

— Thừa cha, cha đã phải làm nhiều, mẹ con cũng thế, đến lượt con, con cũng phải làm, chả nhẽ ngồi bó tay mà ăn hại cha ư ? Con không phải là con nhà dài các, con thấy các chị bạn gái, hái dâu trăn tằm, vá sắn quai cồng, mò cua bắt ốc, con cứ nghiêm nhiên ra bộ khuê-các, con lấy làm hồ thẹn lắm.

— Các con gái nhà quê, thời công việc đồng áng là phận sự mình đã đành đi rồi, còn con thì.....

— Con không thể làm việc ngoài đồng như họ đã đành, nhưng chẳng lẽ con cũng không làm được việc khác ư ? Người ta sinh ra ở đời, kẻ làm việc này, người làm việc khác, tùy theo sức-lực mình, con lấy làm thẹn mà ăn đứng ngồi dỗi lắm.

— Nhưng con có ngồi không lúc nào đâu ? Từ khi con về ở với cha, lúc nào con cũng săn-sóc trong ngoài, hay đường kim mũi chỉ, vá may đấy chứ ?

— Thừa cha, kim-chỉ, vá-may thời tầm thường quá, chưa gọi là kiếm ăn được.

— Thôi thế là đủ, hễ cha cho được là được rồi.

--- Nhưng con nghĩ thế, lấy làm chưa được vừa ý.

--- Con ơi, vẫn biết rằng cha không giàu cho lắm thật, song cũng đủ cho con ăn, con cứ ở yên đây với cha, đừng đi nữa.

--- Nhưng, thưa cha, con không muốn ở đây ăn báo cha.

--- Có báo là mấỵ, mà con sợ.

--- Thưa cha, cha mẹ đã phải làm nhiều, con cũng muốn bắt chước tập làm, tập ăn, vì kiếm được ra mà tiêu, mới biết thích, con đồ cô giáo, con cũng muốn luyện tập nghề của con.

--- Ừ, ừ, thế con đã nhất định chưa ?

--- Thưa cha, con nhất định rồi.

--- Ừ thôi được, con muốn thế, cha cũng chiều lòng. Con định đến mai đi à ?

--- Thưa vâng.

--- Thế con đã chắc tìm ngay được việc ư ?

--- Con sẽ liệu sau.

--- Ừ, thôi được. Con có cần tiền, để ăn đường không ? Độ bao nhiêu thì đủ.

--- Thưa cha, con không cần gì đến tiền nong cả.

--- À, thôi cha hiểu rồi, con lại định đến trường bà-sờ chứ gì ?

--- Thưa cha, chính ở đó ; con định xin bà sờ chính cho con một lớp trẻ con. Con chắc thế nào cũng được rồi, con chỉ xin cha, đừng bảo cho ai biết rằng con ở đấy thôi.

--- Được, nhưng thỉnh thoảng con về thăm cha chứ ?

--- Con bao giờ cũng nghĩ đến cha luôn, nhưng không biết rằng có rảnh mà về được không ?

Nói xong, hai người ngồi yên một lúc, rồi đi ăn cơm tối. Cơm nước xong, cô Bạch-Tuyết bèn đi lấy hộp đựng các đồ nữ-trang để ở trong phòng cô ra.

--- Trong đó có gì vậy, hở con ?

--- Thưa cha, con không biết các thứ này giá bao nhiêu, con xem ra quý hóa lắm, nếu con đi dạy học mà đeo các thứ này, sợ làm đáng quá, nên con muốn gửi lại để cha giữ hộ.

— Được, con gửi cha, rồi sau con lại lấy cũng được...

Sáng hôm sau, cô Bạch-Tuyết từ giã cha, Mã-Tur-Lâm thấy mang có một cái va-lit, bèn hỏi rằng :

— Còn các áo mũ hàng tây, hàng ngoại-quốc, con không mang đi à ?

— Thưa cha, chỉ bằng này là đủ, còn các thứ hàng kia, ở trong trường bà sờ không dùng được... Ở đây chỉ cần có một thứ, con đã mang đây...

Nói xong, cô bèn từ giã cha để lên đường. Cô bèn xuống thang đi cho nhanh hết cái gác, cái lầu khốn nạn ấy, đã gieo vạ cho bao nhiêu người. Nhưng ra đến chỗ xe đỗ, lại sớm quá phải đợi đến hơn nửa giờ nữa, nhân tiện cô bèn đến chào qua bảo-mẫu một thề. Đến nơi, thấy bà đang thu dọn trong nhà.

— Kia, cô Bạch-Tuyết đấy à ? có đi đâu sớm thế ?

— Bảo-mẫu ạ, chốc nữa tôi ra tỉnh, nên tôi lại chào bảo-mẫu đây.

— Được, như thế hay lắm, nhưng cô đi lâu à ?

— Vâng, tôi đi lâu mới về.

— Thế bao giờ cô về ?

— Tôi đi cũng chưa biết đến bao giờ mới về mà có lẽ cũng không muốn về đây nữa...

— Thế, cô nói thật hay đùa thế ?

— Tôi nói thật đấy...

— Không, tôi không tin đâu... Thế còn lễ nghinh-hôn của cô thời sao ?

— Thôi còn gì nữa mà mong... Tôi có đi lấy chồng nữa đâu ?

Bảo-mẫu nghe thấy thế đứng lặng giờ lâu, mắt nhìn cô Bạch-Tuyết rất lấy làm ái-ngại thay cho cô.

— À, thôi phải rồi — tôi đã hiểu rồi — cô đi, cô định bỏ làng mà đi vì... cô cũng không muốn lấy chồng nữa

là vì..... Phải thảo nào hôm qua tôi hỏi cô «Vậy cô định làm gì -- Tôi sẽ biết.» Đó là cái sở-định của cô, và chính tôi đã gây ra cái truyện này, thật tôi là một con mẹ độc ác nhất trần đời vậy. Nói xong bảo-mẫu dãn dãn nước mắt khóc.....

— Thôi bảo-mẫu ơi, bảo-mẫu đừng khóc nữa, và đừng nghĩ quẩn làm gì thêm phiền, bữa qua là bảo-mẫu chỉ nói lại rõ ràng cái điều mà tôi chưa hiểu rõ đó thôi; trước khi tôi đến từ giã bảo-mẫu, thì tôi đã định rồi, bảo-mẫu đừng ngăn trở nữa. Nếu bảo-mẫu có thật yêu tôi, không muốn cho tôi phải khổ sở, bảo-mẫu cũng đừng kể cho ai biết cái việc đã xảy ra ở trong gia-đình tôi, rằng tôi đã biết cái tham tàn của cha tôi, rằng tôi đã quyết không lấy cậu Ngô-Tâm nữa..... Chắc sau này làng xóm họ bàn truyện với nhau rằng, nhà quan Đại-Tướng, dò xét biết cha tôi làm nên giàu có bằng cách đê-mạt thế, nên không muốn lấy tôi về làm dâu nữa..... Nếu sau này, có hẫng thế thì bảo-mẫu cũng bỏ ngoài tai, mặc cho những miệng rông rài, đã đặt truyện nọ truyện kia.

— Thế lúc cô ra đi, cô có nói truyện cho cụ ông biết không ?

— Có, tôi nói rằng tôi muốn đi tìm việc làm.

— Thế cụ không nói gì à, cứ để cho cô đi ư ?

— Cha tôi không thể giữ tôi được. Vả cha tôi xưa nay vẫn ở một mình quen, nếu tôi cứ ở đây chỉ thêm phiền cho cha tôi thôi.

— Thế còn cậu Ngô-Tâm, cô giả nhời cậu ấy làm sao ?

— Tôi chỉ nói, tôi không muốn lấy chồng nữa.

— Thế cậu ấy cũng thuận à ?

— Không thuận cũng phải chịu vậy, chứ sao ?

— Thế, thật ra, cô có bụng yêu cậu ấy không ?

-- Thôi đi, bảo-mẫu đừng hỏi tôi nữa, tôi vẫn có bụng yêu cậu ấy lắm ; ấy chính vì cậu ấy, mà tôi phải hi-sinh đời tôi đấy.

-- Thế thì cô khổ thật..... và bây giờ cô định đi đâu ?

-- Tôi cũng chưa nhất định, giờ đi đâu là tôi theo đấy.....

Ngay lúc đó, tiếng nhạc ngựa gọi khách âm ỹ cả đường làng, cô Bạch-Tuyết bèn từ giã bảo-mẫu lên xe đi. Bảo-mẫu trông theo một lúc rồi vào trong nhà càng nghĩ đến cô, lại càng thương thay cho cô thân phận liễu-bồ, từ nay góc bệ bên trời nắng mưa thui thui què người một thân....

(Còn nữa)



TIÊU THUYẾT TÀU

ÔNG LÝ-THÁI-BẠCH

Thời vua Đường Huyền-tôn, có bực tài tử tên là Lý-thái-Bạch nguyên là cháu chín đời vua Lương Võ-đế. Quê ở Cẩm-châu tỉnh Tứ-xuyên, bà mẹ khi xưa chiêm bao thấy sao Tràng-canh vào bụng mà có mang, sinh ra ông ấy, cho nên đặt tên là Thái-Bạch (tức là sao Tràng-canh ta thường gọi là sao Hôm). Ông ấy tư dung đẹp đẽ, cốt cách thanh kỳ. Năm lên mười tuổi, đã học thông các sách vở, mở miệng ra là thành văn-chương, vậy nên ai ai cũng cho là thần-liên giáng sinh, bèn gọi là Lý Trích-tiên (ông tiên phải đầy xuống trần), mà ông ấy tự hiệu là Thanh-liên-cư-sĩ.

Lý Trích-tiên nhất sinh chỉ hay rượu không thiết đường công danh, thường muốn chơi khắp sông to núi nhón trong thiên hạ. Trích-tiên nghe người ta đồn rằng rượu làng Ô-trình ở Hồ-châu rất ngon, bèn không quản đường trường nghìn dặm, đến tại đó vào hàng rượu mà uống. Uống say hát rầm rĩ cả lên. Khi đó xảy có quan Tư-mã là Cả-Diệp đi qua, nghe tiếng hát, sai đầy tớ vào hỏi thì Trích-tiên đọc luôn ngay bốn câu thơ đáp rằng :

Thanh-liên cư sĩ-trích-tiên đây!

Ba chục năm giờ tỉnh lại say.

Tư-mã Hồ-châu bằng muốn hỏi,

Như-Lai phát ấy tức thân này.

Tư-mã hỏi :

— Có phải là Lý Trích-tiên ở Thục đó không?

— Chính thị ! chính thị !

Tư-mã bèn mời về nhà, lưu lại uống rượu chơi mười ngày, tặng dãi hậu lắm.

Lúc sắp từ biệt Tư-mã bảo rằng :

— Cứ như tài túc-hạ, lấy thao xanh thao đỏ dễ như nhặt cái rác vậy, sao không về Tràng-an mà ứng thi ?

Trích-tiên nói :

— Hiện nay chính-sự triều-đình có ra gì, kẻ có thể làm đến quan to, kẻ có tiền đỗ lên khoa bảng. Tôi sợ dĩ bề tha trong cuộc thi tũ, là muốn tránh cái sự tức giận vì đám quan-tràng mù đó thôi.

— Tuy vậy, nhưng tức-hạ thì ai không biết tiếng, nếu đến Tràng-an, tất có người tiến cử.

Trích-tiên nghe nhờ, bèn về chơi Tràng-an. Một hôm dạo chơi xem cung Tứ-cực gặp quan Hàn-lâm-học-sĩ là Hạ-tri-Chương, hai bên hỏi han tên họ, rồi thành quen biết nhau. Tri-Chương mời Trích-tiên về tại nhà mình, kết làm anh em, mỗi khi uống rượu ngâm thơ tương đắc với nhau. Đến khoa xuân-thi Tri-Chương bảo với Trích-tiên rằng:

— Quan thủ-khảo khoa này là thái-sư Dương-quốc-Trung mà quan giám-thí thì là thái-úy Cao-lực-Sĩ, hai người ấy đều có tính tham của. Hiền-đệ không có vàng bạc lễ hấn, chẳng ăn thua gì. Hai người đó có quen biết tôi, để tôi viết một phong thư đưa cho hấn, hoặc giả hấn có nể tôi mà giúp cho hiền-đệ chẳng.

Trích-tiên cũng nể lòng anh em không nỡ từ chối. Tri-Chương bèn viết thư đưa cho Dương-quốc-Trung và Cao-lực-Sĩ. Hai người xem thư cười mát mà nói rằng:

— Hạ-Nội hấn ăn bao nhiêu tiền của Lý-thái-Bạch mà lại viết mảnh giấy xuống nhờ chúng ta thế này. Ta nên nhớ lấy tên ấy, nếu thấy quyền của Lý-Bạch, bất luận hay dở, cứ việc mà đánh hỏng đi thôi.

Đến kỳ thi, văn-chương của Trích-tiên dồi dào, nộp quyền sớm nhất. Dương-quốc-Trung cầm quyền xem qua một lượt, thấy mặt đề tên Lý-Bạch, bèn cầm bút sỏ toẹt cả vào quyền rồi nói rằng :

— Hạng học trò này, chỉ dùng đưng mài mực cho ta đượ mà thôi.

Cao-lực-Sĩ nói :

— Đồ ấy, tôi chỉ dùng làm đũa tháo hĩa ?

Nói đoạn, sai lính đuổi Trích-tiên ra trường. Trích-tiên giận lắm đến, về nhà Tri-Chương, phát nhời nguyện rằng :
« Nếu sau này có ngày đắc chí, nhất định bắt Dương-quốc-Trung phải mà mực và Cao-lực-Sĩ phải tháo hia, mới hả được cơn giận tức quá chừng ! »

Hạ tri-chương khuyên giải rằng :

-- Hiền-dệ bắt tất phải phiền não, hãy cứ ở đây, đợi khoa sau có quan chủ-khảo khác thì chắc là đỗ.

Từ đấy Trích-tiên lại về ở với Hạ-Nội hàn, ngày ngày chỉ uống rượu họa thơ chơi bời với nhau.

Xây hôm, có phiên-sứ mang quốc-thư đến. Triều-dình sai Hạ-tri-Chương bồi tiếp phiên-sứ ở nơi quán dịch. Hôm sau, sứ-giả vào châu dung trình quốc thư. Vua Huyền-tôn sai nội-hàn mở ra xem, thì không hiểu một chữ gì. Vua lại truyền cho cả văn võ trăm quan xem thơ, nhưng cũng không ai hiểu một chữ gì.

Vua nổi giận, phán rằng :

-- Bao nhiêu là triều-thần mà không ai là người học rộng, đề phân ưu cho trăm. Thơ này không hiểu gì thì trả lời làm sao, chẳng đề phiên-bang cười cho rư ?

Bèn hạn cho sáu ngày, triều thần phải cầu lấy một người biết chữ phiên, nếu không ai biết, thì trăm quan đều cách chức.

Thánh chỉ-phán ra, trăm quan nin lặng, rồi bãi châu dậu về đấy. Hạ-tri-Chương về nhà nói chuyện với Lý Trích-tiên.

Trích-tiên cười mà rằng :

— Tức thay cho tôi năm ngoái không đỗ, đề mà phân ưu cùng thiên-tử.

Hạ-tri-Chương ngạc-nhiên, hỏi lại rằng :

— Hiền-dệ biết chữ phiên chẳng ?

-- Khó gì mà chẳng biết.

Hôm sau Hạ-tri-Chương vào châu tâu rằng :

— Muôn tâu bệ-hạ nhà tiên-thần có một người học trò tên là Lý-Bạch, học rộng tài cao, muốn dịch phiên-thư, phi người ấy không ai dịch nổi.

Huyền-tôn lập tức sai sứ đến triệu Lý-Bạch vào chầu. Trích-tiên bảo sứ-giả rằng :

« Tôi là một người áo vải ở phương xa, không có tài thức gì, không dám phụng chiếu. »

Sứ-giả về tâu lại với thiên-tử.

Hạ-tri-Chương tâu rằng :

-- Lý-Bạch vì năm trước vào trường, bị quan trường đánh hồng oan, lại làm sĩ nhục mà đuổi ra cửa. Nay mặc áo trắng vào chầu, y lấy làm hồ mặt, cho nên không đến. Vạy xin bệ-hạ lấy đặc cách mà ban ân điển cho y, thì y tất phải p'ụng mệnh.

Thiên-tử nghe nài, nhậm từ cho Lý-Bạch đỗ tiến-sĩ cập đệ, ban áo mũ đai mãng đề vào bệ kiến. Sai Hạ-tri-Chương mang chiếu chỉ về nhà truyền cho Trích-tiên. Trích-tiên bèn mặc áo đội mũ vào chầu tạ ân.

Thiên-tử trông thấy Trích-tiên liền hỏi rằng :

— Nay có phiên-sứ đệ quốc-thư đến đây, triều thần không ai hiểu, cho nên triệu nhà ngươi vào chầu, để cắt nghĩa cho trăm nghe.

Trích-tiên tâu rằng :

-- Thần học thiên tài sơ, chưa sùng được ý quan trường, hướng chi là ý thánh-thượng.

-- Trẫm đã biết tài nhà ngươi rồi, ngươi đừng từ chối nữa.

Bèn sai thị-thần mang tờ phiên-thư ra đưa cho Trích-tiên xem.

Trích-tiên cầm phiên-thư đứng ngay trước ngự tọa đọc lên một lượt rồi cắt nghĩa rằng :

« Vua nước Bột-hải, kinh thơ cùng vua Đường-trào được biết. Từ khi Đường-trào chiếm lấy nước Cao-ly, sát vào bờ cõi bản-quốc. Quân ngoài ven thường thường xâm phạm đến bờ cõi bản-quốc, quả-nhân không có thể nhịn được, cho nên sai xứ lại thương nghị việc đó. Đường-trào phải đem 176 thành Cao-ly nhường cho bản quốc, sẽ có của quý dựng lại : như là nai Thái-Bạch, vải, Nam-hải, trống Bành thành, hươu Phù-dư v.v. . . . Như không chịu nhường thì bản quốc sẽ cất quân đến đánh nhau, xem bên nào thua bên nào được. »

Huyền-tôn nghe xong, lấy làm hãi ngạc phán hỏi các quan rằng :

— Nay phiên-vương muốn tranh Cao-ly, các đình thần ai có chức gì hay mà đáp lại không ?

Hạ-tri-Chương tâu rằng :

— Bệ hạ thử hỏi Lý-Bạch, tất có chức hay,

Ngài bèn truyền hỏi Lý-Bạch.

Trích-tiên tâu rằng :

Thánh-thượng bất tất phải lo việc ấy. Ngày mai sứ-giã vào châu, thần xin nói tiếng phiên, đối đáp sứ-giã, khiến cho vua nước Bột-hải phải hàng phục.

Huyền-tôn thấy Trích-tiên ứng đối giỏi giang, ngài mừng lắm, lập tức cất làm Hàn-lâm-học-sĩ mở tiệc yến ở trên điện Kim-loan, phán cho Trích-tiên tha hồ mà uống rượu, không cần phải giữ lễ phép gì.

Trích-tiên được lệnh, uống rượu hết sức thỏa thích, say quá không đi được. Thiên-tử sai nội-thị vựe sang bên điện nằm ngủ.

Canh năm hôm sau, thiên-tử lên điện, Lý Trích-tiên còn say chưa tỉnh, nội-thị giục giã vào châu, thiên-tử trông thấy mặt Trích-tiên còn đỏ, ngài sai nội-thị nấu một bát canh cá pha vị chua đem lên, ngài thấy canh còn nóng cầm đôi đũa ngà khuấy một lúc rồi ban cho Trích-tiên ăn để giải say.

Trich-tiên quý xuống ăn canh, ăn xong thấy khoan khoái trong mình, tỉnh ngay như thường.

Thiên-tử cho đòi phiên-sứ vào chầu, phiên-sứ lạy mừng xong. Trich-tiên cầm tờ phiên-thư đứng cạnh thiên-tử đọc lên một lượt, không sai một chữ nào. Phiên-sứ lấy làm sợ hãi.

Trich-tiên nói tiếng phiên mà bảo phiên-sứ rằng:

— Nước mây vô lễ, thánh-thượng ta lượng rộng như giới, không thêm chấp. Mây xuống đứng dưới thêm kia mà chờ lệnh.

Phiên-sứ sợ khiếp lại xuống thêm.

Thiên-tử sai kê giường thất-bảo ở cạnh ngai vàng, bày đủ đồ : nghiên bạch ngọc, bút ngà voi, mực long yên, giấy kim hoa, rồi cho Trich-tiên ngồi trên cái kỷ có đệm gấm ở bên giường đó mà thảo chiếu.

Trich-tiên tâu rằng:

— Thần có một điều này, cúi xin bệ-hạ thứ tội can rõ cho thần, thần mới dám nói.

Thiên-tử nói rằng:

— Cho phép nhà ngươi muốn nói gì thì nói, trẫm không bắt tội.

— Thần năm trước vào thi, bị Dương thái-sư đánh hỏng, Cao thái-úy sỉ nhục đuổi thần. Nay thần thấy hai người đứng áp ban, thần có ý thẹn thò, văn từ không được mạnh mẽ. Vậy xin bệ-hạ sai Dương thái-sư bưng nghiên mài mực, Cao thái-úy cỡi hia cho thần, thì thần mới mạnh mẽ tinh thần, viết ra nhờ nhẽ mới cứng cõi.

Thiên-tử đương lúc cần dùng, phải nể lòng mà chuyển chỉ sai hai người hầu hạ Trich-tiên.

Trich-tiên thích chí lắm, ngồi trên đệm gấm, một tay vuốt râu, một tay cầm bút viết, chỉ nhoáng mắt là thảo xong tờ chiếu, đứng lên long ấn,

Thiên-tử ngạc nhiên, cầm lấy tờ chiếu, không hiểu một chữ nào. Ngài sai cắt nghĩa để nghe, rồi phán cho phiên sứ lắng tai mà nghe chiếu chỉ.

Trích-tiên cầm tờ chiếu nói tiếng phiên mà tuyên đọc lên rằng:

« Hoàng-đế nhà Đại-Đường, chiếu dụ cho vua Bột-hải được biết, bản-triều ứng vận giờ mà lên, có khắp bốn bề, tướng mạnh binh hùng, áo giáp bền, đồ binh sắc, vua Hiệp-Lý trái lời thề mà phải bắt, nước Phò-Uyên đúc áo giáp mà lại chầu, nước Tân-La dựng bài tưng chức cầm, nước Thiên-Trúc hiến con chim biết nói, sứ Kha-Lãng dựng chim bạch-anh vũ, nước Lâm-Ấp cống hạt gạo quang-châu : đâu đâu cũng phải sợ oai mền đức, cầu được yên ổn, duy nước Cao-Ly cự mệnh, lập tức bị đánh phải tàn hại, lá chẳng phải cái diềm đỡ vì trái đạo giờ và lại cái gương sáng cho nước nghịch mệnh đó rư ? Huống chi nước người chẳng qua là một nước nhỏ ở ngoài bề, tỷ với Trung-Quốc, chỉ bằng một quận. Nếu dám nổi cơn giận bọ ngựa, dương oai cự điều thì thiên binh một mai kéo đến chắc phải lưu huyết nghìn dặm. Hiện nay lượng thánh bao dong, tha tội hôn-hào cho mi, mi phải mau mau hối quá, giữ phận cống hiến cho chăm, kéo bị chu lục.

Nay dụ »

Thiên-tử mừng lắm, sai đóng quốc-bảo vào hộp thơ, rồi giao cho phiên-sứ mang về. Phiên-sứ sợ hãi lạy từ giờ ra.

Phiên sứ hỏi riêng Hạ-tri-Chương rằng :

— Mới rồi người nào viết chiếu thế mà thiên-tử phải sai thái-sư mài mực thái-úy cỡi giầy ?

Hạ-tri-Chương đáp rằng :

— Người ấy tên là Lý-Thái-Bạch làm quan Hàn-Lâm-học-sĩ, là thần tiên trên giờ hạ giáng để giúp thiên-triều đó.

Phiên-sứ về nước tâu lại truyện với Quốc-vương. Vua Bột-Hải biết Trung-Quốc có nhân tài không dám mang

tâm bội phản nữa, và lại dâng biểu xin mỗi năm vào tiến cống một lần.

Thiên-tử từ đó kính trọng tài Trích-tiên, muốn gia phong cho quan tước, song Trích-tiên nhất định xin từ, chỉ xin được ung dung nhàn tản, hầu hạ trước ngự. Thiên-tử ban cho vàng lụa cùng là của quý, Trích-tiên cũng không nhận và tâu rằng : Thần chỉ xin theo quan Học-sĩ chơi bởi ngày ngày được uống rượu ngon là đủ. Thiên-tử biết cái chí thanh cao của Trích-tiên, không nỡ nài ép, từ đó thường thường ban yến, rồi lưu lại ngủ trong điện hỏi han các việc chính sự. Một hôm, Trích-tiên cưỡi ngựa ra chơi chợ Tràng-an, sầy gặp một toán quân đao-phủ, áp giải một tên tù ngồi trong xe đem đi sử tử. Hỏi ra thì là một quan binh phải tội ở Tinh-châu giải về, tên là Quách-tử-Nghi, Trích-tiên trông dáng người đó diện mạo khôi ngô, biết là ngày khác làm nên cột đá cho nhà nước, vội vàng quát mắng quân đao-phủ, không được hành hình vội, rồi tể ngựa vào châu, tâu xin Thiên-tử ban cho một đạo xá-văn ra cứu Quách-tử-Nghi, tha cho tội chết và cho đái tội lập công. Tử-Nghi lạy tạ ơn cứu mạng rồi về Tinh-Châu.

Bấy giờ ở trong cung hoa mẫu-đơn nở đang thịnh. Hoa ấy từ Đường-châu đem cống, trong cung nở được bốn gốc, mỗi gốc nở ra một sắc hoa : đại hồng, thâm tử, thiên hồng, thông bạch. Thiên-tử sai đem bốn thống hoa bày bên cạnh đình Trầm-Hương, để cùng với qui-phi thưởng ngoạn, và sai bọn lê-viên tử-đệ cử nhạc để thưởng hoa.

Ngài phán rằng :

— Đối với phi-tử ngắm xem cây hoa đẹp, can gì lại dùng khúc cũ.

Ngài bên sai quau trưởng-nhạc là Lý-qui-Niên ra đòi Trích-tiên vào cung để làm bài hát mới.

Nội-thị tâu rằng :

— Lý học-sĩ đã đi hàng rượu rồi.

Lý-qui-Niên lập tức ra chợ, vào hiên cao-lâu tìm nghe có một người đang hát, Qui-Niên biết là Trích-tiên, vội vàng lên lầu mời về, thì Trích-tiên đã say khướt ra rồi.

Qui-Niên nói :

— Thánh-thượng hiện ở trong đình Trầm-Hương, đang đứng đợi học-sĩ đó, mời học-sĩ về ngay.

Trích-tiên giương đôi mắt say rượu ra nhìn Qui-Niên, đọc luôn một câu thơ rằng :

Ta say, buồn ngủ, người hãy về.

Đọc đoạn nằm ngay ra đấy ngủ tit.

Qui-Niên không sao được, phải sai bảy, tám tên thầy-tớ vục Trích-tiên xuống lầu đặt lên mình ngựa, súm sít lại nung đỡ đi thẳng đến trước lầu Ngũ-Phượng. Thiên-Tử cho phép cưỡi ngựa đi thẳng vào cung, đến tại đình Trầm-Hương.

Thiên-tử trông thấy Trích-tiên ngồi trên ngựa, đôi mắt lim dim, vẫn còn say rượu. Ngài sai nội-thị trái tẩm chiên đồ ở cạnh đình rồi sai đỡ Trích-tiên xuống ngựa cho nằm nghỉ. Ngài thân đến coi xét, thấy Trích-tiên mồm mép nhầy nhụa những bọt giãi, ngài lấy tay áo long-bào lau cho.

Qui-Phi nói : «Nước lạnh rửa mặt có thể tỉnh được rượu.» Ngài bèn sai cung-nữ lấy nước lã rửa mặt cho Trích-Tiên. Trích-tiên dần dần tỉnh rượu, trông lên thấy Thiên-tử vội vàng cúi đầu xuống tâu rằng : Tội thần đáng chết !

Thiên-tử đỡ dậy mà bảo rằng :

— Trầm nay cùng với qui-phi xem hoa muốn cho hát một khúc mới, vậy triệu người vào đây để làm cho ba câu hát mới theo điệu thanh-bình.

Trích-tiên thấy sẵn sàng bút mực, bèn cầm bút khoảng luôn một lúc xong ba câu thơ :

- I *Xiêm áo nghi dung vẻ đậm đà,
Đêm xuân giọt móc đượm màu hoa.
Vị không gặp gỡ trên non Ngọc,
Dưới nguyệt đèn Dao đó hẳn là.*
- II *Hương nồng móc đượm một cảnh xuân,
Đỉnh giáp bóng khuâng giấc mộng thần.
Uớm hỏi Hán cung ai được thế ?
Phấn son phi yển họa chẳng gần.*
- III *Sắc nước hương giới được cả đôi,
Quân vương cười ngắm siết bao vui ?
Gió xuân tan hết lòng ngao ngán,
Bên triện đình Trầm đứng tựa coi.*

Thiên-tử xem thơ, nước nở khen ngợi, rồi sai Lý-qui-Niên đem ba bài thơ lựa vào khúc đàn mà hát, Dương qui-phi lạy tạ thiên-tử. Ngài nói rằng : đừng tạ trẫm, nên tạ Lý Học-sĩ, qui-phi bèn cầm một cái cốc thất bảo, rót đầy một cốc rượu bồ-đào-tây-lương (1) (tức là rượu nho) sai cung nữ bưng ra thưởng cho Trích-tiên. Từ đó trong cung mỗi khi có tiệc yến, thiên-tử lại cho triệu Trích-tiên vào hầu. Qui-phi cũng kính trọng Trích-tiên lắm. Cao-Lực-Sĩ từ khi phải tháo hia lấy làm căm tức, thường muốn tìm dịp báo thù. Một hôm qui-phi đứng tựa bao-lou, ngâm đi ngâm lại ba bài thơ « thanh bình điệu » lấy làm hay lắm. Cao-Lực-Sĩ thừa cơ tâu rằng :

— Muôn tâu nương-nương, chúng tôi thoát nghe mấy bài thơ đó, tưởng chừng nương-nương thế nào cũng tức giận, sao lại khen ngợi làm vậy ?

Qui-phi nói :

— Có điều gì mà tức giận ?

— Muôn tâu, trong bài thơ thứ hai có câu « Phấn son phi yển họa chẳng gần ». Phi-yển là Hoàng-hậu vua Hán Thành-đế, được vua hương yêu vô cùng. Phi-Yển tự thông một chàng tên là Yên-Xích-Phượng, vua Thành-đế vào

ý chừng rượu quinquina con Mèo chẳng ?

cung bắt được Xích-Phượng ở sau vách, giết đi. Nay Lý-Bạch đem Phi-Yến sánh với nương-nương, là có ý xỏ xiên, xin nương-nương thử nghĩ kỹ mà xem.

Quý-phi bấy giờ cũng đang tư thông với An-lộc-Son, thấy Cao-lực-Sĩ nói câu ấy, chùng ngay vào tâm sự của mình, bởi thế sinh ra ghét Trích-tiên, thường thường nói mấy thiên-tử rằng : Lý-Bạch không có lễ phép làm tôi. Thiên-tử thấy Quý-phi không ưa Trích-tiên, từ đó không chiếu vào hầu yến, vào cung không cho ngủ trong điện nữa.

Trích-tiên biết là Cao-Lực-Sĩ gièm pha, bèn xin cáo về, nhưng thiên-tử không cho về, Trích-tiên, từ đó lại càng rượu chè phóng túng, cùng Hạ-tri-Chương, Lý-thích-Tri, Vương-Liêu, Thôi-tôn-Tri, Tô-Tấn, Chương-Húc, Chiêu-Toại kết làm bạn uống rượu, ngày đêm say sưa với nhau, người ta gọi rằng : « *Ấm (1) chung bát-tiên* ».

Một hôm thiên-tử bảo Trích-tiên rằng :

— Nhà chi nhà ngươi vốn muốn cao ần, vậy cho nhà ngươi hãy tạm về, nhà ngươi muốn cần dùng thức gì trăm sẽ cấp cho ?

Trích-tiên tâu rằng :

— Thần không cần dùng thức gì cả, chỉ xin trên đầu gậy của thần, lúc nào cũng có tiền để hàng ngày được say là đủ.

Thiên-tử bèn cấp cho chiếc kim bài, trên mặt kim bài khắc một dòng chữ ngự thư rằng :

« *Lý-Bạch là quan Học-sĩ không phải lo gì ở thiên-hạ, gặp chợ được uống rượu, gặp kho phải chi tiền, đến phủ nào phải cấp 1000 quan. Hết thầy văn võ quan viên cùng là bình-dân hễ ai bắt kinh thì luận vào tội vi-chiếu* ».

Thiên-tử lại ban cho 1000 lạng vàng, cùng là áo cầm bào, đai ngọc, ngựa long-mã, yên vàng và 20 tên lính hầu. Trích-tiên giập đầu tạ rồi giở ra. Thiên-tử thân cầm hai đóa hoa vàng cài lên mũ cho Trích-tiên, lại ban cho uống ba chén rượu ngự, cho phép cưới ngựa ngay trước sân rồng mà đi ra. Trăm quan cấp bầu rượu đi tiễn từ Tràng-

(1) Hội đồng đánh chén !

an ra khỏi 10 dặm tràng-đình, chỗ nào cũng rượu chè tiên tống, chỉ có Dương-quốc-Chung Cao-lực-Sĩ là không đi tiên thời. Bọn bảy người bạn rượu thì tiễn ra ngoài trăm dặm lại lưu lại uống rượu với nhau ba ngày, rồi mới biệt nhau.

Trich-tiên mặc áo gấm, cưỡi ngựa lên đường, đi đến đâu lấy tiền uống rượu đến đấy. Chẳng bao lâu về đến quê nhà, các quan bản hạt và các thân hữu đều đến mừng, ở nhà nửa năm lại từ biệt vợ là Hứa-thị mà đi dạo chơi sơn thủy.

Bấy giờ Trich-tiên ăn mặc giả dạng một thầy đồ dốt ngàm chiếc kim-bài vào bụng, chỉ đem một thỏi tiền đồng và cưỡi một con lừa đi chơi. Một bữa đi đến huyện Hoa-Lâm, nghe tin quan huyện đó tham của bại dân, muốn trị cho một mẻ, bèn cưỡi lừa đi thẳng vào cửa huyện gõ cửa ầm ầm một hồi.

Tri-huyện ngồi trên công-đường xử việc quan, trông thấy, nổi giận, sai lính bắt lại tra hỏi. Trich-tiên giả dạng say rượu chẳng đáp lại làm sao. Tri-huyện sai điệu vào giam trong ngục, bắt phải làm tờ cung khai.

Tên cai ngục đem giấy bút đến bắt Trich-tiên khai tờ. Trich-tiên cười mà khai rằng:

Người cung trạng tên là Lý-Bạch, quán ở Cầm-châu.

Hồi trẻ tuổi đã giỏi thơ văn,

Khoa ngòi bút quý thần cũng khiếp.

Sứ Tràng-an, bát-tiên bạn kết,

Nơi trúc khê, lục-dật tên xưng.

Giao sứ Nam danh tiếng đã vang lừng,

Trốn cung-diện cũng đã từng nằm nghỉ.

Húp canh nóng, tay vua khuấy đồ,

Chảy dãi miệng áo ngự lau thay.

Cao thái-úy tháo giầy,

Dương thái-sư mài mực.

Sân đèn thiên-tử còn để ta tế ngựa đi vào,

Cửa huyện Hoa-lâm lại cấm ta cưỡi lừa đến đó!

Xin nghiệm kim-bài cho rõ,

Sẽ hay lý-lich của ta.

Tên cai ngục trông thấy tờ khai rưng rờ hết vía, cúi ngay xuống lạy xin thứ tội.

Trích-tiên nói :

-- Việc này không can gì đến mày, mày hãy bảo cho viên tri-huyện biết rằng : ta phụng thánh-chỉ đến đây, có tội gì mà giam tao. Tên cai ngục vội-vàng mang tờ khai lên trình viên tri-huyện, viên tri-huyện sợ tái mặt lại, đến ngay tận chỗ giam rập đầu van lạy. Các quan viên gần đó đều đến chào mừng, mời Trích-tiên ngồi trên công-đường.

Trích-tiên đưa kim-bài cho đông quan-viên xem rồi quả mắng rằng :

« Nếu tao cứ chiếu lời trong kim bài này thì chúng mày đáng phải tội gì ?

Đám quan viên đều quý cả xuống mà van lạy rằng :

-- Muôn tâu cụ-lớn, chúng con toàn là tội đáng chém cả, nhưng xin cụ-lớn dung thứ cào chúng con.

Trích-tiên tùm tùm cười mà rằng :

— Chúng mày đã ăn lộc của nhà vua, sao lại còn bỏn khoét một dân như vậy ? Nếu biết hối quá thì ta mới tha tội được.

Bọn quan viên xin tuân lệnh, không dám tham lam nữa. Bọn ấy liền mở tiệc yến ở đó mời cụ uống rượu luôn ba ngày. Từ đó viên tri-huyện đổi được tính tham, thành ra một vị quan thanh liêm. Tin ấy truyền đi các nơi, ai ai cũng tưởng là thiên-tử sai Trích-tiên đi thám xét hình sự phong-tục, bởi thế quan nào cũng phải giữ gìn, không ai dám tham tâm như trước.

Về sau, An-lộc-sơn khởi loạn, vua Huyền-tôn chạy ra đất Thục, Trích-tiên lánh loạn, vào ẩn trong núi Lư-sơn. Vĩnh-vương-Lân bấy giờ làm tiết-độ-sứ miền đông-nam, có ý muốn tranh ngôi thiên-tử, nghe tiếng Trích-tiên là tay đại tài thiên-hạ, cố ép phải về Mạc-phủ giúp việc. Không bao lâu vua Túc-Tôn lên ngôi ở Linh-võ dùng Quách-tử-Nghi làm đại-nguyên-soái khởi phục được hai kinh, lại dẹp tan được Vĩnh-vương-Lân. Trích-tiên khi đó mới

được thoát thân trốn về cửa sông Tầm-Dương thì bị quân canh sông bắt được dải đến nộp cho nguyên-soái.

Quách-tử-Nghi trông thấy Trích-tiên vội vàng xuống còi trời, mời lên ngồi chiếu cao, rồi thụp xuống lạy mà nói rằng:

— Ngày xưa ở trên chợ Tràng-An, nếu không gặp ân-nhân cứu mạng thì tôi còn đâu đến bây giờ. »

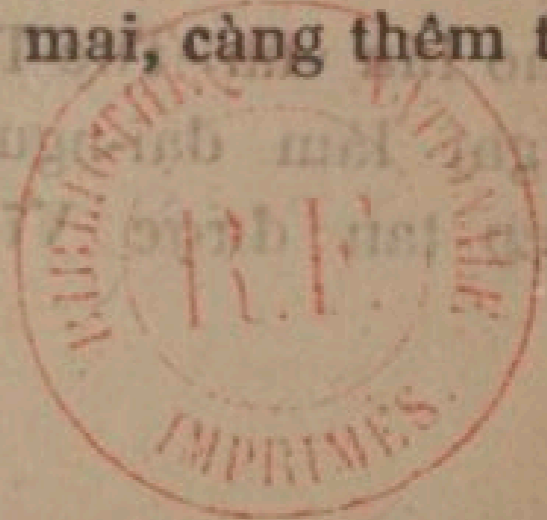
Liền sai giọn rượu để cụng chấn cơn sợ hãi, rồi dựng sớ về tâu thiên-tử, gỡ tội cho Trích-tiên. Vua Túc-Tôn cũng vốn đã biết tài Trích-tiên triệu về làm Tả-thập-di, nhưng Trích-tiên cố từ không chịu làm quan nữa, bèn từ biệt Quách-tử-Nghi đi thuyền về Nhạc-Dương để ra chơi Kim-Lăng. Khi thuyền ở bến Thái-thạch đêm ấy giăng sáng vắng vặc như ban ngày, Trích-tiên ngồi uống rượu trên đầu thuyền, bỗng đâu trong sông nổi cồn sóng gió giữ dội, có một con cá sấu to nổi lên mặt nước. Trích-tiên nhảy xuống sông ngồi lên trên lưng cá sấu mà đi đâu mất. Người trong thuyền đem việc ấy trình với quan huyện sở tại. Quan lại tâu về triều đình, thiên-tử sai lập đền thờ Trích-tiên ở núi Thái-Bạch đến nay ai cũng khen cụng là thánh rượu tiên thơ.

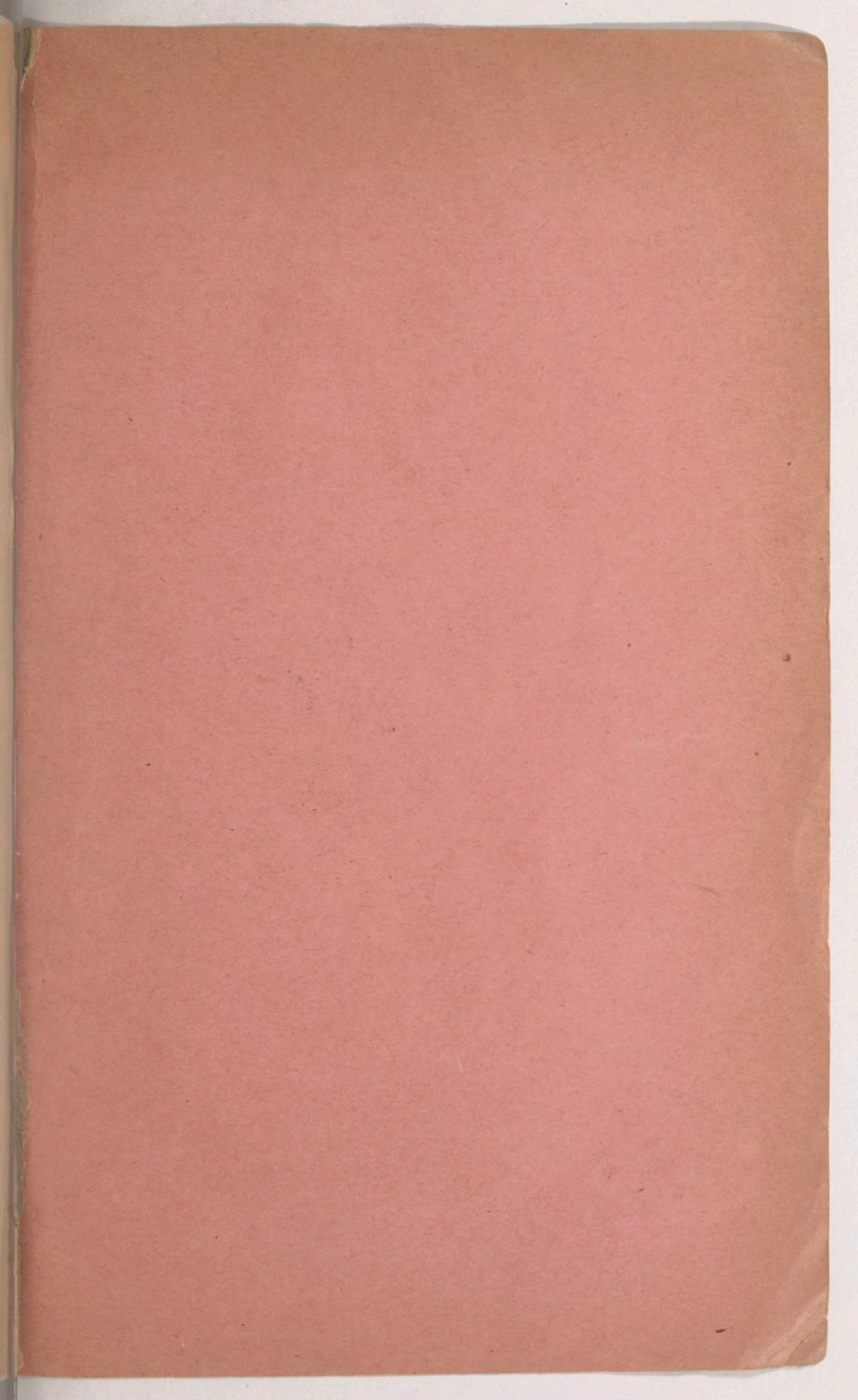
B. V. B. Đ. D. T. C.

Từ-Son *trích-lục.*

Lời-bàn. — Trong triều có nịnh-thần tham-quan mà vua vẫn tin dụng không biết, lại dùng làm chánh khảo vì lòng tham mà đánh hỏng Lý-thái-Bạch, về sau sứt mang họa to cho nước nhà ! Ôi ! có lẽ vua Huyền-Tôn vì mê qui-phi mà triều-chính không quan tâm !

Trong chiều trăm chức nọ, trước kia, nào quan hoàng-giáp, quan tiến-sĩ, học rộng tài cao, rút cục đều thua anh chân trắng ! Chức mà làm chi ! Trước mà làm chi ! Ai ơi chớ cậy mảnh giấy văn bằng mà đã tự phụ thánh thần, lên mặt với bà con, hãy xin dương mắt coi bác đồ say khướt Trích-tiên ! Đáng thẹn lắm thay ! Đáng hổ lắm thay ! Cơm vua ! Áo chúa ! Óc đặc cán mai, càng thêm tủi nhục với chức vụ !





Dépot légal - Direction Supérieure au Collège
de la Société de Patrimoine des Ecoles Publiques Hanoïennes.
Le tirage exact de mille exemplaires.

Hanoï le 30 Décembre 1946
A. Le Directeur



IMP. NGHIÊM-HÀM. — HANOÏ.

